

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

ĐOÀN PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỤC BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 308



BỘ MỚI SỐ 28 * 15.2.1960

1.— Đêm Tết cầu cơ	Diệu-Huyền	6 — 9
2.— Hòn đất nắn nên ông Bụt	Thanh Phương	10 — 17
3.— Ở Paris người ta cũng ăn thịt Chuột	Nguyễn Ang Ca	18 — 21
4.— Sắc hương (thơ)	Cao hoàng Nhân	22
5.— Hoàng Cao Khải: một công thần	Thiện Sinh	23 — 24
6.— Hải quân V.N. đã thắng	Song An cư sĩ	25 — 33
7.— Người Châu tốt (truyện ngắn)	Hoàng Thắng	34 — 36
8.— Nàng Chinh phụ trong Chinh phụ ngâm Vũ đức Trinh		37 — 44
9.— Hối Chứa Xuân (thơ)	Ứng Bình	
Cầm đêm giao thừa (thơ)	Tương Phố	45
10.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	46 — 49
11.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến: Phạm Quỳnh	Nguyễn Vỹ	50 — 55
12.— Đêm hát bội đầu năm	Thanh Phương	56 — 63

13.— Đầu mùa (thơ)	Thanh Nhung	64
14.— Về hai nhân vật miền Nam	Nguyễn thành Cung	65 — 69
15.— Đường loạn (truyện ngắn)	Phương Anh	70 — 81
16.— Học sinh nước Anh đi du lịch	Tom Pocock	82 — 84
17.— Những nét hùng tráng trong thi-ca	Đặng văn Nhâm	85 — 89
18.— Albert Camus	Nguyễn Vỹ	90 — 92
19.— Cô gái điên (truyện dài)	Vi Huyền Đắc	93 — 97
20.— Minh ơi ! Một đoạn văn của	Diệu Huyền	98 — 103
21.— Tôi làm phim	Thái thúc Diễm	104 — 108
22.— Thơ lên ruột	Diệu Huyền	109 — 110
23.— Kiên Trinh (truyện dài)	Cô Vân Nga	111 — 115
24.— Tuyết Xuân (thơ)	Nguyễn-Vỹ	116
25.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	117
26.— Đáp bạn bốn phương	Cô Bạch Yến và D. Huyền	118 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền

* Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dần

* Bìa Offset Vạn-Quốc

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
đăng những bài trong tạp-chí PHỔ - THÔNG, nhưng
yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG
và đừng viết tắt.

● Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-
quốc mà không xin phép.

● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
reproduction même partielle, réservés pour tous
pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Đêm Tết

CẦU CỜ

★ Hồn ma của 4 Thi-sĩ hiện về họa thơ ★

Đêm mùng Bốn Tết vừa rồi, chúng tôi, một nhóm 6 người, tự dựng nầy ra ý-định cầu cơ và thử mời các vong hồn Thi sĩ quá cố về họa thơ chơi, xem có được không.

Chúng tôi ở phòng khách trên lầu một biệt thự ở trung-tâm Dalat. Lúc bấy giờ đã 10 giờ đêm, thành phố yên-tĩnh, lạnh lùng. Sương mù ẩm chặt lấy rừng thông, người ta chỉ còn nghe tiếng rên-rỉ của đêm xuân, mù mịt, ảo-huyền.

Theo lời đề-nghị của một bạn, tôi phải làm lệ một bài thơ. Làm xong, một bạn thắp hương, khấn vái, rồi đọc lên, đọc đi đọc lại chừng-chạ, 3 lần.

Hai người mediums cầm cơ là một cô Nữ sinh và một bà Giáo. Bài thơ như sau đây :

Đầu năm Canh-Tý, thính chư tiên
Giáng bút bàn chơi chuyện ảo-huyền.
Thế-giới nghị hòa hay biến-loạn ?
Việt-Nam cuộc-diện được bình-yên ?
Nhân-dân Nam Bắc đều no ấm ?
Thống-nhất giang-san sẽ vẹn tuyền ?
Hỡi các thi hào trên Thượng-giới,
Năm vắn, xin họa đề giao-duyên !

Đọc xong 3 lần, nhưng không thấy Cơ nhúc-nhích. Một ông giáo liền nói :

— Nào, chúng tôi xin thành-kính mời một vị thi-sĩ ở tiên-giới hiện về giảng bút họa bài thơ ấy cho vui.

Ông bạn bảo tôi đọc lại từng câu, và đọc thật chậm. Đọc lại 3 lần nữa như thế, thì Cơ bắt đầu xoay chuyển. Tôi hỏi :

— Xin cho biết là vị nào ?

Cơ lần lượt chỉ những chữ : P, H, A, N, V, Æ, N, T, R, I. Một cô bạn làm thơ ký, ghép chữ lại thành tên : PHAN-VĂN-TRỊ.

Rồi tiếp tục Cơ chuyển khá mau, thành bài thơ dưới đây :

Phan nầy không dự hội Thần Tiên,
Song họa thơ vui nét dịu-huyền.

Âm-dương cách-trở vô-cùng tận,
Đạo-nghĩa bao-la bất thập tuyền.
Nhân khách hồng-trần nên sáng-suốt.
Mấy câu chuyết-bút để làm duyên.

PHAN-VĂN-TRỊ

Làm xong bài thơ rồi là Phan-văn-Trị đi mất. Cơ ngưng lại, không cử động nữa. Cô bạn làm thơ ký đọc lại

hết bài thơ, rồi cô cao hứng ngâm lên hai lần nữa.

Một bà bạn ngạc - nhiên và khoái chí, thấp ba thế nhang khác và khẩn vái một Thi-sĩ khác. Một lúc không lâu, Cơ bắt đầu chuyển, và chúng tôi theo chữ ghép lại, thì lần này là CỤ PHAN-BỘI - CHÂU ! Nhưng CỤ xưng là « Bội Châu », không có chữ *Phan*.

Đây là bài thơ họa của CỤ :

Rằng bạn trần-gian hỏi lão Tiên,
Thiên-cơ nỏ phải chuyện hư-huyền.
Hoàng - hoàng xích-xích chi thêm
loạn ?

Bắc Bắc Nam Nam nhẽ chẳng yên ?
Xương máu nặng-nề hồn thảo mộc,
Gió mưa tan tác cảnh lâm tuyền !
Hỡi ai, ai hỡi, giòng Âu-Lạc,
Đáng hồ, đáng buồn, phận với duyên !
BỘI-CHÂU.

Chúng tôi đang ngâm - nga với nhau bài thơ của cụ Phan Bội - Châu, ngâm lại cả ba bài vừa rồi, và đang trầm - trở phê-bình mỗi câu mỗi chữ, thì bỗng Cơ lại chuyển. Lần này chúng tôi rất đổi ngạc - nhiên và ai nấy đều tùm tùm cười, vì Hồn thơ vừa nhập vào Cơ là cô HỒ-XUÂN-HƯƠNG !

Nữ-sĩ họ Hồ coi bộ nóng-nảy lắm cho nên đẩy Cơ đi thật nhanh, đến đổi phải ba người chép chữ mới theo kịp cô. Đây là bài thơ họa rất tức cười của cô HỒ-xuân-Hương :

Biết ai là tục, biết ai Tiên ?
Hỏi chuyện đá đeo, hỏi Diệu-Huyền ?
Một Tý, tý thôi, còn chữa chán,
Năm Canh, canh mãi, dễ gì yên !
Cù nhảy, cù nhăng, đang lồng-lộn,
Ỗ-ạch, ỉ-eo, cũng vẹn tuyền !
Còn mấy lần xuân, chơi mấy chốc,
Kéo già khòm khòm hết cơ duyên !
HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Chúng tôi không ai nhìn cợt được nữa. Rõ thật là giọng thơ đặc biệt của Nữ sĩ Hồ-xuân-Hương, một Hồ-Xuân-Hương vừa trắng trợn, vừa kín đáo, đầy bóng đầy gió, và chúng ta không thể nào ngờ rằng tác giả bài thơ « *Cái đu* » và « *Cái quạt* » chết đã hơn một 100 năm rồi mà hồn thơ vẫn còn đầy nhựa sống.

Rất lạ lùng, là Hồ Xuân Hương đi rồi thì Cơ không chạy nữa. Đã hai giờ sáng rồi, mặc dầu chúng tôi còn thay phiên nhau gọi hồn các Thi sĩ khác, và thấp hương khẩn vái cả cụ Nguyễn Du và ông Tú Xương, nhưng tuyệt nhiên Cơ không cử động nữa, nằm chết một chỗ.

Cuộc cầu Cơ đành phải chấm dứt, chúng tôi rất tiếc, và chẳng hiểu tại sao.

Tôi xin ghi sơ lược lại đây đêm cầu Cơ hôm Tết để thêm tài liệu thí nghiệm về vấn-đề thần-linh-học.

N.V.

Hòn đất nặn nên

Ông BỤT

ÔNG NGHỀ ĐÔNG MẪU, NGÔI ĐẤT PHÁT NHỨT ĐẠI CÔNG KHANH

SÁCH Tang thương ngẫu lục có chép : « Về đời nhà Mạc, năm Đinh Hợi Mạc-đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê rồi tự xưng làm vua đặt niên hiệu là Minh - Đức. Sang năm Canh-Tí (1530), Mạc-đăng-Dung nhường ngôi cho con là Mạc-đăng-Doanh rồi về lại Cồ-Nhai làm Thái-Thượng-Hoàng theo đúng lệ của Nhà Trần trước kia.

Hồi bấy giờ dân chúng vẫn còn tưởng nhớ đến nhà Lê, giặc giã bốn phương nổi lên dưới danh nghĩa phủ Lê diệt Mạc để đánh cướp các nơi. Tại huyện Vĩnh-Yên vùng Bạch-Hạc làng Đông-Mẫu có một người nông dân tên là Hoàng-Sầm rất giỏi nghề làm ruộng lại có sức khỏe, năm 24 tuổi

vẫn theo nghề nông tang không biết chút chữ nghĩa gì hết. Một hôm, có quan Thượng-Thor Nguyễn-doãn-Địch cáo lão hồi hưu, về quê di dưỡng tuổi già. Quan huyện Sở Tại được chiếu chỉ biết tin Quan Thượng Nguyễn sẽ về quê nên Quan vội sức cho các Hương Lý Chánh Phó Tổng phải sắp sẵn dân phu tức trực đón rước quan Thượng Nguyễn và gia đình.

Hoàng-Sầm là dân phu dốt nát nên phải là dân phu ra khiêng kiệu quan Thượng chí sĩ.

Hoàng-Sầm khiêng kiệu bỗng lác thấy một vị Tiểu-Thor nhan sắc yêu kiều diễm lệ, Sầm quên mình là dân phu dốt nát liếc mắt dòm trộm dâm mê thương Tiểu-

★ THANH-PHƯƠNG

HÒN ĐẤT NẶN NÊN ÔNG BỤT

Thor lá ngọc cành vàng con gái yêu của Cụ Thượng-Thor Nguyễn-doãn-Địch.

Đi làm dân công khiêng kiệu xong, Hoàng-Sầm về nhà đau tương tư ngày đêm, tưởng nhớ đến vị Thiên-Kim Tiểu-Thor con quan Thượng-Thor họ Nguyễn. Hoàng-Sầm đem nỗi lòng trình bày với Mẹ. Nhà chỉ có một mẹ một con vì cha Hoàng-Sầm đã khuất núi từ ngày Sầm còn bé. Mẹ Sầm chắt-chiu, thắt lưng, buộc bụng nuôi con khôn lớn dạy dỗ vợ cho Sầm nhiều nơi Sầm không chịu lấy. Nay nghe Sầm đòi lấy con quan Thượng-Thor Chí-Sĩ họ Nguyễn làm Bà hốt hoảng cho Sầm là điên khùng có đầu đũa mốc lại chòi mâm son. Nhưng Hoàng-Sầm nhứt định xin với mẹ mang giầu cau đi dạm hỏi con gái quan Thượng-Thor họ Nguyễn cho Sầm. Sầm tự ra chợ mua buồng cau lớn và trăm trầu đẹp nhờ Mẹ đến đình cụ Thượng dạm vợ. Cụ chẳng đã, bà mẹ Hoàng-Sầm phải chiều con mang trầu cau đề xin vào hầu Cụ Thượng Nguyễn. Chờ chực giờ lâu, Cụ Thượng mới cho lính ra đòi Mẹ con Hoàng-Sầm vào. Chừng Cụ Thượng nghe nói mẹ

Hoàng-Sầm đem trầu cau đến dạm con gái Cụ liền cười cho đời Sầm vô hồi : — « Con gái tôi lá ngọc cành vàng, con một quan Thượng-Thor chí-sĩ có bao giờ chịu lấy một anh chàng Bạch ốc như anh. Vậy tôi ra điều kiện cho anh là phải lo lập nên sự nghiệp trước rồi mới có thể cưới con gái tôi được ».

Hoàng-Sầm mừng rỡ lạy tạ và thưa lại rằng : — « Xin Cụ Lớn giữ lời hứa cho. Tôi xin tuân theo mạng lệnh của Cụ Lớn về lập sự nghiệp trước khi cùng với lệnh ái đính hôn ».

Cụ Thượng Nguyễn cả cười bằng lòng. Về đến nhà, Sầm xin Mẹ một sào ruộng đem bán được ba mươi quan tiền rồi ra Thăng-Long tìm danh sư cầu học. Học trong ba năm giời đến kỳ thi Hương tại Huyện Hiệp-Hòa, tỉnh Bắc-Giang, Hoàng-Sầm thi đỗ giải nguyên khoa Mậu Tuất (1538). Lúc ấy Sầm được 27 tuổi và thi Hội đỗ Thám-Hoa. Ngày vinh quy bái tổ, Hoàng-Sầm đến chào cụ Thượng Nguyễn đề xin cưới con gái của Ngài.

Sách chép sơ lược như vậy tỏ ra Hoàng Sầm là người có trí lớn

HÒN ĐẤT NẶN NÊN ÔNG BỤT

Thật ra học chữ Hán 10 năm chưa chắc đã đỗ. Thập niên đăng hỏa văn trượt là thường. Đàng này Hoàng-Sầm học chỉ có 3 năm thi khóa đầu năm Mậu Tuất đã đậu Giải Nguyên và vô kinh thi Hội lại đậu Thám-Hoa.

Câu chuyện Hoàng-Sầm truyền khẩu đến ngày nay như sau đây :

— Tại làng Đông Mầu, Huyện Bạch-Hạc, thuộc phủ Vĩnh-Yên, trấn Kinh Bắc có một gia đình họ Hoàng tên Đạt làm nghề canh cửi. Hoàng-Dạt lấy vợ được 2 năm, sanh được một trai đặt tên là Hoàng-Sầm rồi Đạt bị bạo bệnh mà chết. Vợ Đạt chôn chồng xong ở vậy nuôi con cố gắng lam làm tằm tang canh cửi để lần hồi nuôi nhau. Mẹ Sầm còn trẻ tuổi lại nhan sắc nhưng vì tiết trinh luật lệ trong làng, phong tục của hàng Huyện nên mẹ Sầm ở vậy thủ tiết thờ chồng nuôi con. Sầm ngày càng lớn khôn mặt mũi sáng sủa nhưng không chịu học hành gì cả. Và lại, đất văn học có giống, có giống nên Mẹ Sầm tưởng rằng Bố Sầm, Hoàng-Dạt, chuyên nghề tằm tang canh cửi, dệt nết thì Sầm cũng theo nghiệp bố mà làm ruộng trọt đời. Sầm

khỏe mạnh, làm ruộng hết sức chuyên cần và giỏi nên nhà có 2 sào ruộng mẹ con thay nhau cấy sâu, cuộc bữa lúa tốt được mùa nên gia đình Hoàng-Sầm được sung túc.

Năm Hoàng-Sầm lên 16 tuổi mẹ Sầm đi dạm vợ cho Sầm nhưng Sầm không chịu. Mẹ Sầm thường than phiền khóc lóc về hành động của Sầm không chịu lấy vợ cho bà sớm có cháu nội để bông.

Một hôm Sầm đi làm đồng về gặp một Cụ già bận quần áo dài thâm, mang ô lục soạn, tay cắp đôi dép lững thững đi ngoài đồng. Sầm lấy làm lạ theo sát Cụ Già ấy. Đi được một quãng bỗng cụ đứng dừng lại chỉ một ngôi mộ mà hỏi Sầm : — Cậu có biết ngôi mộ đây của nhà ai không ?

Sầm ngạc nhiên vì câu hỏi của Cụ Già ấy, ngôi mộ đó là mộ của cha Hoàng-Sầm tên là Hoàng-Dạt táng từ ngày Sầm mới 2 tuổi đến nay tuy ngôi mộ không ai đắp điểm mà mỗi ngày một lớn. Hoàng-Sầm liền chấp tay thưa rằng :

— Thưa Cụ, ngôi mộ này là của ông thân sinh ra cháu.

HÒN ĐẤT NẶN NÊN ÔNG BỤT

Cụ già nhìn Hoàng-Sầm lắc đầu và nói : — Ngôi mộ đề trúng cách chỉ tiếc rằng đoán hậu nên về sau bị một người đàn bà phá.

Hoàng Sầm không hiểu gì về Địa Lý nhưng khi nghe Cụ Già nói vậy Sầm lo sợ cúi lạy xin Cụ chỉ giáo cho. Cụ già nói : — “Ta là, Roãn Khanh ở bên Sơn Nam qua, nhân đi ngang đây thấy ngôi đất rất đẹp, nên đứng ngắm. Tay Long kéo từ miền Bắc chạy xuống ôm lấy tay hồ lại bị Nga My cắt đứt nên chỉ phát được có một đời Công Khanh rồi về sau chết vì tay người đàn bà. Ấu đó cũng là phúc phận cả. ”

Hoàng-Sầm trịnh trọng đón mời Cụ Roãn Khanh về nhà nghỉ chân vì trời đã tối. Roãn Khanh là một thầy Địa Lý rất tài ở Bắc - Hà được nhiều người biết danh văn thường giả dạng làm lão Quê đi tìm đất phát và tìm người có hồng phúc để táng hộ. Hôm nay, Cụ tìm thấy ngôi đất đẹp và tìm được huyết thì đã có người táng được rồi. Hỏi thăm nhà có ngôi mộ này lại hỏi đúng con gái của người được táng. Cụ Roãn Khanh cho đó là duyên kỳ ngộ nên Cụ bằng lòng về nhà Hoàng

Sầm đề coi phúc đức nhà Hoàng Sầm ra sao ?

Hoàng - Sầm đưa Cụ Roãn Khanh về nhà và trình với mẹ Sầm sự thể ban chiều hạnh ngộ gặp cụ Roãn Khanh, vị Thánh Địa Lý của Bắc-Hà. Mẹ Hoàng-Sầm mừng rỡ bắt gà dọn rượu mời Cụ Roãn Khanh. Vô nhà Hoàng - Sầm, Cụ Roãn Khanh thấy gia cảnh nhà Sầm cụ biết rõ phúc đức là nhờ ở bà mẹ của Sầm. Phúc đức tại mẫu, Sầm có bà Mẹ Tiết Trinh, trung liệt nên giới mới dành cho ngôi đất công khanh này tuy là nhứt đại Công-Khanh. Tiếc rằng sau này, trước khi đứt mạch đất, Hoàng - Sầm chịu một tai nạn do người đàn bà gây nên. Cụ Roãn Khanh cố gắng đến coi phúc đức nhà Sầm đề may ra có cứu Sầm sau này thoát nạn Nga My chém răn không (Nga My là cái lược chỉ người đàn bà cung tần, hoàng phi hoặc mẫu nghi thiên hạ. Đó là lý của Địa Lý vậy). Vào nhà Sầm ăn uống xong, Cụ Roãn Khanh bảo Sầm mua vàng nhang và hình nhân thế mạng đề Cụ ra mã hô thần gìn giữ đất trấn áp mạch Nga My

cho may ra về sau thoát được nạn đàn bà hãm hại.

Đêm ấy, Hoàng - Sầm và Cụ Roãn Khanh ra ngồi mộ táng thân phụ của Sầm. Cụ Roãn Khanh niệm chú ấn long mạch rồi đốt bồng có một trận mưa lớn làm tắt hết đèn nhang. Cụ Roãn Khanh lắc đầu thở dài nói : — Thôi hết rồi mạch đã mạnh khó trị được. Số giờ đã định đành chịu vậy.

Nói rồi, Cụ từ già Sầm ra đi lúc nửa đêm. Sầm cầm giữ mãi không được. Sầm cũng đã biết rõ vì Cụ Roãn Khanh không trấn nổi long mạch nên Cụ buồn mà đi.

Nhưng cũng từ ngày đó, Hoàng - Sầm làm ăn khấm khá. Nhân một ngày kia có lệnh của quan Huyện bắt dân phu phải đi khiêng kiệu đón rước cụ Thượng-Thor Nguyễn-doãn-Địch cáo lão hồi hưu về làng an dưỡng tuổi già, Hoàng-Sầm phải đi làm phu khiêng kiệu. Lệ hàng Huyện đi đón các Quan Đại Thần hay là các bậc Khoa Bảng vinh quy bái tổ, các dân phu phải khiêng kiệu quan Phụ Mẫu và khiêng vồng các vị phu nhân, các Tiểu-Thor. Hoàng-Sầm phải khiêng

vồng cho Tiểu-Thor Nguyễn-thị-Lan, ái nữ Quan Thượng-Thor Nguyễn-Doãn-Địch.

Trong khi khiêng vồng, Hoàng Sầm liếc dòm dung nhan Nguyễn-Tiểu-Thor quả là bậc quốc sắc, thiên hương, nhận sa, cá lặn. Sầm dâm mê mẩn tâm thần ước ao được sánh duyên cá nước cùng vị Tiểu-Thor kiều diễm con quan nhứt Phạm Triều-Đình.

Sau buổi khiêng cáng, Sầm về nhà tương tư hình bóng vị Tiểu-Thor kiều diễm kia. Ngày đêm, Sầm mơ tưởng đến buổi tân hôn, sánh duyên cùng người ngọc. Thấy con thờ thần như người mất hồn, biếng ăn, biếng ngủ, bà mẹ Sầm mới hỏi căn nguyên. Sầm thưa thật cùng mẹ là chàng đã tương tư Nguyễn-Tiểu-Thor, ái nữ Quan Thượng-Thor Nguyễn-Doãn-Địch.

Mẹ Sầm ngạc nhiên cho Sầm là diên khùng. Xuất thân là con nhà nông dân không học, nhà lại nghèo làm sao mà sánh được với vị Tiểu-Thor lá Ngọc cành Vàng con Quan Thượng-Thor nhứt Phạm triều đình. Mẹ Sầm khuyên Sầm nên bỏ ý định ngông cuồng ấy đi. Nhưng Sầm một mực

không nghe, lạy xin mẹ mua trâu cau sang dinh quan Thượng-Thor đề dạm hỏi ái nữ của Ngài.

Năm ấy, Sầm đã 24 tuổi rồi, việc tầm tang canh củi Sầm tỏ ra rất lành nghề thông thạo nhưng việc học văn Sầm không biết một chữ nhứt là một nét gạch ngang. Mẹ Sầm còn sợ tiếng tầm làng xóm chê cười, đưa mồi lại dám chọi mồm son nên hết sức khuyên can Sầm.

Sầm lại tưởng mẹ tiếc tiền không chịu đi sắm mua lễ vật sang nhà quan Thượng-Thor nên Sầm tự thân ra chợ mua buồng cau tốt to và sây quả với trăm mớ trâu ngon rồi khấn áo chỉnh tề mời mẹ sang nhà quan Thượng-Thor họ Nguyễn hỏi vợ cho Sầm.

Buộc chẳng đã, mẹ Sầm phải ra đi. Đến cổng Cụ Thượng Nguyễn, mẹ con Sầm chờ đợi giờ lâu mới được Cụ Thượng cho lính lệ ra gọi và o hầu.

Vào trong tư dinh cụ Thượng. Mẹ con Sầm phủ phục xuống lạy và mẹ Sầm đem chuyện Sầm mê Nguyễn-Tiểu-Thor nên dục mẹ sang trâu cau sang dạm hỏi.

Cụ Thượng Nguyễn cả cười trả lời: — Con gái ta là giòong giòi

Thiên-Kim, lá ngọc cành vàng có đâu sánh với kẻ bạch ốc dốt nát như anh.

Anh muốn lấy con tôi ít nhất anh phải tạo lập được công danh thì tôi mới chịu gả.

Nghe Cụ Thượng Nguyễn dạy phải tạo lập công danh thì gả con gái cho, Sầm vui mừng khẩn cầu lạy tạ và trình rằng :

— Xin Cụ giữ lời hứa cho. Con sẽ cố gắng đi tạo lập công danh để đạt lấy nguyện vọng của con.

Cụ Thượng Nguyễn bằng lòng liền cho gọi Nguyễn-Tiểu-Thor ra đề hỏi. Sau khi nghe cha thuật lại, Nguyễn-Tiểu-Thor vui vẻ trình rằng :

— Cha mẹ bằng lòng thì con đâu dám cãi. Nếu anh Sầm tạo lập được công danh con xin bằng lòng về sửa tui nâng khăn cho anh Sầm.

Mẹ con Hoàng Sầm cúi đầu bái tạ Cụ Thượng Nguyễn ra về. Làng xóm nghe tin Hoàng Sầm mang trâu cau đến dạm hỏi con gái quan Thượng Nguyễn đều cười chế riễu mẹ con Sầm. Có người thóc mách đến hỏi Sầm,

Săm nghiêm nghị trả lời : — Đó là việc của tôi. Ba năm nữa tôi tạo lập xong công danh sẽ làm lễ cưới với con gái cụ Thượng.

Mọi người đều cười rộ. Về nhà, Săm xin mẹ đem bán một sào ruộng lấy 30 quan tiền ra kinh kỳ tìm Thầy học chữ. Từ Vinh-Yên lên Thăng - Long, Săm xin vào trường Cụ Bảng Kỳ vừa học vừa làm việc trong nhà Cụ Bảng. Săm chăm chỉ học hành. Mỗi ngày Săm chỉ ngủ một trống canh cho đã sức đề sáng ngày vừa làm vừa học. Ban đêm Săm học cho đến canh ba mới đi ngủ, canh tư đã dậy làm việc nhà cho Thầy.

Ba năm sau có kỳ thi Hương khoa Mậu-Tuất (1538), Săm nộp quyền dự thi ở Trường Thi tỉnh Bắc-Giang, huyện Hiệp - Hòa. Ngày xướng danh, Săm đậu Giải Nguyên. Kỳ thi Hội ở Kinh-Đô, Săm đậu Thám-Hoa. Chiếu chỉ về làng bắt dân phu hàng Huyện đi rước quan Thám vinh qui bái tổ.

Nghênh ngang vồng lọng ngựa xe về làng Đông-Mẫu, Hoàng-Săm cùng mẹ sang nhà Cụ Thượng Nguyễn bái yết và nhắc lại lời hứa năm xưa. Cụ Thượng

Nguyễn bằng lòng và định ngày tác hợp.

Sánh duyên với ái nữ Cụ Thượng Nguyễn, quan Nghè làng Đông-Mẫu (chỉ Hoàng Săm) về Kinh nhận chức. Hoàng-Săm làm quan rất thanh liêm cần mẫn, tính tình bạt thiệp, nhã nhặn, thẳng thắn nên chẳng bao lâu lên chức Hữu Tham-Tri. Hoàng Săm được Mạc-mậu-Hợp tin cần nên thường hay vời đến đàm luận.

Mạc-Mậu-Hiệp có vị thứ phi Tây Cung rất đẹp vẫn thường cho hầu bên mình. Tây Cung thứ phi Hoàng-thị-Lộc là người cùng quê với Hoàng-Săm. Săm người làng Đông-Mẫu. Thứ phi Hoàng-thị-Lộc người làng Triều-Thượng, giáp với làng Đông-Mẫu. Săm vốn ghét thứ phi Hoàng-thị-Lộc là người sảo trá nên trong lúc phẩm luận với Mạc-Mậu-Hiệp, Hoàng-Săm thường bóng gió chỉ trích Hoàng-thị-Lộc.

Hoàng-thị-Lộc cũng chẳng ưa gì Hoàng-Săm. Nhân thị-Lộc vừa mới ở cũ chưa được đủ cứ phải tiếp Mạc-Đế tại cung thứ phi làm cho Tây Cung thứ phi mang bệnh hậu sản. Lúc ái-ân cùng với Mạc-Đế, Tây Cung thứ phi tỏ thể

hỏi căn nguyên trong cung đủ ba trăm mỹ nữ cung tần sao Mạc-Đế lại không kiêng cử cho thị-Lộc. Lúc ấy, Mạc-Đế mới là lời cho biết vì Hoàng-Săm mách bảo chuyện ái-ân với thiếu phụ vừa ở cũ là thế gian hi hữu.

Tây Cung thứ phi Hoàng-thị-Lộc biết Hoàng-Săm chủ hại Nàng nên Nàng tìm kế báo thù.

Mạc Mậu-Hợp vì quá thương yêu Tây Cung Hoàng-thị-Lộc nên Mạc Đế định giáng lâm về thăm quê Thị-Lộc. Muốn thăm quê Thứ Phi, Mạc Đế phải đi vòng qua sông đường dài xa thăm. Ngược lại cho dân phu đào một con rạch để thuyền rồng ngự đến sẽ qua một quãng đường gần. Tây Cung Thị-Lộc tỏ thể tâm xin đào Rạch đến làng Triều Thượng Mạc Mậu Hợp chuẩn y.

Sở dĩ Tây Cung Thị - Lộc xin đào Rạch đón thuyền Ngự vì nếu Rạch được đào sẽ cắt đứt long mạch làng Đông Mẫu, ngôi đất của quan nghè Hoàng-Săm sẽ

bị chặn đứt và Hoàng-Săm sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp tai nạn trên.

Quả nhiên, sau ngày đào con Rạch đứt long mạch làng Đông-Mẫu và ngôi đất nhứt Đại Công Khanh của Hoàng-Săm, Mạc Mậu Hợp tự nhiên ghét cay, ghét đắng Hoàng-Săm. Hai tháng sau Hoàng-Săm bị Mạc Mậu Hợp cách chức bỏ ngục về tội âm mưu với Nguyễn - Kim ở Thanh Hóa mưu lập lại nhà Lê.

Phe đảng của Thứ Phi Hoàng-thị-Lộc được cử làm bản án của Hữu Tham-Tri Hoàng Săm. Kết cuộc Săm bị kết tội xử giảo.

Và cũng từ đây, họ Hoàng Săm không còn có ai làm nên Công Khanh nữa. Thật đúng với lời phúc đất của Cụ Roãn. Khanh, thánh Địa-Lý của Đất Bắc Hà thời nhà Mạc khi đi coi ngôi mộ Nhứt Đại Công Khanh, Nga My chăm tà của Hoàng Đạt, cha Hoàng Săm vậy.

Ở PARIS

người ta cũng ăn

THỊT CHUỘT

★ NGUYỄN ANG CA

CHUỘT BA - TƯ XÂM LĂNG PHÁP



ĂM 1727, ở nước Ba Tư chuột b ã n g sanh sản nhiều vô kể. Hàng đ ã n — nhiều

tới hàng chục triệu con — sau khi tàn phá xứ Ba Tư tới bời, đã bỏ miền Trung Đông vượt biên giới, tràn qua phá hại các nước Nga, Thụy Sĩ, Đức, Ý, Pháp, Bỉ. Chúng còn tràn xuống các tàu ở bến Anvers và Calais để xâm lăng Anh quốc.

Đạo quân chuột



đi đến đâu phá phách đến đó và sanh sản rất mau chóng, thật tai hại như cả một đạo binh xâm lược khát máu.

Ở Paris lúc đó có một giống chuột đen to lớn, hùng cứ các cống, hầm, đồng rác, đã kéo binh ra giữa đường đương cự với chuột Ba Tư.

Trận chiến giữa chuột Pháp và chuột Ba Tư dần dai còn hơn lúc Pháp chống Đức ở hai trận 1914 và 1938. Vì mãi đến gần 1 năm trời, chuột Pháp mới kéo cờ trắng, rút lui có trật tự, rồi bỏ Ba - Lê thành để nhường quyền... hùng cứ lại cho chuột Ba Tư.

VÀI CÂU CHUYỆN CHUỘT

CHUỘT KHÔN NHƯ NGƯỜI CHĂNG ?

Các cụ thường nhậu thịt chuột cho rằng chuột có « ngọc nghe ». Nhà nào định bẫy chuột mà nói trước thì canh bẫy tới sáng vẫn chưa có móng chuột nào sa bẫy !

Vào khoảng năm 1930-1931, giáo sư Tanon đã diễn thuyết ở Paris về sự « Văn minh của loài chuột » như sau :

Chúng chuột cũng có bè bạn thân thiết — trừ ra khi nào quá đói — chúng cũng biết hà tiện, để dành. Chuột cũng biết xây nhà cửa, đào hầm hố, tích trữ lương thực phòng lúc mất mùa đói kém. Chúng cũng bày ra lễ tôn Vương và... nếu có ai rình mà xem, thì chuột đực và chuột cái hay hôn môi với nhau như tài tử xi-nê-ma vậy (chẳng lẽ loài người chúng ta lại bất chước... chuột về điểm này ?)

Chuột lại còn thích đi du lịch, chúng hay dời đổi chỗ ở nhưng lại rất trọng nghĩa phu thê.

Viết đến đây, tôi nhớ lại thuở bé tôi rất thích bức tranh tàu... về chuột cười vợ.

Cũng có chuột phù dâu, phù rể, cũng có đàn trai, đàn gái và... chú rể, cô dâu (vận lễ phục đăng hoàng khúm núm rụt-rè đi cạnh nhau.)

XÍU MẠI CHUỘT

Trong năm, ở Phú-Nhuận, có một thầy nọ — thường lột lòng buổi sáng bằng bánh mì xiu mại một hôm pha trò với em bé bán hàng :

— Phải xiu mại em làm bằng thịt chuột thì ngon hơn.

— Vậy cơ ?

— Chớ sao ! Nếu xiu mại mầy làm bằng thịt chuột thì thay vì ăn 2, tao sẽ ăn đến 4.

Quá ngây thơ, tưởng thầy nọ bảo thật, em bé bán hàng liền.. nói nhỏ :

— Dạ, em nói thật. Hôm nay xiu mại của thầy ăn làm toàn bằng thịt chuột !

Trời đất !

Thầy ta nghe nói, thiếu điều... ủa mửa và... chết giấc ! Thầy cố làm tỉnh.

— Thiệt sao ?

— Dạ thiệt !

— Nếu thiệt, mầy dẫn tao về

nhà xem! Tao sẽ tin mà ăn thêm vì giòng tao là giòng háo ăn thịt chuột!

Đứa bé bán hàng liền đưa thầy nọ về nhà thì quả y như lời, hàng hà vô số «thầy» chuột cạo lông trắng sát đang nằm đợi... bàn tay người bầm nhỏ làm xiu mại...!

Đứa bé bán xiu-mại chuột và người làm chuột đều bị đưa về bóat và phạt vạ.

BA TÊ CHUỘT

Không những bên ta bị ăn xiu mại chuột (chuột cống Sai-Gon, trời ơi!) mà dân bên Pháp cũng bị tai nạn này (lẽ tức nhiên chuột cống Paris).

Một cụ già, tên Kronet, người Bỉ, kể lại rằng, trong cuộc chiến-tranh Pháp — Đức năm 1870, khi thành Paris bị vây hãm, vì hết lương ăn thì ... các chú chuột đã vô tình đóng vai tiếp-tế (chuột này chắc là con, cháu, chắt của chuột Ba Tư) và binh-sĩ Paris đã hoan nghinh thịt chuột quá xá.

Tới năm 1931, nghĩa là lúc Pháp Đức lại tái chiến lần thứ ba trong vòng mấy chục năm,

ông Kronet vẫn còn sống tuy đã gần 90 tuổi.

Ông còn nhắc đến sự hữu-ích và công dụng của thịt chuột như sau:

— Thịt chuột à? Tôi ăn luôn và... ghiền thịt chuột nữa là khác!

Ông tiếp:

— Ngon lắm cơ! Mãi đến sau, khi anh bán thịt .. bò, thịt heo ở đường phố gần nhà tôi, giàu có bỏ nghề thì tôi mới không ăn thịt chuột nữa!

Nên nhớ BA - TÊ THỊT HEO của va làm nổi tiếng cực ngon. Nhưng thực ra, chính va đã làm bằng thịt chuột, mà chuột là do của tôi bắt đem bán cho y.

Năm 1937, khi đáp lời phỏng-vấn của một ký giả, Bác sĩ Neven ở Ba-Lê đáp:

—Ồ, ở Paris có nhiều hạng người thích ăn thịt chuột lắm. Không ăn, không chịu được.

Cũng theo lời ông Kronet cho biết thì đừng tưởng người Pháp nghèo không mua nổi thịt tru, bò, heo mới phải dùng thịt chuột. Chính hạng sang giàu quý phái ở

đường Saint-Germain cũng tranh nhau mua chuột về làm thịt để đánh chén một cách ngon lành.

Ở Paris, từ xưa vẫn có một sở « Trung ương trừ chuột », do Bác sĩ Neven trông nom. Bác sĩ Neven nghiên cứu về bệnh dịch. Mỗi năm, người giúp việc cho sở « Trung ương trừ chuột », bắt ít nữa là 3000 con chuột để cho sở thí nghiệm. (Không biết họ có lựa mấy con mập mập giầu bóat để soi riêng không?)

Mỗi năm sở trừ chuột Pháp dùng phương pháp khoa học giết cho dân Paris hàng triệu chuột nhưng theo bản kê khai (hồi 15

năm trước) thì mỗi năm riêng thành phố Paris bị chuột phá hại tổn kém đến 100 triệu quan.

CHUỘT CÓ LINH TÍNH

Thường, mỗi khi nghe chuột sạ reo trong nhà, ông già bà cả thường bảo:

— Thế nào ngày mai cũng có khách!

Vì cũng theo lời ông già bà cả thì chuột có linh tính, có thể đoán biết việc sẽ xảy ra đến 24 tiếng đồng hồ.

Nếu đúng như vậy thì chuột quả thật quá tinh khôn hơn các loài động vật trên thế gian này vậy!

★ CHÍ LÝ

Trạng-sư hỏi bị cáo:

— Chờ anh không còn cách nào khác để tự vệ hay sao?

— Tôi chỉ có con dao găm với cây súng sáu, bị cảnh-sát tịch thu rồi, còn gì để tự vệ được nữa!

MỸ-HỒNG-CỨC

SẮC HƯƠNG

Có những chiều... có những chiều diêu-vợi
 Linh hồn anh và hương thơ chơi với
 Đôi mắt em — ôi cả một dòng sông
 Ôi bình-minh óng ả đáng xuân hồng
 Anh thấy lại cả khu vườn trắng đẹp
 Huệ trắng e-dè ngọc lan khép nép
 Cửa ngày xưa khi trốn học xem trăng
 Tóc em buông loang loáng dải sông Hằng
 Êm ả chảy mềm như tơ liễu rủ
 Mỗi sợi tóc là bông hoa ắp-ủ
 Hương ngọt-ngào và mộng đẹp thanh-tao
 Trong vô biên anh hóa những vì sao
 Đề nhẹ nhẹ lên hôn làn tóc mượt
 Nếu là thơ anh vờn quanh lỗ lướt
 Nếu là hương anh ướp nhẹ mạn man
 Đề lòng run theo nhịp sóng tơ đàn
 Của tiếng gió băng-khuàng ngừng cánh tuyết
 Ôi làn da thơm thơm mùi dạ nguyệt
 Nồn hoa tươi hay sữa đọng thành tơ ?
 Anh si-mê nhưng không dám ước mơ
 Đã hối-hận dù mới là ý-nghĩ
 Anh van em phong anh làm Thi-sĩ
 Mà lời thơ bằng sắc đẹp yêu-đương
 Đón bước em trong nhụy đóa hải-đường
 Mời em ngự giữa hồn hoa trang-mỹ
 Với mùa xuân ngập nắng xanh kiêu-mỹ
 Với hương đào thơm đáng ngọc thanh-tân
 Đề em là Hoàng-Hậu của Thi-Nhân

CAO-HOÀNG-NHÂN

(Nha Trang)

★ THIÊN-SINH

HOÀNG-CAO-KHẢI

MỘT CÔNG THAN! Mượn
 ba tiếng này để làm đề cho bài
 dưới đây, chúng tôi nghĩ đến câu
 lục trong bài thơ Đường-luật
 của báo Nam - Phong mừng
 Hoàng-cao-Khải ăn lễ thất tuần
 ngày 20-4-1919 tại ấp Thái-Hà :

Vượng khí Lam Hồng đức
 ối nhân,

Trời ban thêm tuổi chúa thêm
 ân

Huân danh sự nghiệp Hiên-
 Thành Lũ

Phú quý vinh hoa Nhật-Duật
 Trần.

Con cháu một nhà hai tông-đốc,
 Pháp Nam hai nước một công
 thần.

Tuần này hạ thọ là tuần bảy,
 Còn biết sau đây mấy chục tuần.

Nam Phong số 22 — Avril 1919)

«Pháp Nam hai nước một

công thần». Câu thơ mới oái-
 oăm làm sao ! Một nhà nho như
 Hoàng-cao-Khải lại có thể là
 công thần của hai nước cừu địch
 được sao ? Chả trách người
 đương thời gán cho cái danh từ
 là «gia nô tấu cầu». Thật vậy,
 nhìn vào gia đình của Hoàng,
 chúng ta thấy từ con đến cháu
 Hoàng không người nào là
 không làm nô bộc cho Pháp :
 Hoàng-mạnh-Trí Tổng - Đốc,
 Hoàng - trọng - Phu tổng - đốc,
 Hoàng-gia-Mô tri huyện.

Cái tiếng tăm « Mãi quốc cầu
 vinh » của gia đình họ Hoàng
 bay ra tới nước ngoài, cũng
 được có người nhắc đến. Trong
 tập «Quốc - Phủ lãnh tụ ứng,
 chiến ngôn luận tập» đăng bài
 diễn văn của Phùng - ngọc -
 Thường khuyến khích dân Tàu
 kháng Nhật, có đoạn như thế
 này: « Sánh thời, Tôn tổng-lý

có nói với tôi rằng, An-nam có một vị quan to, trú ở Hà-nội tên gọi là Hoàng-cao-Khải, trước kia lúc An-nam chưa mất nước. ông ta đã làm quan chức tể-tướng. Cho nên ông ở ngôi nhà to, phát tài lớn...

Nhưng khi An-nam mất rồi ông vẫn làm quan to, vừa phát tài lớn và... Nước nhà mất rồi mà còn muốn làm tôi mọi người ngoại quốc đầu cho được thắng quan như Hoàng-cao-Khải, phát tài như Hoàng cao-Khải, người ta không mắng ông là «mọi mắt

nước» như thế còn vinh diệu nổi gì?» (2)

Đọc đoạn trên đây, chúng ta không khỏi băn khoăn so sánh. Cũng thì sinh trưởng ở làng Đông Thái, cụ Phan-dình-Phùng đã bước lên đại vinh quang của những bậc chiến sĩ, còn Hoàng-cao-Khải thì bị lịch sử chôn chìm xuống chỗ bùn nhơ. Việc đời trở trêu thay!

(2) Trích dẫn báo Đông Tây — Hà-nội, 17 Jun 1938.

★ TIN VĂN HỌC

Françoise Sagan ly-dị

Hôm 16-1-1960, người ta được tin chính-thức ở Paris cho biết nữ-sĩ trẻ tuổi và danh-tiếng FRANÇOISE SAGAN và chồng của cô là GUY SCHOELLER đã quyết-dịnh ly-dị nhau. Cặp vợ chồng Văn-ngệ này đã kết hôn với nhau ngày 18-3-1958, và không có con.

★ DANH NGÔN

Trong quyển « LA PESTE », ALBERT CAMUS có viết :

« Ở trong con người có nhiều điều đáng phục hơn là những điều đáng kính »

(Il y a dans les hommes plus de choses à admirer que de choses à mépriser)

HẢI - QUÂN VIỆT - NAM

dưới thời GIA-LONG đã đại thắng



HẢI - QUÂN ANH

TRẦN THỦY-CHIẾN
TẠI HƯNG-YÊN

★ SONG-AN CƯ-SĨ
N ỚI đến các chiến-công
oanh-liệt của Hải-quân

Việt-Nam, người ta thường nhắc nhở đến hai trận thủy-chiến tại sông Bạch-Đằng vào năm 938 đời Ngô-Quyền và vào năm 1288 đời Trần. Trong hai trận đó quân ta tiêu-diệt phần lớn quân Tàu định đem ách nô-lệ lên trông vào đầu cổ dân ta.

Nhưng có một chiến-công thứ ba không kém phần quan-trọng và không kém oanh-liệt ít khi được nhắc nhở tới. Đó là trận thủy-chiến giữa một hạm-đội thủy-quân nước ta và một hạm-đội Anh-Quốc, trên sông Hồng-Hà vào năm 1808 (Đời vua Gia-Long thứ 7). Trong trận này quân ta hoàn-toàn tiêu-diệt hạm-đội địch đang tiến lên để hăm-dọa Bắc-Thành (Hà-nội).

MỘT BỐ GIA - PHẢ

Khi quân Pháp đổ bộ lên Huế vào năm 1947, dân chúng được lệnh buộc phải tản-cư. Trong lúc chạy loạn từ Ba-Vinh lên An-Hòa qua Cồ-Buru La-Chữ, tôi có gặp một Cụ già, mang đồ khệ-nệ, nào sách nhỏ, nào chăn chiếu, tôi thường ghé vai giúp Cụ khênh dùm đồ đạc. Đến La-Chữ, nhơn lúc tạm đình đề nghị chân, Cụ có nói đến chuyện đời xưa, đời Duy-Tân

Thành-Thái, cũng chạy loạn như vậy. Bàn đến cuộc đổ-bộ của hải-quân Pháp lên Đà - nẵng và Lang - Cô, Cụ nhắc lại những chiến-cuộc thuở trước khi mà hải-quân và lục-quân của ta ở vào thời cường-thịnh đã có lần đánh đuổi quân Y-Pha-Nho, quân Anh-Cát-Lợi... Cụ lấy từ trong một ống tre sơn son, một cuốn gia-phả, viết bằng chữ nôm, vừa đọc vừa cắt-nghĩa. Ngay hàng đầu đã làm cho tôi hết sức ngạc-nhiên vì nó đề-cập đến một trận thủy-chiến giữa hải-quân ta và hải-quân Anh mà trong khi dạy Sử-ký, thầy giáo không bao giờ nhắc đến cả...

Sau đó, trước sức tấn-nông của Pháp, chúng tôi lại phải tản-cư một lần nữa, và trong khi lộn xộn, Cụ già xưa kia cũng lạc mất. Tuy nhiên tôi cũng còn nhớ mồn-một những lời mà Cụ đọc cho tôi nghe. Giờ đây khi viết những giòng chữ này, tôi nhớ đến Cụ và ước mong sẽ gặp lại Cụ, hoặc con cháu Cụ qua bài này.

Cuốn ấy chép rằng :

Cụ THÁI-ĐÌNH-TAO, thủy-tổ nguyên-quán làng Đô-Lương, huyện Lương-Sơn phủ Anh-Son, tỉnh Nghệ-An, sanh đời Lê-Cảnh-Hưng 1762 ở làng PHỒ-VIỆT

(Phường Phú-Trường) Tổng Hồ-Xá, Vĩnh-Linh tỉnh Quảng-Trị. Khi trẻ Cụ làm thầy dạy học ở trường làng và kiêm cả nghề thuốc Nam. Năm 1783, Tây-Son khởi-nghĩa, Cụ theo Vua Gia-Long vào Gia-Định, vì nghĩa vua tôi trải bao gian-lao nguy-hiêm, khi Phú-Quốc, khi Long-Hồ (Vĩnh-Long). Tuy vậy vẫn giữ một lòng Trung giúp nước phò Vua.

Đến 1802, thiên-hạ đại-định, Vua Gia - Long (Đức Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế) lên ngôi báu tại Phú-Xuân (Huế) luận công tướng-sĩ, phong tước TỬ-MUƯ-HẦU và sai phái ra phò-tá tại Bắc-Thành, trông coi miền Duyên-hải và lưu-vực sông Hồng tại Hưng-Yên. Năm 1808 (Gia-Long thất niên) Cụ tham-gia vào một trận thủy-chiến và đã tiêu-diệt cả một đoàn chiến-hạm Hồng-Mao tại tỉnh Hưng-Yên trên sông Hồng-Hà.

Năm 1820, Cụ bình-định nhiều đám giặc giã loạn trong tỉnh, được vua Minh-Mạng ban khen. Cụ mất vào năm 1821 (Tân-Ty) tháng 10 ngày 17 tại phường Phú-Trường (Quảng-Trị) được tưng-tự Công - Thần - Miếu tại Huế (Thuận-Hóa).

MỘT BÀI BÁO

Cách sau đó gần một năm, một sự tình cờ nữa đưa đến tay tôi, một tờ Báo xuất-bản tại Saigon (năm 1948 thì phải) có đề-cập đến chiến-công hiển-hách ấy. Nhưng không đề rõ xuất-xứ của các tài-liệu. Hình như bài báo ấy viết rằng :

Vào khoảng thế-kỷ thứ 17 Tây-Phương bắt đầu dòm ngó cõi Á-Châu và muốn biến các xứ này thành những thuộc-dịa thực-dân. Tại nước Việt-Nam ta hồi đó Tây-Ban-Nha và Pháp mượn cơ truyền-giáo để thực-hiện mưu sâu. Anh, Hòa-Lan và Bồ-Đào-Nha thì mượn thương-mãi mua chuộc dân ta. Họ luôn kiếm cớ, gây sự và như vậy có thể dùng võ-lực dễ xâm-lăng nước ta.

Mặc dầu trình-độ hiểu-biết về Thế-giới của ông cha ta khá thô-sơ, các Ngài cũng nhận-thức được mối đe-dọa của ngoại-bang. Một mặt, các Ngài lo cho con dân học cách đúc súng làm đạn do người Bồ-Đào-Nha chỉ vẽ, thiết-lập cơ-xưởng đúc kim-khí, đóng-tàu, một mặt tổ-chức quân-đội và hải-quân để-phòng con nguy-biến và bảo-vệ duyên-hải.

Phản-ứng của nước ta rất mãnh-liệt. Ngoài Bắc-thành (Hanoi)

người Anh và Hoà-lan là mời tham-vọng bị trục-xuất thẳng tay. Tại Gia-Định Thành, trái lại, một số kiều-dân Anh lập đồn xây lũy tại Côn-Đảo định dùng nơi đây làm chân đứng để dễ bề thôn tính miền Nam phì nhiêu. Nhưng về sau thổ-dân Mocassar dấy loạn nổi lên giết sạch cả binh-lính Anh tại Côn-Đảo, ngoại trừ một vài kẻ sống sót giông tuốt qua lánh nạn tại Mã-lai (Johore) và thôn tính cả xứ này.

Pháp vì giúp Gia-Long khôi-phục lại giang-san nên được biệt đãi và xem như một huệ-quốc. Tuy-nhiên, lòng tham không đáy, họ vẫn lợi dụng ưu-thế ấy để dò-thám tình-hình quốc-nội Việt-Nam và sắp đặt kế-hoạch lên chiếm địa-vị chủ-nhân ông. Như một thương-gia tên là Carrière đã lên vẽ bản đồ duyên-hải nước ta và lưu-vực sông Hương (Huế) vv.

Anh-quốc lúc đó vừa cả thắng Pháp - Quốc trong trận giặc « Thất-niên » tịch-thu Gia-nã-dại, trung-châu lưu-vực sông Mississippi (Mỹ-quốc) dành lại của Y-Pha-Nho các đảo Cu-ba Havana, Manila (Phi-Luật-Tân). Hải-quân Anh lúc ấy làm bá chủ trên hoàn-cầu sau khi thắng hải-quân Y-

Pha-Nho tại eo biển Manche (Armada). Anh-quốc muốn tăng cường áp-lực tại Viễn-Đông cái xứ vàng, và Ngũ-vị.

Thấy Pháp được ưu-đãi tại Việt-Nam, Anh cũng muốn dành địa-vị ấy. Năm 1778, Anh gửi một phái-đoàn qua Việt-Nam do huân-tước Hasxing cầm đầu, mục đích tiếp xúc với Chúa - Nguyễn (Gia-Long) để ngỏ ý muốn giúp Gia-Long đánh bẹp Tây-Son. Nhưng hành tung bị bại lộ, Tây-Son nghi-ngờ cho thám-tử theo dõi, thét phái-đoàn phải rút lui có trật-tự mà chẳng đoạt được kết-quả nào cả.

Nhưng Anh-Quốc lại vừathắng trận hải-chiến Trafalgar (1803) tiêu-diệt cả hạm-đội Pháp định sang đồ-bộ nước Anh. Khi hay tin quân nhà Nguyễn đánh bại Tây-Son, Anh toan tính phồng tay trên Pháp cái xứ « An-Nam » xa xôi này, Anh-Hoàng bèn sai đặc-sứ W. Robert đến Phú-Xuân Huế lấy cớ xin lập một thương-diểm tại cửa Thuận-An (Huế) và Cần-giờ (Cap). Nên chú ý là cửa bể Thuận-An không phải là một hải cảng tốt, nhưng Cần-giờ lại án-ngũ cửa sông Saigon. Gia-Long chối từ.

Họ liền thay đổi chiến lược Yên-trí rằng các phái-đoàn trước gồm phần đông là những thương-gia kém về phương-diện ngoại-giao uy-tín, lại không có tác-phong con nhà võ nên bị thất bại, Anh-Quốc quyết định sai phái những nhà « ngoại-giao » cứng rắn hơn, ngộ-biến tông quyền hơn, sẵn-sàng áp-dụng võ-lực để yểm-hộ lập trường xâm-lược của mình.

Năm 1808 (Gia-Long thứ 7) viên Toàn - Quyền Anh tại Ấn-Độ ra lệnh cho hạm-đội Anh phái đi chinh-phạt Áo-Môn (Macao) phải ghé vào vịnh Bắc-Phần, mục đích để thị-oai với nước ta và nhân cơ đưa những yêu - sách vô-lý để gây-chiến...

Hạm-đội này gồm có 10 chiến thuyền cỡ lớn nhất, trang-bị đầy đủ đại-bác, súng đồng. Thủy-thủ gồm có những tay thiện-chiến đã từng thắng Tây-Ban-Nha và Pháp trên các mặt biển trong những trận hải-chiến ghê hồn. (Xi - nê - thường trình bày những trận chiến này). Họ có vẻ khinh - thị hải-quân ta, lẻo-tẻo ba chiếc thuyền đồng, vài cỗ súng chằm ngồi... theo họ chỉ đáng cho họ lúm (ngón) một miếng là hết trộm.

Đến hải-phận Việt - Nam, họ

liền chia làm 2 đội. Đội thứ nhất gồm có 6 chiếc, «bỏ qua thủ tục nhập xứ» tức thời ngược giòng sông Hồng-hà ngạo - nghề lướt sóng định tuốt thẳng lên Bắc-Thành (Hà-nội). Đội thứ 2 gồm có 3, 4 chiến-thuyền, bỏ neo án-ngủ tại cửa sông Luộc để thị-oai, lập thành thế ý-giốc và đề phòng bị đánh tập hậu.

Bắt đầu từ đây tác-giả đã tiêu-thuyết-hóa trận-chiến khiến dễ nhớ và giúp « thấy ».

Sáu chiếc chiến-thuyền Anh lướt sóng ngược giòng sông Hồng. Từ sáng đến chiều chẳng thấy một chiến - thuyền Việt nào cả. Các đồn-lũy đóng dọc theo hai bờ sông cũng vắng lặng, không có một chiếc hiệu-kỳ hoặc khắc ra một vài lần đạn hồi han. Thủy-thủ ban đầu còn dè-dặt sau trở nên khinh - thường lên cả, đứng trên bong tàu nhìn ra đồng ruộng thẳng tắp, lúa chín vàng thơm phức. Chúng nghĩ đến lúc được ngự-trị trên khoảnh đất này, thoi tha hồ mà bóc-lột, mà cướp phá, mà thỏa-thích với các cô gái chít khăn mỏ-quạ. yếm-thảm giây lưng hoa-lý mà chúng đã thấy trong những bức tranh vẽ bằng bút chì tô màu gửi về nước chúng.

Mặt trời đỏ ối, một mặt trời đầu thu... đang chìm lặn trong màn sương tím - nhạt mông lung. Xa xa non Tân hùng-vĩ diễm nhiên nhìn bọn "Chó - bè" đang nốc rượu, nhảy cà - túng hét-hồ vang ầm trên một khoảng sông màu máu đỏ.

Nhưng họ có biết đâu, họ thấy mặt trời một lần cuối cùng. Đêm đó họ neo thuyền giữa giòng, uống rượu chè - chán, hát-hò chè-chán cho đến khuya. Hai bên bờ tối thui, chỉ có tiếng nhái chàng mỗi lúc mỗi kêu lớn lên. Thỉnh thoảng lại có tiếng ềnh - ương vọng lại. Tiếng nhái chàng lần lần vọng cả khúc sông, như một điệu nhạc cao vút. Một giờ, hai giờ... Giòng sông vẫn chảy, gió đông bắt đầu thổi... trước khi trăng lên. Bỗng một chiếc bóng đen dài lơ nhô từ bờ sông phóng ra, rồi hai rồi ba... rồi cả trăm, cả ngàn chiếc. Những chiếc bóng ấy, chứa đầy một thứ nhái chàng mình tròn-trục, tay cầm mã - tấu, búi nhúi, đá bật lửa... Chúng áp lại gần các chiến - thuyền trên đó bọn thủy-thủ đang say-sưa trong giấc mơ - khoái-lạc...

Bỗng một tiếng ềnh-ương kêu lên, rồi đồng vọng thêm hai ba

tiếng nữa. Một loé sáng ở một chiến-thuyền Anh, một tiếng nổ kinh-khủng..., lửa bùng cháy trên khắp cả 6 chiếc, đồng thời tiếng reo hò vang lừng thay cho tiếng nhái chàng đã im bật. Hai tiếng nổ... Ba tiếng nổ... gió càng thổi mạnh. Giòng sông máu càng sáng rực lên... Những bóng đen chạy đi chạy lại, những tiếng "Sát - dữ-dẫn lẫn với tiếng xi-lô xi-la hoảng-sợ. Nhiều thủy - thủ Anh mở mắt ra đề rồi nhắm lại mãi mãi. Một cột buồm mang lá cờ sém lửa lún dần xuống nước. Giòng Hồng-hà càng thâm thêm lửa, sát, máu, thuốc-súng : Thật là một trận chiến, một cảnh hãi-hùng nhất mà bọn thủy - thủ ngoại bang đã chứng kiến mà không thể viết lại được vì chúng không bao giờ xuôi giòng được nữa.

Một xác thuyền trôi theo giòng, lửa còn hừng cháy, đến ngã ba Tuần-Vườn gặp phải hỏa lực của các chiến thuyền của ta giăng thành chữ Nhứt chặn đứng lại, rồi tiếp đến các đợt sóng Thần. chụp lấy nó, dày vò, nhào lên lộn xuống một chốc rồi lôi xuống Thủy Cung biệt dạng.

Trăng vừa lên, một chiếc trăng lưỡi liềm y như chiếc hái của Từ

Thần ló dần từ phía chân trời xa... Sự yên lặng phút chốc lại trở về trên quãng sông canh liệt. Ánh trăng lạnh lùng sắc như ánh thép của thanh gươm báo quốc... Xa xa vang lại tiếng hoan hô chiến-thắng : "Việt-Nam Vạn Tuế".

Bốn chiếc thuyền kia chờ mãi, chờ mãi... Nhưng chợt thấy dọc theo duyên hải dân-chúng như những đàn kiến đang xúc đất, đắp ụ, gài chông đặt sủng, coi mỗi không xong, chúng liền nhổ neo chạy tuốt ra khỏi qua Quảng-Đông định hoành hành mấy chú con Trời cho lại gan...

SỬ LIỆU

Những tài liệu kể trên, cuốn gia phả và bài báo... theo tôi có lẽ là những tài liệu không chánh thức. Tôi vẫn thắc mắc hoài nghi vì từ trước tới giờ không nghe ai nói đến trận thủy chiến oanh liệt đó. Tôi ra công tìm kiếm những sử liệu khả dĩ chứng thật những biến cố lịch sử ấy.

Thì ra các cuốn sách do người ngoại quốc viết đều có đề cập đến trận thủy chiến ấy cả. Tôi xin kể ra dưới đây một vài cuốn đề quý vị tham khảo nếu cần :

"Les relations sur le Tonkin et

la Cochinchine de Mgr de... la Bessachère (Một nhà truyền giáo Pháp) viết vào năm 1807.

Documents relatifs à l'Epoque de Gialong (L.Cadière).

Annales maritimes et coloniales 1830 cùng một tác giả.

Bài La France et l'Angleterre en Indochine của H.Cordier viết trong tờ "T'oung Pao 1903)

Bulletin de l'Ecole Française d'E.O. (Số B — 45-6 Quốc-Gia Thư-Viện Saigon) bài "Les Anglais à Macao en 1802 et en 1808 của Maybon Directeur de l'Ecole Pavie.

Histoire Générale của Lavisse et Rambaud TX page 992.

Relations de la Chine avec l'Annam của Deveria.

Histoire Générale de la Chine Tome III (Nº 2P—18 của Quốc Gia Thư-Viện Saigon) trang 4 II.

Trong các sách bài kể trên đều có đề cập đến trận thủy chiến ấy cả. Tôi xin trích vài đoạn ra đề quý vị đối chiếu :

Viên Toàn-Quyền Anh tại Ấn Độ hồi đó tên là Lord Minto.

Ngày đến của Drury (Thủy-sư Đô-Đốc chỉ huy hạm đội 10 chiến thuyền ấy) tại Quảng - Đông là

ngày 23 tháng 9 Âm-lịch. Hạm-Đội còn sót lại gần 3 đơn-vị (Theo Montalto). Một chủ chiến hạm, một chiến hạm hạng nhì và một chiếc ghe nhỏ (Un vaisseau de ligne, une frégate et un sloop) Thủy-thủ gồm có người Anh và Chà-Chóp.

Thủy-sur Drury người Tàu gọi là Toulouli (Độ-lô-ly).

Chiến thuyền Anh chiếc lớn nhất chở được 700 người, chiếc vừa 200, chiếc nhỏ nhất 100 người, trang bị bằng đại bác, súng trường, và đạn được đầy đủ.

Ông Đào-Trình-Nhứt đã viết trong cuốn Việt-Sử Giai-Thoại : "Nhà vua Gia-long thường vui miệng nói rằng : "Giờ ta là bạn của Phú-lang-Sa tất những kẻ xâm lược kia (trò vào người Anh) chả dám mưu toan làm sự gì có hại cho ta được." (VSGT trang 102)

Ông Maybon đã viết : "Một sử liệu Tàu đã nhắc nhở một sự mưu toan của ông ; Drury tại nước "An-nam" và kể lại những hành động liền sau đó của y tại Macao (Sử liệu đời Gia-Khánh nhà Thanh) : Một người mại-bán tàu thủy tên là Lai-Pi (Robert chữ Nho viết là Lật-Phật) đến

liên lạc với viên Thủy-Sur Đô-Đốc xứ Bengale (thuộc Anh) và quyết định rằng sẽ phái mười chiến thuyền đến thị oai tại duyên hải nước An-nam. Nhưng lực lượng hải quân ấy bị hải-quân An-nam đánh tan mất một phần. Thủy-Sur Đô-Đốc cả thẹn không dám trở về Ấn-Độ mà phải sang Quảng-Đông...

O. Cordier kể rằng : « Nhiều chiến-hạm mang hiệu-kỳ của Thủy-sur Đô-Đốc Drury ngược giòng sông Hồng-Hà vào năm 1808 đến gần Hà-nội, nhưng bị nhiều chiến-thuyền An-Nam chặn-đánh và thiêu-hủy. Một phần hạm-đội còn lại đang án-ngũ ở cửa sông liền trương buồm đông tuốt lên hướng Bắc (Trích ở cuốn Histoire Générale của Lavissee et Rambaud T. 10 trang 992).

O. Deveria kể lại rằng :

« Năm 1808 nhiều sĩ-quan Anh đang đóng tại Ấn-Độ, hay tin sự thắng trận của Chúa Nguyễn (Gia-Long) tưởng đã đến lúc nên phái 10 chiến-thuyền ngược giòng sông Phù-Lương (Hồng-Hà). Người An-Nam dấu kỹ thuyền bè của họ trong các sông ngách và rạch nhỏ nên nhìn sâu vào 10 dặm về phía đất liền cũng chẳng thấy một bóng

ma nào. Khi các chiến-thuyền Anh đến gần Bắc-Thành (Hà-nội) gần một trăm chiến-thuyền-nhỏ (ghe) An-Nam lợi-dụng đêm tối, dàn ra chặn đường rút lui của chiến-thuyền Anh ở hạ-lưu con sông. Sau khi chuẩn-bị xong, họ tấn-công các chiến-thuyền Hồng-Mao đốt cháy hết 7, 8 chiếc đã tiến lên một cách trái-phép như vậy. Số chiến-thuyền sót lại ở cửa sông vì sợ-hãi nên nhờ neo thoát trốn mất ! (Quand à ceux qui étaient restés à leur embouchure, ils eurent peur et disparurent). Họ trương buồm chạy qua Quảng-Đông, vì trở về Ấn-Độ sợ mất-mật. Họ tấn-công Ma-cao nhưng vô-hiệu rồi rút lui ».



★ PHÒNG HỒ (SECOURS)

Vợ ông A ghen bảo chồng :

— Mình sao có vợ rồi mà còn đi mèo mớ hoài vậy ?

Ông A trả lời :

— Bà mày không biết lo xa gì hết trời, bà thấy chiếc xe GMC đã có 10 bánh thế mà người ta còn mang theo một bánh phía sau nữa kia. Huấn hồ tôi chỉ có một.

★ CHUYỆN ĐIÊN

Hai anh điên nói chuyện với nhau

— Làm cách nào mày biết được cái thang này cao mấy thước ?

— Tao hạ nó xuống rồi lấy thước đo.

— Đồ điên, tao hỏi mày chiều cao sao mày lại đo chiều dài của nó ?

N. C.

(Histoire Générale de la Chine) Tome III (Nº 2P/18 của Thư-Viện Quốc-Gia trang 411).

Tôi chưa được dịp xem các sách viết bằng chữ Nho khác. Duy lấy làm lạ tại sao chiến công này ít được đề-cập đến. Hoặc-giả vì sợ động chạm đến cuộc bang-giao với các nước Âu - Tây thời đó, hoặc-giả đó là công-trạng của một công - thần đã sanh ra một người con không mấy Trung-Kiên với Triều Nguyễn (xem Việt-Nam-Sử-Lược Trần-Trọng-Kim trang 446 (1958) nói về loạn Lê-Văn-Khôi và Thái-Công-Triều) nên sử-gia thời đó bỏ qua đi chẳng. Chúng tôi rất mong các sử-gia chỉ-giáo hoặc bổ-túc thêm tài-liệu.

Người Cháu tốt



HÌNH thấy bóng ông già đứng lấp ló ngoài hàng rào sắt, Mạnh bực tức hét to :

— Ồ ; lại cái ông già kia. Chắc lão ta định vào nhà mình ăn trộm chẳng ?

Thanh — cô vợ trẻ, ném vội tờ báo xuống bàn rồi bước nhanh tới bên chõng nhìn xuống đường.

Mạnh nói thêm :

— Cả buổi chiều hôm qua anh thấy lão ta đi đi lại lại trước cửa nhà mình nhiều bận như rình mò cái gì...

Đúng suy nghĩ một chút, Mạnh quay bảo vợ :

— Anh phải xuống hỏi cái lão già ấy muốn gì mới được.

Mở cánh cửa sắt, Mạnh nhìn trừng trừng vào đôi mắt thẳng

thốt của ông già, anh gắt gỏng sủa đuôi :

— Ông già muốn gì mà cứ đứng thập thò ở đây hoài vậy ? Ông có đi ngay chỗ khác không có tôi kêu lính tới bây giờ.

Ông lão không sợ sệt vì lời dọa nạt của chủ nhân căn nhà đồ sộ, ông chăm chú ngắm kỹ người con trai mặt đang đỏ bừng vì tức giận. Chợt đôi mắt ông bừng sáng, ông lắp bắp nói :

— Anh không nhận được ra tôi ư ?

Mạnh tròn tròn mắt kinh ngạc không hiểu.

Như không đề ý tới điều nhỏ mọn đó, ông lão cảm động nói tiếp :

— Tôi là chú của anh đây, anh không nhận được ra tôi ư ? Tôi là chú Hội đây mà, anh còn nhớ chứ ? Ồ, lâu lắm rồi tôi sang

Tân thế Giới làm ăn, kẻ cũng mười mấy năm rồi đấy. Lúc đó anh hãy còn nhỏ, bây giờ về đây anh đã lớn quá rồi, lại giàu có nữa...

Nghe ông già kể huyền thuyên, Mạnh mới chăm chú ngắm kỹ người chú thân thuộc của mình. Anh nghĩ thầm trong bụng :

“Thì ra lão già này lại là người chú của mình. Chắc ở bên Tân-thế-Giới khổ sở lắm nên mới về đây, thảo nào quần áo tôi tàn quá. À mà không biết tại sao ông lại biết mình ở đây nhỉ. Biết làm sao bây giờ.”

Nghĩ vậy, nhưng anh cũng đành mời ông chú già vào nhà. Đề ông ngồi ở phòng khách, Mạnh chạy nhanh lên gác nói lại cho vợ nghe câu chuyện hi hữu vừa xảy ra.

— Anh tưởng ông ta đã chết bỏ xác bên đó rồi, không ngờ ông còn vác mặt về đây được. Bây giờ em nghĩ thế nào ?

Thanh căn môi suy nghĩ. Chợt một tia sáng loé nhanh trong óc người đàn bà tinh ranh. Nàng vội bảo chồng :

— Ông Chú ở bên Tân-thế-Giới về ư ? Em nghe nói những

người sang bên đó làm ăn đều giàu có bạc triệu cả. Biết đâu ông chú của anh “đóng kịch”. Ông vờ ăn mặc soàng sĩnh như hiện giờ để xem mình đối xử với ông ra sao.

Mạnh gật gù không trả lời. Nhìn đồng hồ thấy hai giờ chiều, Thanh bảo chồng :

— Anh cứ đi làm đi để mặc em ở nhà tiếp ông chú cho. Nếu đúng ông như ý nghĩ của em thì chúng mình có hy vọng đấy.



Khi Mạnh đi làm về, không thấy ông chú đâu, anh hỏi vợ xem ông chú thế nào. Thanh làm ra vẻ bí mật nói khẽ :

— Em đoán không sai, chú ấy giàu lắm. Hiện ông đang ở tại khách sạn Majestic.

Mạnh bẽn lẽn hỏi vợ :

— Tại sao em biết rõ thế ?

Thanh cười hóm hờ :

— Trong khi chú ngồi uống nước, em đã dặn thằng nhỏ đứng chờ ngoài cổng xem ông đi đâu thì theo đấy để tìm chỗ ở của ông.

— Nó thấy thế nào ?

— Ông đi bộ ra đầu phố, ở đó có chiếc xe hơi Huê-Kỳ mới

tin có tài xế đang ngồi chờ.

Mạnh ngắt lời vợ :

— Rồi thằng nhỏ làm sao biết được chỗ ở của ông ?

— Có gì lạ đâu. Nó vậy một chiếc taxi đuổi theo thì thấy ông vào khách sạn Majestic.

Mạnh reo to :

— Nếu vậy chúng mình giàu to rồi. Chú anh không có con cái gì cả, như vậy thế nào cái gia tài kếch sù kia của ông cũng vào tay chúng mình rồi. Đầu tiên hãy có chiếc xe Mỹ để đi đã, phải không em ?



★ TÌNH... NGUYỄN TỬ

Chàng : (âu yếm) — Em ơi ! anh yêu em nhiều lắm, không thể nào tả xiết được.

Nàng : (âu yếm hơn) — Em cũng yêu Anh nhiều lắm. Nhưng khi nào anh.. hết tiền thì anh nhớ phải cho em rõ trước 15 ngày theo đúng luật quốc tế. Nếu không em sẽ buộc lòng phải đem anh ra « Thanh Tra Lao Động »...

Chàng : !!!...

★ THÍCH ÁO... QUAN

Nàng bị gia đình bắt ép lấy chàng. Trước ngày cưới, chàng đưa nàng đi sắm áo cưới.

Khi tới các cửa tiệm bán vải, chàng hân hoan hỏi nàng thích thứ áo gì nàng cũng lắc đầu.

Cuối cùng, chàng có vẻ bức mình :

— Em thích gì phải cho anh biết thì mới mua được chứ.

Nàng lạnh lùng :

— Em thích áo... quan (hòm).

Mạnh gật gù tiếp :

— Kề ra em cũng tính ý thật, anh phục đấy. Nếu không có phải... hỏng hết cả còn gì. À nhưng mà làm thế nào để gặp được ông ?

Thanh sua tay vui vẻ :

— Mình cứ yên tâm. Ông có hẹn sáng mai lại chơi. Ý em sẽ mời ông về đây ở hẳn. Chúng mình sẽ nhường căn phòng của chúng mình cho ông ngủ, anh bằng lòng chứ ?

— Bằng lòng hẳn đi chứ ! và em đáng được anh thưởng một cái hôn thật kêu.

NÀNG CHINH PHỤ TRONG

CHINH PHỤ NGÂM

GIỚI THIỆU

« Người Chinh - Phụ trong Chinh-Phụ Ngâm » do Linh - Mục VŨ - ĐỨC - TRINH trình bày tại Hội-Trường Tinh Long-Khánh ngày 19-12-1959.

Linh-Mục Vũ-Đức-Trinh, như các bạn đều biết, là một Giáo-Sư có danh-tiếng, học thức uyên-thâm, chuyên khảo-cứu về Văn-học-Sử. Bài thuyết-trình sau đây chứa đựng nhiều tài-liệu mới lạ về nguồn-gốc quyển Chinh-Phụ-Ngâm. Chúng tôi đang lên đây với mục đích mở rộng tầm nghiên-cứu của các nhà Văn học-Sử về các áng Văn-Chương trữ-danh kim-cổ, và xin thành-thật cảm ơn Linh-Mục Giáo-Sư Vũ-Đức-Trinh đã có mỹ-j ý gửi bài này đến Phổ-Thông.

★ VŨ-ĐỨC-TRINH



ƯA cũng như nay, tại Châu Âu cũng như tại Châu Á, các nước đều hân diện về những

thứ gì làm vẻ vang cho quốc thể. Hiện nay, thế giới đang tán thưởng Hoa-kỳ với Nga-Sô về những phát minh nguyên tử, không khí, và vệ tinh của họ.

Giá trị vật chất của khoa học thực nghiệm còn cao như thế, huống hồ giá trị tinh thần của những áng văn chương. Việt-Nam, tuy bé nhỏ, song đã sản-xuất nhiều áng văn chương hay tuyệt vời làm rạng rỡ quốc thể mình trên trường quốc tế. Trong số những áng văn này có quyển

« **Chinh Phụ Ngâm** » do ông Đặng-trần-Côn (1710 ? — 1745 ?) sáng tác bằng tiếng Trung-Hoa theo lối nhạc phủ, rồi bà Đoàn-thị-Điểm (1705-1748) dịch-thuật sang tiếng Việt Nam theo thể song thất lục bát. Đây là thi phẩm có nhiều giá trị. Bài này sẽ bàn đến giá trị luân thường.

Cả cuốn sách là một khúc ngâm dài hay là một bức thư ngỏ nàng chinh phụ viết, gửi chàng chinh phu, trong ấy có lắm câu tiết lộ đức hạnh cao quý. Ngoài cuốn sách kia, chúng tôi sẽ trình bày thêm mấy điểm về cuộc đời nàng.



CHƯƠNG I

Cuộc đời Nàng Chinh Phụ

Thường những người đọc nguyên bản của ông Đặng-trần-Côn hay dịch phẩm của bà Đoàn-thị-Điểm vẫn tưởng cách đơn sơ rằng : cốt truyện ấy hoàn toàn do trí vẽ của người viết bày ra. Sự thật không phải thế. Nàng chinh phụ là nhân vật lịch sử : có tên, có họ, có chồng, có con. Sở dĩ

chúng tôi dám đưa ra những điều quả quyết mới mẻ là vì chúng tôi căn cứ vào tài liệu của ông Lý-văn-Hùng, một nhà bác học chuyên khảo cứu về văn hóa Tàu và ta. Ông so sánh nội dung nguyên bản của họ Đặng với truyện Tàu và nhận thấy hai mảng hợp nhau khít khít. Cố nhiên ông đi đến kết luận sau này: Nàng chinh phụ trong quyển « **Chinh phụ Ngâm** » là người có thật.

ĐIỂM I

Thân thế của Nàng Chinh Phụ

Xét về lịch sử và hoàn cảnh, tức là thời gian và không gian, ông Đặng-trần-Côn thuật truyện gia-đình với xã hội bên Trung-Quốc. Có nàng chinh-phụ thương nhớ chàng chinh-phu phải đi ngăn sóng giặc ngoại-xâm ở Vạn Lý Trường Thành. Nàng đi tìm chồng và chết luôn ngoài đó. Tình tiết lâm-ly, thâm-thâm, gây xúc động ở cõi lòng người, đến nỗi họ dựa vào cốt truyện kia mà biên soạn bi-kịch và tiểu thuyết.

Quyển *Hoa Triều Sinh Bát-Ký* 花朝生筆記, và bài

Mình của Hoàng thế Khang 黃世康, người huyện Bồ Trung, tỉnh Phúc Kiến, tường thuật về nàng chinh phụ như sau :

Trong sử nhà Tần (255-506), đời vua Tần thủy Hoàng (221-209) có người con gái họ Hứa 許, tên là Mạnh Khương 孟姜, gả cho người con trai, họ Phạm 范, tên là Thực 植 ở miền Quan Trung, nước Sở. Tổ tiên nàng là những bậc danh giá. Ông thủy tổ nàng là Văn Thúc, một chi-nhánh của vua Viêm-Đế Thần-Nông (2737-2697), cùng dòng-dội với Lạc Long Quân, con Kinh-Dương Vương làm vua đời Hồng Bàng (2877-258). Nàng được thẩm nhuần văn hóa của các đế vương đời nhà Chu (1122-255) để lại, cùng với văn hóa hiền thực của Nga-Hoàng và Nữ Anh là hai vợ vua Thuấn (2255-2205). Bởi thế, từ nhỏ nàng đã tiềm nhiệm đạo đức, đã hấp thụ thư hương theo tinh-thần gia phiệt.

Nàng kết hôn được ít lâu thời nhằm lúc vua Tần thủy Hoàng mưu tính một công cuộc vĩ-dại. Sau khi thôn tính xong sáu nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở, vua muốn phòng ngừa cuộc xâm

lăng của bọn Hung Nô ở miền bắc, mới truyền xây Vạn Lý Trường Thành, để làm biên-giới từ Lũng Tây ở mạn tây đến Liêu Đông ở mạn đông. Bề dài tường định xây là 1.250 dặm Anh ; nếu tính cả những ngách và chỗ quanh co, thì đến hơn 2.000 dặm ; bề cao từ 20 đến 50 thước Anh ; bề dày từ 15 đến 25 thước. Dọc theo phần lớn chiều dài, tường đối diện với những khối gạch, khối đá hoa cương, và có những tháp canh ở nhiều quãng.

Vua đặt công trình lớn lao ấy dưới quyền chỉ huy của đại-tướng Mông Điền và dưới quyền kiểm soát của thái tử Phù Tô. Công trình phải chia ra nhiều khoảng cho tiện bề hợp-tác với nhau trong việc chấp nối. Có một số người đốc công, trong ấy, ông Lý ông Trọng, người Việt-Nam, chiếm địa vị đáng kể. Ông đóng binh giữ đất Lâm Thao và trông nom việc xây cất ở miền Lũng Tây nước Tàu.

Vua truyền huy động tới 1.000.000 người thanh niên (từ 18 đến 45 tuổi) đi sưu dịch. Vì thế, trong nhân dân, vợ khóc chồng, mẹ khóc con, thảm nào. Sau chuyến trải đi, nhữ-g

người chồng, người con đó không biết bao giờ mới trở lại, và không chắc có trở lại nữa hay không.

Trong số những kẻ phải đi ra biên giới có chàng Phạm-Thực, chồng nàng Mạnh-Khương. Tuy chàng là sinh viên, con nhà danh giá, song cũng phải tuân lệnh vua mà đi góp công trong việc hãn ngữ quân địch phía Bắc. Ban đầu chàng ở trong hàng ngũ quân đội, đến sau sát nhập đạo binh xây chiến tuyến để chống bọn Hung-Nô. Việc xây cất thành lũy hay bị cắt quãng vì bọn này quấy phá. Thành thử cần có thêm bộ đội chiến đấu ở kèm những toán công binh. Chàng ra đi, nàng ở lại, gây nên cảnh biệt ly đau xót. Vắng chồng, nàng phải chịu biết bao nỗi đau khổ! Cha chồng đã khuất núi, để lại mẹ chồng. Nàng thay thế chồng mà phụng dưỡng mẹ và dưỡng dục con, đứa con tên là Bằng. Nàng làm việc để kiếm tiền tiêu cho gia đình, vì chồng không có tiền gửi về giúp đỡ. Có khi nàng già gạo dưới ánh trăng thu, có lúc nàng quay tơ trong mùa xuân buổi sớm. Tiếng già gạo hòa với giọng dế kêu, tiếng

quay tơ uốn theo cung quốc gọi.

Đối với mẹ chồng, nàng vẫn làm tròn nghĩa vụ mà hồi han, săn sóc. Mẹ chồng ỉ ê, sầu khổ, vì nhớ thương con. Chiều chiều, bà đứng tựa cửa, mong con về. Lâu ngày thấy vắng tin con, bà không chịu đựng nổi. Bà lo buồn hết sức, rồi ngã bệnh mà qua đời. Một mình nàng gánh cả việc hiếu việc tang và lo liệu xong xuôi việc chôn cất.



ĐIỂM 2

Hành động của Nàng Chinh Phụ đối với Chàng Chinh Phu

Trải nhiều tiết mùa đông lạnh lẽo, Mạnh-Khương vẫn may áo ấm gửi cho chồng đang chịu rét ở cõi biên thù xa xăm. Rồi nàng hốt nhiên thấy bất tin chồng. Đàng đẵng mấy năm trường, nàng mỗi mắt ngóng xem. Nàng không giấu nổi những cơn đau buốt trong tâm hồn. Thân hình nàng ra tiều tụy, chịu vất vả, chống đỡ cuộc mưu sinh. Đến sau, nàng phong phanh nghe tiếng đồn: Ở ngoài miền bắc, vì tuyết sương lạnh

lẽo quá chừng, vì công trình khó nhọc quá đời, nên có nhiều người ra gầy mòn, ốm yếu, rồi thác đi. Nàng nghiêng ngả đạo tam tông. Khi tro tro, nàng phải tìm cách gặp lương nhân. Nàng đắn đo việc tông quyền khi ngộ biến. Nàng nhất định tới chỗ ải quan, tìm chồng, để yên ủi, giúp đỡ, và san chia gánh nặng. Nàng đem gửi con, rồi vùng chân, rào bước.

Nàng theo đường vạn lý; đoạn từ miền hồ Động-Đình nước Sở đi lên phía bắc, đến kinh đô Hàm-Dương. Nàng nghe đồn thối: Bọn người làm sứ dịch đã lên vùng tây bắc. Nàng lại đi từ miền sông Hán-Thủy đến dải núi Tần-Linh, mà giăng về hướng tây; đoạn cứ theo sông Tất-Xuyên mà đi thẳng lên phía bắc. Dọc đường, hề gặp ai tự phía bắc về, nàng cũng cúi chào, rồi hỏi tin. Nàng giải bày, than khóc. Nhưng, ngán nỗi! chẳng ai biết tin chồng nàng. Nàng tiếp tục đi. Dẫu bị tuyết làm ngăn trở, nàng cũng cứ lướt ngang Hoàng Đài, một thành lũy xây bằng đá vàng, xem thật cổ kính. Tới sông Hắc-Thủy và bến Mã-Lan, nàng bị bùn lầy làm chậm bước tiến.

Nàng không sợ hãi, ngã lòng. Vốn nàng có đem theo một thanh gươm, để phòng ngừa những điều bất trắc. Nàng men theo mé Trường-Thành, ngó về hướng đông mà đi. Dẫu hồi han từng người, nhưng nàng có vẻ thất vọng, vì chẳng ai biết tin chồng nàng.

Rốt cuộc, nàng đến một bãi cát miền đông. Thốt nhiên, nàng thấy mây vần vũ kéo đen ngịt và luồng hơi cuộn cuộn, u ám. Đồng thời, những cơn gió bắc lạnh ghê hồn vì vút thổi. Cùng khi đó, nàng nghe nhiều con ngựa hí lên những giọng thâm thê, và xem những đám xương trắng ngồn ngang, chập chồng, vì bỏ lay lắt bao nhiêu ngày không có ai chôn.

Trước cảnh tượng kia, nàng tự hỏi: « Có lẽ chồng ta thác mất rồi, mà thác ở đây chăng? ». Nàng nghĩ thêm: « Có lẽ phần anh linh của chồng báo điềm lạ? ». Hồi và nghĩ thế, nàng mới khấn vái vong linh của chồng, và cầu đảo. Hoàng Thiên: Nếu bậc quân tử thác đi rồi, thì nàng xin một biểu hiệu, để biết. Nói xong, nàng cắn ngón tay đến chảy máu, để rỏ vào những đống

xương vô định. Thí nghiệm nhiều phen, nàng vẫn không thấy ứng nghiệm gì cả. Sau cùng, thoát khi nàng mới rõ một giọt máu vào chiếc đầu lâu kia, nó liền thấm máu và đỏ rực lên hết. Nàng hiểu ngay : đây là dấu hiệu Trời cho, để nàng biết phần linh hiển của chồng. Tức thì nàng ôm chầm lấy bộ xương đó, mà khóc ròng rã ba ngày ba đêm. Trông khoảng thời gian nọ nước mắt nàng không ngừng chảy và miệng lưỡi nàng không ăn uống...

Câu chuyện nàng Mạnh-Khương khóc đồn thổi đến tai thái tử Phù - Tô, con trưởng vua Tần-thủy-Hoàng, và đại-tướng Mông-Điền khi ấy đóng đại bản doanh ở đất Lu-Long, một ải quan trọng tỉnh Hà-Bắc bây giờ (1). Hai người liền cấp tốc sai đánh xe tới Trác-Lộc, chỗ nàng đương là trung tâm của niềm thắc mắc. Hai ông gọi nàng, hỏi truyện, và tìm hiểu căn do nỗi oan ức của nàng. Nàng thưa : « Tôi không bị ai ức hiếp cả. Nguyên tôi khóc lóc thảm thê là tại thương chồng tôi chết. Chồng tôi chết vì phận sự ; đó là điều thuộc về nghĩa thần dân. Tôi không oán

trách vua chút nào. Còn xét về tình phu-thê, tôi làm sao tỏ cho xiết niềm bi ai trước số mệnh ? ! Ngày nay tôi chỉ mong ước một điều : Vì chồng tôi chẳng còn sống nơi biên thùy, quan tãi, thì tôi cũng xin chết theo, để có cuộc họp mặt ở tuổi vàng. » Vừa thốt xong, nàng nghẹn ngào, hấp hối, ngã quỵ, và tắt thở ! Đồng thời, một dãy tường mới cất sập đổ theo. Nghe truyện bi thảm và xem cảnh nao nùng, thái tử và đại tướng nào nao cảm động ; luôn cả các tướng sĩ và dân phu cũng cảm thương rất nhiều và rung rung nước mắt. Ai cũng cho tình cảnh người này giống câu

1) Hai ông này được lệnh riêng của vua sai kiến trúc, rồi trấn biên Vạn-Lý Trường-Thành. Khi vua tạ thế, Hồ-Hợi, con của một nàng cung phi, và Triệu-Cao, thừa tướng gian thần, mạo chiếu chỉ vua buộc tội hai người và bắt phải tự giết. Hai người bị chết oan. Hồ-Hợi lên làm vua, tự xưng là Tần-nhị-Thế.

truyện vợ chàng Kỷ - Lương xưa (1)

Thái tử hạ lệnh hành lễ mai táng. Ông cho một cặp lộng đèn để che, một ban ca nhạc để tấu. Ông truy tặng phẩm hàm Tả Tướng Quân cho Phạm Thực và truy phong tước hiệu Trình Phu Nhân cho Mạnh Khương. Ông truyền chôn hai cỗ sấm vào một mộ cách cửa Sơn Hải Quan chừng tám dặm, cách ven Bột-Hải chừng một dặm. Khi lễ an táng vừa xong, tức thì trời nổi cơn giông lớn, cuốn tung cát, sỏi, đá lên, làm thành núi phủ năm mờ ; trên đỉnh núi, những hòn đá chồng lên nhau như hình nàng vọng phu to lớn.

Thấy việc hiển linh, người ta lập gần chỗ này một miếu đá gọi bằng Khương Nữ Từ. Đời sau, tại Cổ Bắc Khẩu, tỉnh Hà-Bắc, và ở Lộ An, tỉnh Sơn Tây, người ta cũng làm miếu và cũng đặt tên là Khương Nữ Từ. Vì sùng mộ nhân đức của nàng, các kẻ gần xa hay vào chiêm bái và tham dự việc cúng thờ trong những miếu kia.

Trong đời nhà Tây-Hán (206-25), nhà Đông Hán (25-220), nhà Ngụy (220-265), mộ nàng

Mạnh Khương được các triều đình lập cho mấy bia đá. Sang đời nhà Minh (1368-1644), miếu nàng được trùng tu cẩn thận.

1) Vào đời Xuân-Thu (227-484), có chàng Kỷ-Lương 紀梁 là viên dũng sĩ của nước Lỗ. Chàng phụng lệnh nhà vua mà lòng chinh tại thành Cử. Khi vào trận, chàng xung phong, nhảy lên đầu thành. Lập tức chàng bị các mũi tên của giặc bắn tập trung, khiến chàng ngã rơi xuống. Đề truy ân vị anh hùng đã bỏ thân vì nước, nhà vua sắc làm lễ quốc táng hậu trọng, cho vinh hiển vong hồn người quá cố. Thế nhưng, vợ chàng chưa nguôi đau đớn nào nề. Với lòng diễm nàng than thở cách tuyệt vọng : « Hiện giờ tôi lẻ loi, vì trên trời không cha mẹ, dưới thì không con cái. Tôi sống không được vui. Chi bằng thác theo chồng ? » Nàng đi ra cửa thành, khóc lóc, làm cho cả những ai qua đường cũng phải rơi lệ theo. Cách mười hôm, bỗng nhiên thành sụp, và nàng cũng tắt thở. Tích này, về sau, đời Đông-Hán (25-221), có chép vào sách LIỆT NỮ TRUYỆN 列女傳

Ở cuối bài Minh, Hoàng-thế-Khang kết thúc : « Hôm nay tôi, Hoàng - thế - Khang, nhân dịp phiêu linh, giang hồ, cỡi chiếc xe nhỏ chạy ngang đây, được bà Mạnh-Khương cho biết thêm, trong giấc mộng, cho biết thêm về sự tích của bà. Khi tỉnh thức, tôi ngắm cảnh, thì thấy trên trời những làn mây dờn dợn như ngọn cờ rung rinh, dưới đất cây cối um tùm như có

màn hơi che phủ, trong biển thủy triều sớm hôm lên xuống như có luồng sức cùng đưa mộ bà lên xuống theo : hình bóng cuộc chìm nổi của đời người. Tôi kinh hãi, cho là lạ.

• Tôi làm một bài Minh nữa, để tạc vào bia, cốt cho người đời sau, lúc đi ngang, hiểu biết sự tích của bà ».

(CÒN NỮ A)



* QUẢ ĐẶC BIỆT

Trong đêm tân hôn, nàng áu yếm bảo chàng :

— Em dành cho Anh một cái bất ngờ tuyệt diệu. Đố Anh biết là cái gì đấy nào ?

Chàng sung sướng quàng vai vợ :

— Chắc em thưởng cho anh 1.000.000 cái hôn thật kêu và... chứ gì ?

Nàng lắc đầu, nũng nịu :

— Không phải.

Chàng xin chịu.

Nàng thở thê :

— Cái biểu Anh một đứa con riêng và một cái thai trong bụng em nhé, thế mà anh chẳng biết, xoàng quá !

Hỏi Chúa Xuân

Gặp xuân chào hỏi chúa xuân ta,
Hỏi có thương không bạn tuổi già ?
Chúa gọi rằng thương không tính tuổi
Thương nhau chỉ vị cái tài ba.



Thương nhau chỉ vị cái tài ba,
Câu nói Đông-Quân vẫn thật thà.
Rõ áng mây xanh thương tóc bạc,
Chuyện cô Cầm-Thảo lão Đông-Pha. (1)

ƯNG-BÌNH THỨC-GIA-THỊ

- (1) Sách Hoạt-kê Liên-Thoại có chép :
Đại-lão Tô-Đông-Pha với ông Sư Phật-án và người kị-nữ là Cầm-Thảo thường năng qua lại thi tửu Xương họa cùng nhau.

CẢM ĐÊM GIAO THỪA

Pháo nổ giao-thừa Bắc-Việt xa
Ly hương vút chốc mấy năm qua
Xuân nào ấm được lòng ta nhỉ ?
Sông núi chia đôi cảm nước nhà...

Giao-thừa Mậu-Tuất-Kỷ-Hợi
tại Nha-Trang

TƯƠNG - PHỐ



HỒI KÝ

Một Đời Người

THIỆU SƠN

PHẦN THỨ HAI

XI

BÁO CHÍ THỐNG NHÚT

(Tiếp theo P. T. số 27)

S AU KHI Những ký-giả chuyên-nghiep
Tương - Lai lục tục trở về và lại xin ra báo.
đóng cửa, tờ Mới đầu họ chưa dám viết
Phục - Hưng theo Justice vì sợ bị bỏ nhưng
một mình mùa họ cũng không bắt chước theo
gây rừng hoang Phục-Hưng và Tiếng Gọi. Họ
và hò-hét giữa sa-mạc. Không ai viết theo lối nửa nạc, nửa mỡ,
dám gây sự với nó nhưng cũng vượt bên nay một chút, bình
không ai thêm đọc nó. Nó cần bên kia một chút nhưng vẫn kiểm
phải có bạn đồng-minh và được cách đề-cao cuộc kháng-chiến anh
ít lâu thì đồng minh của nó ra dũng của toàn-dân.
đời. Đó là tờ « Tiếng gọi » của Nhưng thời-cuộc biến-chuyển
anh Phạm-văn-Điền. Nhưng có dèo thuận-lợi cho những
«tiếng gọi» cũng chẳng gọi được cuộc thương-thuyết để chấm
ai vì lòng người lúc đó đều dứt chiến-tranh làm cho báo chí
hướng theo tiếng gọi của Tổ cũng nôn nả muốn hưởng-ứng
Quốc. với dư luận quần chúng.

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Có tờ Justice dẫn đầu, và Justice lúc này lại có thêm phần Việt-Ngữ, báo chí lần lần hướng mạnh về Kháng-chiến. Rồi họ liên-minh với nhau thành một mặt trận báo-chí Thống-Nhút, chống đối với phong-trào phân-ly và đối-lập luôn với mấy ông thực-dân hạng bự cùng những sáng tác-phẩm của các ông là những chánh-phủ tự-trị Nam-kỳ-quốc.

Báo Tin-Điển của cô Anna Cang qui-tụ được những cây bút chuyên nghiệp kỳ cựu như anh Chí Thành đổi tên là Trần Tấn Quốc, anh Nam Đình thêm tên là Nguyễn kỳ Nam. Cũng như các báo khác, báo này có mục phim thời sự đặt tên là *Trở Trêu*. Mục *Trở Trêu* của Tin Điển do Nam Quốc Cang phụ trách mà Nam Quốc Cang là một tên phối hợp của ba người: Nguyễn kỳ Nam, Trần Tấn Quốc và Anna Cang, ai viết *Trở Trêu* cũng phải ký bút hiệu chung đó.

Được ít lâu có một bạn cũ trong làng hồi cư trở về là anh Nguyễn văn Sinh. Sinh được anh em giao đứt cho mục *Trở Trêu* và từ đó mục này càng

thêm khôi sắc. Độc giả khoái *Trở Trêu* và đặc biệt chú ý tới Nam quốc Cang. Rồi Sinh đi tới đâu cũng được người ta gọi là Nam quốc Cang thét rồi Sinh cũng nhận luôn bút hiệu đó cho tới chết mặc dầu 3 người « hùn tên » vẫn sống nhàn.

Anh Sinh hồi đó mới độ 30 tuổi mà đã tỏ ra xuất sắc về nhiều phương diện. Anh thông-minh, bật thiệp, viết lẹ, có tài săn tin và chăm biếm. Anh là một trong những người có công lớn đối với báo chí Thống-Nhút. Mỗi khi có khách ngoại quốc tới viếng thăm Saigon, anh là người liên lạc tài tình của chúng tôi. Khó khăn thế mấy anh tiếp xúc cũng được. Rồi anh mời khách về làng để anh em tiếp chuyện hay đãi đằng. Nhiều quý khách của Cao phủ-ủy sau khi tiếp xúc với báo chí Thống Nhút lại có những ấn tượng tốt đẹp về Kháng chiến và sau khi về nước lại có những lời tuyên bố trái-ngược với sự mong muốn của Thực dân.

Nam-quốc-Cang sau qua làm chủ bút cho tờ Thời-Cuộc của Đình-xuân-Tiểu.

Tiểu là một cây bút già-dạn, đĩnh-thếp nhưng không sống về nghề viết báo và đã tạo nên được một sự-nghiệp khá lớn. lao nhờ thời-cuộc. Năm 1951. Đinh-xuân-Tiểu và Nam-quốc-Cang cùng bị ám-sát giữa ban ngày tại Saigon.

Phe nào giết hai người đó? Thực-dân-muốn đổ thừa cho phe kháng-chiến vì Đinh-xuân-Tiểu không được thiện-cảm của phe này.

Nhưng dư-luận không thể bị lừa gạt một cách dễ-dàng như thế được. Dư-luận khăng-khăng tin rằng kẻ giết Nam-quốc-Cang không thể là người của kháng-chiến. Bởi thế nên đồng-bào càng tham-gia đông-dảo đám táng của một ký-giả và cũng là một chiến-sĩ đã dùng cây viết làm khí-giới để mạt-sát những kẻ lợi-dụng xương-máu của đồng bào để vinh-thân phì-gia, những kẻ đã đi ngược với cuộc chiến-dấu anh dũng của dân-tộc. Anh Nam-quốc-Cang nghèo mà lại đông con, anh chết đi là một sự thiệt-thòi lớn cho gia-đình của anh. Làng báo mất anh cũng là mất một tay kiện-tướng.

★

Báo-chí thống-nhút còn nhiều

tay oanh-liệt không thể nói hết ra đây. Nhưng kỳ-đặc là cái tên Tam-Ích. Người mang cái tên đó là một giáo-sư trẻ tuổi đã dạy học ở trường Nam Hưng Cánh. Anh cũng đã từng viết văn với bút-hiệu Trúc-Lâm. Nhưng Trúc-Lâm không được cái để ý. Lên Saigon anh viết bài cho tờ Việt-Bút chỉ ký tên bằng 3 chữ X.

Rồi người ta để ý đến những bài của anh với một lối hành-văn đặc-biệt, một cách lập-luận khác thường, có khi tối-mò mà rắc-rối, có khi đột-ngột mà thần-tinh, nhưng bài nào cũng có vẻ trí-thức. Rồi XXX thành trứ-danh. Tác-giả chỉ có thể đổi thành Tam Ích tức là 3 chữ X chứ không thể đổi khác hơn nữa. Rồi tác-giả cao-hưng nhảy ra làm chánh-trị, bị đẩy ra an-trí một thời gian ở Faifo. Trúc-Lâm chết luôn. Tam-Ích còn sống vẫn dạy học và thỉnh-thoảng vẫn viết văn. Anh người siêng năng, ham đọc sách, chịu suy-nghĩ, thật-thà thuần-hậu, mặc dầu khi viết văn anh cho người ta có ấn-tượng muốn làm « thầy đời ».

★

Trong lịch-sử báo-chí ở Việt-Nam, tôi chưa thấy bao giờ có sự đoàn-kết nhút-trí giữa con nhà cầm bút bằng thời-kỳ báo chí thống nhút. Các báo đều thường trực liên lạc với nhau để hoạch định đường lối chung, để trau dồi tin tức và cương-Quyết chống trả mọi âm mưu xảo trá của thực dân. Báo chí

thống nhút chỉ tung hoành được lối một năm vào khoảng 1946, nhưng cũng gây ảnh hưởng lớn và để lại một kỷ-niệm tốt cho làng báo miền Nam. Cổ nhiên thực dân sẽ không dung túng nó sau khi các cuộc thương thuyết đã thất bại và chiến tranh tàn khốc lan tràn khắp mọi nơi.

(Còn tiếp)



★ RÂU QUÁP

Béo : (tới nhà Phê kế lễ). Này anh tỉnh, trời đột nhiên đổ mưa, tôi chưa kịp mang quần áo của vợ tôi vào, thế mà nó đã văng ra một ló danh từ không còn chỗ đứng.

Phê : (sắn tay áo, ra vẻ oai hùng) Anh râu quáp thế chứ, nếu gặp tay tôi thì phải biết... cứ gọi là... Vợ con gì mà láo khoét thế?

Vợ Phê : (đột nhiên ở trong nhà bước ra)... Nếu gặp tay anh thì anh đã lậm gì nào ???

Phê : (hoảng hốt) Á... à nếu gặp tay tôi thì tôi đã... đem vào hồi trời chưa mưa rồi...

★ DANH NGÔN

Tôi càng biết rõ loài người bao nhiêu, tôi càng thương - mến loài chó bấy nhiêu.

BISMARCK

(Cựu Thủ tướng Đức hồi Thế chiến đệ nhất)



18. - PHẠM QUỲNH

★ NGUYỄN-VỸ

Tôi không nhớ đúng là năm nào, nhưng trong thời gian chúng tôi còn là sinh-viên Trung - học và Đại-học, một hôm nghe tin các vị giáo sư loan truyền cho biết là chiều hôm thứ Bảy ấy ông Phạm-Quỳnh sẽ diễn - thuyết tại giảng-đường của Trường Cao-đẳng, là chúng tôi nô-nức đợi đến chiều ấy để đi nghe.

Ông chủ-nhiệm tạp-chí NAM-PHONG sẽ diễn - thuyết bằng tiếng Pháp, về một đề-tài rất hấp-dẫn :

Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire.

(Người dân-quê Bắc-Việt, xét qua ca-dao bình-dân).

Kề ra, chúng tôi đọc tạp-chí Nam-Phong đã lâu lắm rồi. Riêng về tôi, tôi đã được đọc nó, thỉnh

thoảng một đôi quyền của Thầy tôi mượn ở đâu về, vì thời bấy giờ tạp-chí Nam-Phong ít có bán ở các tiệm sách. Hầu hết độc-giả Nam-Phong là những quan-lại, hoặc một số trí-thức «thượng-lưu» và «trung-lưu» mua năm. Khuynh-hướng chính-trị gác hẳn ra một bên, chỉ đứng về phương-diện văn học mà thôi thì chúng tôi, tất cả thanh-niên trí thức lúc bấy giờ, đều phục cái tài cao học rộng của ông Phạm-Quỳnh.

Chữ Pháp, ông viết rất là trôi chảy, với một lối hành-văn rất bóng-bẩy văn-hoa, vừa giản-dị, khúc-chiết, vừa dồi-dào ý-tưởng.

Viết-văn của ông cũng thế. Câu văn rất được săn-sóc, điều-luyện theo như hành-văn Pháp, rất thận-trọng trong việc dùng chữ và chấm câu, không thừa không thiếu. Ông đưa-đầy ngòi bút đi đều-dàng, chững-chạc, không giãy-dưa rườm-rà, hoặc nặng-nề theo kiểu một số Nhà Nho, như Ông Cử Dương-bá-Trạc hay ông Lê-Dư, cũng không cứng-rắn và đôi khi hơi thô-sơ, quá giản-dị, như cú - pháp của ông Nguyễn-văn-Vĩnh.

Văn của Phạm - Quỳnh là lối

văn quý-phái, «lối văn hàn-lâm viện» như người Pháp nói.

Không thể nào không nhìn nhận rằng thời bấy giờ, ai đọc văn của Phạm Quỳnh cũng đều phải phục văn-tài của ông.

Nhất là tụi thanh niên chúng tôi. Thỉnh-thoảng chúng tôi cuộc bộ trên vỉa hè phố hàng Da, thấy ông Phạm-Quỳnh ngồi chễm-chệ trên chiếc xe - kéo nhà sơn màu gạch bóng - loáng, từ trong cổng nhà ông đi ra, hoặc đi đâu về.

Đi xe-kéo nhà như thế, là sang nhất lúc bấy giờ. Ông mặc đồ Việt, — không bao giờ Phạm-Quỳnh mặc âu phục, — chân luôn luôn mang giày *escarpin* đen, (một kiểu giày của những người trưởng-già thời ấy) đầu chít khăn đóng, mắt đeo kính trắng. Vì điệu-bộ quý-phái ra vẻ bề-vệ của ông mà đám thanh niên trí - thức chế-nhạo ông, đặt cho ông cái biệt-hiệu là «kính trắng tiên sinh». Tiếng Bắc *kính*, tức là *kiến* trong tiếng Nam.

Phạm-Quỳnh rất là tự-cao tự-đắc. Tôi có thể nói rằng ông là nhà văn sĩ kiêu ngạo nhất thời

Tiền chiến, nhưng bề ngoài ông lại làm ra vẻ rất khiêm tốn, — cái khiêm tốn giả dối, tính toán, của những người thiếu thành thật tự nhiên, của những kẻ dùng nó làm mảnh lời khôn khéo để tự tăng cao địa vị của mình, và càng tăng thêm tính kiêu hãnh của mình.

Kể chép bài hồi ký này đã có dịp ngồi nói chuyện trong nửa giờ đồng hồ với ông Phạm-Quỳnh, tại nơi bàn giấy của ông ở Huế, lúc ông làm Thượng-Thư bộ Học. Cái làm cho nó chú ý nhất trên gương mặt của nhà văn sĩ quan liêu, là cặp mắt của ông. Nó nhận thấy dưới đôi kính trắng gọng vàng kia một cặp mắt rất là ranh mãnh, quỷ quái. Tất cả cá-tính của ông Phạm-Quỳnh đều ánh ngời trong cặp mắt tinh ranh xảo quyệt ấy. Ông tự xưng ông là nhà học giả, — chính ông tự gán cho ông cái danh-hiệu là **Clerc**, — tuy ông vẫn có nụ cười và giọng nói khiêm tốn, nhưng cái vẻ khiêm tốn giả tạo không sao che lấp được tư cách chân chính của ông, là tư cách của một kẻ giả dối, và rất kiêu căng, muốn mượn cái phong độ của người "quần tử" theo "triết học Không-giáo". (1)



ÔM chiều thứ
B a y. ô n g
Phạm - Quỳnh
diễn thuyết:
bằng tiếng:
P h á p. t a i
giảng - đường:

trường Cao-dẳng Đông-Dương ở Hà-nội, đường Bobillot, sinh-viên đến nghe rất đông. Ở từng dưới, là các dãy ghế danh-dự, có ông Thống-Sứ Bắc-Kỳ chủ-tọa, với tất cả các nhân-vật quan-trọng Pháp-Việt ở Hà-nội, đa số là Tây và Đăm. Còn chúng tôi là sinh-viên thì chen nhau đứng chật bao-lon từng trên, — theo tiếng thông-dụng trong các rạp hát lúc bấy giờ gọi là trên « chuồng gà » — pou-laiiller. Tôi đứng với một đám Nam-sinh và Nữ-sinh trường Thuộc và Sư-phạm, phía bên trái. Có một cô bạn cứ ho hoài, làm chúng tôi rất bức mình.

Sau lời giới-thiệu của ông Giám-đốc Học-Chánh Bắc-Kỳ, ông Phạm-Quỳnh ở phía sau giảng-đường ung-dung bước ra diễn-dàn. Ông rất bình-tĩnh, thong thả, bệ-vệ.

(1) « *L'Idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne* ».

Lúc bấy giờ không có Micro, nhưng Phạm-Quỳnh cất tiếng nói rõ-ràng, chững-chạc, êm-ái. Chúng tôi ở trên « chuồng gà » nghe rất rõ. Đứng nói xong mấy lời cảm-ơn các quan-khách, rồi ông thong-thả ngồi xuống ghế, trước chiếc bàn gỗ gụ lớn, trải tấm khăn nhung xanh màu da trời.

Ông dùng-dinh gờ cặp kiển trắng gọng bạc để xuống bàn, lấy cặp kiển trắng khác, gọng vàng, đeo vào, và rút trong túi áo ra một xấp giấy đánh máy.

Rồi ông cất tiếng nói. Ông không chúm mũi xuống giấy như nhiều nhà diễn-giả khác đọc như đọc bài văn-tế. Ông cũng không nói lung-tung lộn-xộn như một số diễn-giả khác không theo một dự-thảo hoạch-định trước. Ông đã viết sẵn bài thuyết-trình, rồi theo đó mà nói, thỉnh-thoảng mới ngó vào giấy, nói rất tự-nhiên, rất lưu-loát, văn-hoa. Chúng tôi đứng trên « chuồng gà » im phăng-phắc, nghe mê. Trừ cô bạn cứ ho sù-sù, làm át cả tiếng nói của diễn-giả. Tất cả đều phục ông Phạm-Quỳnh có tài hùng-biến, hoạt-bát, duyên-dáng, mà vẫn nghiêm-nghị. Lần đầu tiên chúng tôi được nghe một người

Việt-Nam diễn-thuyết trước công-chúng trí-thức Việt Pháp trên 500 người, bằng tiếng Pháp lưu-loát và hấp-dẫn như thế. Hôm ấy, ông Phạm-Quỳnh đã gây được lòng khâm-phục hoàn-toàn của toàn-thể thỉnh-giả Pháp và Việt.

Tôi ra về thoả-mãn. Từ đó về sau, cũng như hầu hết các bạn trẻ sinh-viên, tôi đã đọc tất cả các sách của Phạm-Quỳnh xuất bản. Tác-phẩm của ông đều là những bài ông đã viết đăng trong **Nam-Phong**, và gom-góp in ra thành sách. Dù nghèo túng đến đâu, chúng tôi cũng ráng để giành tiền mua sách của Phạm-Quỳnh. Chúng tôi đã học hỏi được rất nhiều trong các sách của ông. Chúng tôi cũng chịu ảnh-hưởng rất nhiều trong lối hành-văn và cách diễn-đạt tư-tưởng của bậc Văn-sĩ tài-hoa ấy.

Bởi sách học trong nhà trường không dạy cho chúng tôi hiểu biết thêm mấy tý về các môn học-thuật cao-siêu của Đông-Tây, nên chúng tôi đã noi theo gương của ông Phạm-Quỳnh mà tìm cách tự-học thêm với các sách cổ-kim Âu-Á. Nhận thấy ông Phạm-Quỳnh đã trở nên nhà học-giả hiểu rộng biết nhiều, tư-tưởng và học-thuậ

uyên-thâm, nên bọn trẻ sinh-viên của thế-hệ chúng tôi đã say-mê Văn-hóa, và theo vết chân của bậc tiền-bối mà lo tự-học, để làm giàu cho trí óc.

Về phương-diện học-thuật và Văn-hóa, chúng tôi đều biết ơn ông Phạm-Quỳnh, cũng như ông Nguyễn-văn-Vĩnh vậy.

NĂM 1937, có dịp đi Huế, kẻ tiện-sĩ này có đến thăm ông Phạm - Quỳnh, Thượng-Thư bộ Quốc-Gia Giáo-Dục. Nói đến yết-kiến ông, nhưng sự-thực là có mục-dịch hỏi ông tại sao ông lại sửa đổi chương-trình giáo-dục ở các lớp sơ-học, làm đình-trệ bước tiến của thế-hệ thiếu-niên mới.

Tôi đi lang thang vô thành Nội, tìm đến cửa Hòa-Bình. Tôi ái-ngại bước vô cửa, và gặp một người lính lệ, liền đưa danh-thiếp. Chỉ e ông Thượng-Thư kiêu-hãnh không tiếp mình.

Nhưng ông cho mời vào. Ông mặc áo xa-tanh đen, đeo thẻ ngà tròn-ten trên ngực, chân vẫn mang đôi giày Escarpin đen, mắt vẫn đeo

đôi kính trắng gọng vàng. Và ông vẫn nói tiếng Pháp.

Nghe ông thuyết một hồi lâu, tôi có cảm tưởng rằng vị Học giả nay làm Đại Thần bên cạnh nhà Vua, hình như không muốn cho thanh niên Việt-Nam học giỏi như ông. Ông công kích những người học giỏi, du học ở ngoại quốc về, như Nguyễn - mạnh - Tường, Lê-văn-Kim. Ông muốn có một nền "quốc học" thu hẹp trong phạm-vi "An-nam" mà thôi. Ông muốn đem cái học Tống-Nho, với mớ đạo-lý Khổng-tử, Mạnh-tử, mà áp dụng theo môn học thuật đời nhà Tống, để đào tạo một lớp Tống-Nho Việt-Nam, dung hòa với một ít học thuyết Descartes... Ông muốn kéo thanh niên trí-thức Việt-Nam dật lùi lại vài ba thế-kỷ, không cần tiến lên theo trào-lưu văn hóa Âu-Châu.

Tôi hoàn toàn không đồng ý với ông về chủ trương phản tiến bộ ấy.

TU Y vậy, khi tôi nghe Phạm-Quỳnh bị Việt-Minh giết ở Huế một cách rất thảm hại, tôi thật bùi ngùi cho số

phận của con người tài ba lỗi-lạc. Tôi quen nhiều với người rề của ông là Tôn-thất-Bình, chủ bút báo **La Patrie Annamite** và Giáo-sư trường Thăng-Long, tôi quen biết con trai của ông là Phạm-Bích, cử nhân Luật. Hai người này đáng mến, mặc dầu không biết tý gì về Văn học cả, nhưng người con trai khác của ông là Phạm-Giao thì chỉ là một tay ăn chơi, không được tích sự gì.

Phạm-Quỳnh chính là đúng vào câu châm ngôn "Cha làm thầy mà

con bán sách ».

Nếu Phạm - Quỳnh đừng xen vào chính-trị, đừng hãnh diện làm kẻ tới tở đáng khinh bỉ của chánh sách thuộc-địa Pháp, nếu Phạm-Quỳnh đem hết trí thông-minh lớn lao và tài văn nghệ rất hoạt bát của ông để phụng sự hoàn toàn cho Văn-Học Việt-Nam-thì chắc là ông đã để lại một sự nghiệp Văn-hóa vĩ-dại vô kể, và thanh danh của ông đâu còn bị một vết nhơ ! Thật đáng tiếc thay!

N.V.

* CÓ ĐỦ CẢ...

Tại phòng lập tờ khai lý lịch, ông Trưởng phòng chăm chú hỏi một đương sự tới khai :

— Mục này anh thế nào ?

— Dạ ?

— Đã có vợ ? Độc thân hay ở góa ? Đã ly dị lần nào ? Hoặc ly thân ?

— Dạ... thưa có đủ cả ạ !!!

* CHUYỆN CON TRÈ

Giờ Địa Lý ở một lớp Nhất Tiều học

Thầy = Em hãy kể một giống vật có vú.

Trò = (nhánh nhện) Thưa thầy, con chim ạ !

Thầy = Ai bảo em thế ?

Trò = Thưa thầy, con thấy ở các hiệu đại lý sữa trước nhà con ở treo tấm bảng đề : Sữa con chim giá 13 đồng một hộp.

Đêm hát Bội đầu năm



★ THANH-PHƯƠNG



UAN Tổng-Đốc Thanh-Hóa, Vương-Duy-Trinh, một nhà Nho nổi tiếng của miền Trung về cái trị đất Thanh-Mộc đã được 3 năm rồi. Ngài rất thanh liêm, trọng người đọc sách. Ân-từ, Ngài xét rất nhanh và minh mẫn. Cái thú tiêu khiển của Quan Tổng-Đốc là đánh cờ, đọc sách và nghe Hát Bội. Đó là cái thú của Nhà Nho.

Hồi còn ở Kinh, Đức Đồng-Khánh cũng thích xem Hát Bội. Trong cung Nội vẫn có một đám Hát Quảng hàng tháng vẫn phải hát chầu Ngài Ngự. Lần nào trong Nội có hát Bội là Cụ Nghè Vương-Duy-Trinh có mặt để soạn

lại những vở tuồng, khảo trước lối hát của Đào Kép miền Nam-Ngãi, Bình, Phú.

Đào kép hát Bội được tuyển vào Cung Nội là những đào kép trứ danh của đất Quảng Nam, Quảng Ngãi đã từng nổi tiếng một thời. Từ câu hát, từ điệu bộ đều phải duyệt lại trước khi hát Chầu Đức Vua ngự lãm.

Đào kép phải luyện tập làm sao mà lột được hẳn cái tinh thần, cái phong độ của từng vai. Quan Nghè Vương-Duy-Trinh mê xem hát Bội lắm ! Ngài mà duyệt lại phường hát thì thật là cẩn thận.

Đã 3 năm được lệnh chỉ ra trấn thủ Thanh Mộc ấp, nơi quê hương của Đức Thế Tổ Cao Hoàng Nhà Nguyễn, hể đến buổi đầu Xuân là Cụ Nghè Vương

ĐÊM HÁT BỘI ĐẦU NĂM

cho gọi phường hát Bội đến hát.

Đất Thanh không có những đào kép chuyên luyện về nghề hát Bội, mặc dầu ông Tò hát Bội Trị, Thiên, Nam là Ngài Hộ Quốc-Cống Đào Duy Từ người Nông-Cống Thanh-Hóa. Những đào kép hát Bội vẫn hát ở Thanh là đào kép từ trong Bình, Trị, Thiên ra hát cả.

Năm nay, quan Tổng Đốc Vương-Duy-Trinh định cho gọi một phường Hát Quảng để ngày mồng một Tết hát tích Huê Dung Tiều Lộ.

Cứ theo lời trình của Quan Ca thời cả đoàn hát không có kép nào đóng nổi vai Quan-Vân-Trường. Quan Tổng Đốc Vương Duy Trinh đã cho hát thử thì quả là thiếu một kép đóng vai Quan-Vân-Trường cho xứng đáng với danh hiệu Trung Liệt Hầu của vị Võ Tướng mặt đỏ, râu dài thời Tam-Quốc phân tranh.

Quan Tổng Đốc Vương Duy Trinh căn vặn hỏi ông Quản Ca :

— Thầy không tìm đâu ra người kép đóng Quan Hầu à !

Viên Quản Ca lắc đầu bẩm :

— Bầm lạy Cụ Lớn khó lắm ! người kép đóng nổi vai Quan Võ là một kép kỳ tài hiện trong Nội

có Hai Tính đóng nổi và còn một người nữa đóng ngang với Hai Tính thì không sao mà gọi nổi !

Quan Tổng Đốc Vương Duy Trinh ngạc nhiên hỏi :

— Vì sao lại không gọi nổi người kép đóng vai Quan Hầu. Ta đã bảo cho Thầy rõ là trừ kép Hai Tính hát trong nội còn kép nào đóng nổi vai Quan Võ, ở đâu ta cũng tìm ra được.

Viên Quản Ca vẫn lắc đầu thất vọng :

— Dạ Bầm Lạy Cụ Lớn ! người kép này hiện ở trong tay Cụ Lớn nhưng khó mà ra đóng nổi.

Quan Tổng Đốc Vương-Duy-Trinh ngạc nhiên hỏi :

— Ai ? Ở đâu ? Sao lại ở trong tay ta ?

Viên Quản-Ca bẩm :

— Dạ kép Lê-văn-Lạc hiện đang bị giam bên Lao. Hẳn can tội ngộ sát.

Quan Tổng-Đốc Vương-Duy-Trinh giật mình :

— Té ra tên Lê-văn-Lạc là một kép hát trứ danh. Hẳn can tội ngộ sát tên Cao-văn-Bình ở Đông-Tác phải không ?

— Dạ bầm phải ! Ngoài kép

Tư Lạc ra, không kếp nào đóng nổi vai Quan-Hầu. Tiếc rằng, Tư Lạc hiện đang bị giam bên Lao !

Quan Tổng-Đốc Vương-Duy-Trinh ngồi thần người ra nghĩ. Quả là khó thật. Một trọng tội đại hình thì làm sao đem ra cho nổi. Vui một chốc, thú một lát chẳng may có kẻ nào tâu hót vào Nội thì còn gì là chức Tổng-Đốc nữa. Tội khi quân, mạn thần cứ chiếu theo luật Gia-Long thì lột da, nhồi trấu. Tri pháp phải úy pháp. Quan Tổng-Đốc chẳng nhẽ lại xuân động cho được. Ngài ngồi nghĩ một lát rồi truyền cho viên Quản-Ca lui gót.

Quan Tổng-Đốc Vương-Duy-Trinh cho gọi Thầy Đội Lê-văn-Thiên vừa đến. Quan Tổng-Đốc truyền cho thầy sang bên Quan Án-Sát lấy hồ sơ của Lê-văn-Lạc can tội ngộ sát Cao-văn-Bình và mời luôn Quan Án-Sát sang dinh Cụ Thượng.

Thầy Đội Thiên bái tạ lui ra. Một lát sau, Cụ Án-Sát Hồ-đắc-Phượng sang với tập hồ sơ của Lê-văn-Lạc. Quan Tổng-Đốc Vương-Duy-Trinh mời Quan Án-Sát Hồ-đắc-Phượng ngồi và Ngài

hỏi đến vụ án Lê-văn-Lạc ngộ sát. Hỏi xong án tiết, Cụ Thượng Vương đem ý kiến định tổ chức buổi hát Bội đầu năm với tích : « Huê Dung Tiều Lộ » nhưng thiếu người kếp đóng vai Quan Hầu cho xứng đáng nói-với quan Án-xét trong đám danh ca chỉ có trọng tội Lê-văn-Lạc có tài đảm nhiệm vai Quan Hầu mà thôi. Cụ Án Hồ-đắc-Phượng cũng là người Nho Học lại là giòng giới danh gia, đệ tử. Ngài cũng thích cái thú Hát Bội nên khi nghe Cụ Thượng nói đến buổi diễn tuồng « Huê-Dung Tiều-Lộ » trong buổi đầu xuân, Cụ Án Hồ-đắc-Phượng cũng thấy khoái thích :

— Bẩm Cụ Lớn cho đòi tên Lạc ra đóng !

Cụ Thượng Vương lắc đầu :

— Quan Lớn với tôi thì xong rồi nhưng còn người khác. Nhớ họ đem chuyện kếp Lạc tâu vô kinh tránh sao khỏi tội khi quân.

Cụ Án Hồ nghe Cụ Thượng Vương nói chí lý cũng dậm ngần ngại. Hai vị Quan đầu tỉnh lặng yên suy nghĩ. Bỗng Cụ Án Hồ tươi nét mặt trình :

— Bẩm Cụ Lớn, bây giờ chỉ có một kẻ này là vẹn toàn nhất. Dạ bẩm, Cụ Lớn sang mời Cụ

Sứ đến xem hát, rồi Cụ Lớn nói với Cụ Sứ đề bên Tòa cho lệnh đem Lê-văn-Lạc ra đóng tuồng. Có xảy ra điều gì đã có bên Tòa dựng đỡ.

Cụ Thượng Vương vui vẻ cho là thượng sách. Cụ truyền đánh xe Song Mã cho Cụ sang bên Tòa Sứ.

Công Sứ Thanh Hóa hồi bấy giờ là Jean d'Arfeuille, một viên Quan Cai Trị lịch duyệt niềm nở tiếp đón Cụ Thượng Vương. Công Sứ d'Arfeuille vui vẻ nhận lời mời dự khán buổi hát bội đầu Xuân do Ba Quan-Lớn Tỉnh Thanh tổ chức.

Jean d'Arfeuille bằng lòng, thảo công văn xin bên Tỉnh cho tội nhân Lê-văn-Lạc ra đóng tuồng trong 3 buổi hát từ ngày mồng Một đến ngày mồng Ba tháng giêng.

Nắm được công văn bên Tòa Sứ, Cụ Thượng Vương truyền lệnh sang bên Lao gọi Lê-văn-Lạc sang Tỉnh đợi lệnh.

Cụ Thượng Vương đã biết rõ tục lệ hát Bội. Kếp chính đóng vai Quan-Vân-Trường, một vai khó, một viên Trống Trung Nghĩa đã được phong Thần phải

ăn chay, hàng ngày phải cúng vái.

Từ bên Lao-Xá, Lê-văn-Lạc tường được gọi là Kếp Tư Lạc theo Thầy Đội Thiên về bên dinh Cụ Thượng.

Cụ Thượng Vương giao Lạc cho Thầy Đội Thiên lo canh giữ và nuôi nấng trong mấy Ngày Tết. Được sang bên Tỉnh từ ngày 24 tháng Chạp. Kếp Tư-Lạc suốt ngày sửa soạn từng bộ râu, áo giáp, đôi hia trong vai Quan-Vân-Trường.

Kếp Tư-Lạc cũng muốn nhân dịp đầu Xuân có 3 quan lớn đầu Tỉnh và Quan Sứ bảo hộ dự khán anh ta trở tài đề cầu mong các Quan trên ngó xuống cho anh được ân giảm một phần nào chăng ?

Một ngày 2 buổi anh thấp nhang khấn vái Quan Hầu Trung Liệt Vân-Trường. Trời tháng Chạp, rét như cắt ruột, mưa phùn lấm tẩm, gió heo rít lên từng cơn não nuột. Thế mà, không ngày nào là kếp Tư Lạc không tắm bằng nước Ngũ Vị Hương. Kếp Lạc ăn chay, thành kính cầu khấn xin Quan Hầu về chứng giám cho anh diễn được xuất thần.

Hồi chưa bị tai nạn, kếp Tư

Lạc nổi tiếng khắp miền Nam, Ngải, Bình, Phú về vai Quan Hậu của anh. Từ cái đá giáp, đến cái quốc mất, dặm Thanh Long, Đạo, kếp Tư Lạc đã lột đúng tinh thần, phong độ của vị Vô Tướng Trung Liệt đời Hán Mạt. Từ Quảng-Nam, kếp Tư Lạc được cậu Viên-Quảng ở Thanh Hóa vào đón ra hát ở rạp Công Hậu. Mỗi lần, kếp Tư Lạc đóng Quan Vân Trường quả quan trảm Tướng, Giang Đông Phò Hội hay Huê Dung Lộ là rạp đông nghịt. Nhiều người yếu bóng vía thất đảm lúc Quan Hậu xuống tay áo che mặt sau khi vàng vừa dứt pháo vừa nổ.

Từ mấy ngày nay, kếp Tư Lạc luyện lại từng điệu bộ, từng bước đi. Kếp Tư Lạc cầu khẩn Quan Hậu, Ngải ứng xuất thần cho kếp Tư Lạc, người Nghệ sĩ tài hoa ấy ụp xuất mình mẫn.

Tối 30 Tết, Cụ Thượng Vương cho đòi Từ Lạc lên. Ngải ban cho Tư Lạc một chén mai-quế-lộ ngọt lịm. Cụ Thượng Vương còn căn dặn, khuyến-khích kếp Tư Lạc :

— Người cố gắng diễn cho Cụ Sứ hài lòng. Ta sẽ xét cho người về vụ án ngộ sát.

Kếp Tư Lạc mừng rỡ, cảm động. Anh ta chỉ biết « dạ » để

đáp lại lời khuyến khích của vị Đại Quan.

Rạp hát được dựng lên ngay trong dinh Cụ Thượng. Khắp các nơi trắng đèn, kết hoa. Đoàn hát của Cậu Viên-Quảng được gọi đến diễn. Đó là một điều hân hạnh nhứt cho đoàn hát.

Sáng mồng một Tết, các Quan trong Tỉnh đều bận Đại Lễ sang Hoàng Cung bái vọng rồi lên xe Tứ Mã, xe Song Mã sang bên Tòa Sứ chúc Tết Quan Công Sứ.

Những tràng pháo Điện-Quang nổ ròn. Xác pháo tung toé khắp nơi. Mùi thuốc pháo thơm phức hòa lẫn với hơi sương buổi đầu Xuân. Những cánh đào nặng trĩu những cánh hoa đẹp chen bên những cành lá xanh tươi. Những chậu Quất quả đỏ ối bên cạnh những bát hoa Thủy Tiên trắng toát điểm mớ nụ vàng nở một hơi thơm thoang thoảng.

Xuân đến trong buổi thanh bình ân ca, dân gian nô nức đón Xuân. Những cành nêu rung rinh điệu nhạc trong gió Xuân đầm ấm. Những đôi câu đối đỏ làm tăng thêm vẻ đẹp của mùa Xuân. Từng đám người quây quần xung quanh chiếu bạc. Đàn trẻ nhỏ tung tăng chạy nhảy trong bộ quần áo mới lừng xềng tiền mừng tuổi.

Rạp hát dựng trong dinh Cụ

Thượng trang hoàng bằng những lá cây dừa uốn thành những hình mặt nguyệt, lưỡng long điểm những cành hoa cúc vạn thọ, những đóa hồng nhung đẹp. Từng hàng ghế san sát bên nhau. Trên hàng ghế đầu có 4 chiếc ghế dựa bằng gỗ gụ khảm sà cừ. Một chiếc trống đại đặt ở giữa.

7 giờ tối, các Quan đã đến đông đủ. Ban nhạc lính khố xanh đã tề tựu sẵn sàng để đón Cụ Sứ và Phu nhân sang dự khán. Cụ Thượng Vương uy nghi bận chiếc áo gấm xanh, đeo chiếc thẻ ngà, chữ đỏ : « *Tổng - Đốc đường - quan* ». Cảnh Quan Tổng - Đốc họ Vương là Quan Bổ Chánh Hà văn Đại, Quan Án-Sát Hồ-đắc-Phượng.

Tiếng còi báo hiệu Cụ Sứ đến. Chiếc xe Tứ Mã lấn bánh trên đường rải đá sỏi. Ban Nhạc đội lính Khố Xanh nổi lên điệu kèn oai hùng. Ba Quan đầu Tỉnh tiến ra đón Quan Công Sứ và phu nhân.

Các Quan an tọa. Tiếng trống châu điểm 3 hồi. Từ trong buồng tiếng trống, tiếng kèn, tiếng thanh ba nổi lên âm ỉ.

Đúng 8 giờ tối mở màn. Màn đầu là màn « Tam-Đa Chúc Thọ ».

Sau màn Tam-Đa chúc Thọ đến tấn tuồng Huê-Dung Tiên-Lộ.

Tuồng diễn từ hội Gia-Cát cầu Phong, Chu-Đu Phóng Hỏa. Tào Tháo thua trận Xích-Bích, 80 vạn quân Tào bị đốt, giết không còn manh giáp. Khổng-Minh Gia-cát-Lượng triệu tập các Tướng lại để phân công chặn đường rút lui của Quân Tào.

Quan của các Tướng nhà Hán kéo về chờ lệnh của Quan Sứ Gia-cát-Lượng. Đầu tiên là quân của Trương-Dực-Đức. Thứ đến Triệu Tử Long. Sau đến Quan-vân - Trương. Màn Quan-vân - Trương là màn hay nhứt. Cụ Thượng Vương cầm châu. Đào kếp đua nhau hát. Đối với Cụ Thượng - Vương một nhà Nho uyên thâm đã từng được nhà Vua cử duyệt tuồng trong Cung nội nên các đào kếp phải vô cùng thận trọng từ điệu bộ đến câu hát phải cho đúng. Hát sja là bị phạt trống tang. Hát hay được khen trống giữa. Thời thường đánh trống châu hát Bội không bao giờ đánh vào tang trống trừ phi muốn ngừng lớp hát để vận hồi thì người cầm châu đánh vào tang mấy tiếng « cắc cắc ». Đánh tang trống chỉ có các Quan mới được dùng để hạch hỏi

đào kép hát sai, hát sja quá đáng. Còn hát không hay, người cầm châu đánh trống tang nghĩa là đánh lên địa mặt trống nửa tiếng tùng, nửa tiếng cắc.

Nhiều đào kép hát hay được Quan Tổng Đốc thưởng trống. Các Quan từ Cụ Bộ Chánh Hà-Văn-Đại, đến Cụ Án sát Hồ-đắc-Phượng, quan Huyện Đông-Sơn phủ Hoảng Hóa, mấy quan Kinh Lịch, Thông Phán, Hậu Bô đều trông chờ cho mau đến lớp Quan Văn Trường hồi Trào nhân linh.

Từ trong buồng trò, kép Tư Lạc điềm xong mấy nét ria mắt, vẽ đôi lông mày cho 2 con mắt thêm lớn. Bộ mặt đỏ có đậm ở cổ miêng khăn xanh, đầu chích khăn xanh thành ra mặt phềnh trông thật đúng là một vị Võ Tướng vai năm tấc rộng, thân 10 thước cao.

Tiếng trống dồn dập điềm, tiếng kèn tấu nổi lên. Cụ Thượng Vương biết trước là vai Quan-Văn-Trường sắp ra. Cụ giang tay nện 5 tiếng trống hùng dũng. Cả rạp im lặng, không nghe một tiếng động. Từ bên trong cánh gà, Tư Lạc quay đầu lại vái bàn thờ tổ, sắc lại mảnh

áo giáp, sửa soạn điệu bộ nghiêm chỉnh. Viên Quân Ca đốt vàng. Tiếng pháo nổ ròn tan. Từ bên trong, kép Tư Lạc nghiêm chỉnh bước ra theo đúng nhịp trống. Chiếc tay áo thụng che trước mặt. Quan-Văn-Trường nhịp bước đều. Tiếng trống đệm rập đúng từng bước đi.

Mọi người như nín thở. Quan Văn Trường vừa xoay mình đá ngọn giáp tung lên thì một phía Châu Xương mang thanh long đao, một phía Quan Bình mang ấn Nguyên Nhung tiến ra cũng theo nhịp trống.

Bỗng một tiếng hét vang trời, lộ đất, kép Tư Lạc trụ bộ tung mảnh giáp sang bên, tay vuốt ngược tròn râu xanh tốt, mắt trợn trừng oai nghiêm.

Thật là một phút xuất thần tưởng như Trung liệt Hầu Quan Võ hiện về thật. Cụ Thượng Vương-Duy-Trinh, Công Sứ d'Arfeuille, Cụ Bộ Chánh Hà-Văn-Đại, Cụ Án Sát Hồ-Đắc-Phượng, các quan Phủ Huyện đều giật mình thất thần đứng bật dậy như đề cung kính đón rước vị Võ Tướng Trung Liệt Hầu nhà Hán Mạt.

Cụ Thượng Vương-Duy-Trinh

đánh rơi roi châu hồi nào mà Cụ không hay nữa.

Lúc ấy, kép Tư Lạc mới quay mình tung giáp, ghì cương còn xích thỏ với một diện bộ uy nghi, diễn xuất thật tài tình. Kép Tư Lạc bắt đầu hát. Tiếng hát sang sảng oai nghiêm. Cụ Thượng Vương và các Quan mới ngồi xuống chăm chú theo rồi kép Tư Lạc hát.

Kép Tư Lạc đã lột hết tình thần vị Võ Tướng anh dũng đời Hán Mạt. Từ lớp xin đi trấn Huê Dung Lộ rồi làm đoan trạng với Thừa Tướng Gia-Cát-Lượng đến lớp tha Tào-Tháo để về triều chịu trói tự nạp mạng, kép Tư Lạc đã diễn xuất thần tình đến nỗi Cụ Thượng Vương và Cụ Án-Sát Hồ-đắc-Phượng phải cho là Việt-Nam vô nhị.

Ba Quan đầu tỉnh Thanh-Hóa đều là những bậc túc nho, xuất thân là những vị Đại Khoa đã từng dự khán nhiều buổi Hát Bội trong Cung Nội phải cho rằng kép Hai Tính, một kép hữu danh trong ban hát Kinh-Đô còn kém xa kép Tư Lạc đóng Quan Vũ.

Viên Công Sứ d'Arfeuille là người ngoại quốc khi được viên

Thông Ngôn giảng giải từng cử chỉ, điệu bộ của Tư Lạc cũng phải cho là hay, là đẹp.

Tan đêm hát, Cụ Thượng Vương và quan Án-Sát Hồ-đắc-Phượng thưởng cho kép Tư Lạc 3\$00. Đó là món tiền thưởng to nhất từ trước đến nay. Cả Ban Hát cũng chỉ thuê có 2\$00 mà riêng kép Tư Lạc được thưởng những 3\$00.

Sau 3 đêm hát trong dinh Quan Tổng Đốc Thanh-Hóa, kép Tư Lạc lại phải trở về Đề Lao. Nửa tháng sau, có lệnh từ trong Nội đưa ra ân giảm tội cho kép Tư Lạc.

Sáu tháng sau, Cụ Tổng-Đốc Vương-Duy-Trinh được thăng Thượng-Thor Bộ-Lại, Cần Chánh Điện Đại Học-Sĩ tại Kinh-Đô Huế. Quan Thượng-Thor Vương-Duy-Trinh đã tâu với Đức Thành-Thái xin tuyển kép Tư Lạc vào Cung Nội để hát châu.

Nhưng khi chiếu chỉ ban xuống triệu kép Tư Lạc về Kinh thì kép Tư Lạc đã bỏ tỉnh Thanh đi đâu, mất tích.

Đầu mùa

Gió khẽ than van cùng lá biếc
Ngại ngừng chim nép cánh, run run.
Mưa đầy lối nhỏ, lời da diết
Buồn cả trời mây, lạnh cả hồn.

Một mảnh trời xưa chầu nghẹn ngào
Giòng sông tình cảm phút lao đao.
Hồn mê rấm rứt niềm cay đắng
Trời dọa đầy tôi đến xứ sầu.

Còn nhớ hôm nào cây lá xanh
Rèm thưa sương tỏa, khói xây thành
Đôi hồn dệt mộng — đời thơm ngát —
Chắp cánh yêu thương lại xứ tình.

Thở ấy lòng hoa chứa vầng sầu,
Sương chiều đánh đắm ngọc trên châu,
Nắng mơ làm thẹn màu nhung gấm,
Triều đại Thần Tiên : giấc mộng đầu.

Rời mộng đầu theo mây viễn phương ;
Mỗi năm hóa lá rụng ven đường
Mỗi năm mùa cũ về ray rứt
Là một lần nghe tiếng đoạn trường.

Thôi đã về đây mùa lạnh cũ
Tình thơ mờ nhạt bóng thương yêu ;
Gió mưa vội khép trời tương ngộ
Trời hỡi ! Lòng tôi khổ rất nhiều.

THANH NHUNG

Về hai nhân-vật miền Nam dưới thời

VUA TỰ-ĐỨC

★ NGUYỄN-THÀNH-CUNG





S A U khi đã hiểu qua một ít sắc thái của đồng bào Miền Nam qua thi-ca giờ đây, thiết-tưởng cũng nên nói về các danh nhơn trong này. Về danh nhơn, thì miền Nam có đủ cả văn lẫn võ. Chính bên võ tướng, đã có một số giúp Nguyễn-Ánh khôi phục lại ngai vàng. Nhưng tôi chỉ nhắc lại hai vị mà trong Nam, ai ai cũng còn ghi nhớ, là Cụ PHAN - THANH - GIẢN và Cụ ĐỒ - CHIỀU.

Người ta đã viết nhiều về sự nghiệp của Cụ Phan và nhất là việc Ông từ tiết tại Vĩnh - Long ngày 1-8-1867.

Tôi chỉ trích đọc đoạn sau đây trong thư của Trung-tá ANSARY gửi về Saigon đề báo cáo cái chết thê thảm của Cụ Phan :

Vĩnh-Long, ngày 4 tháng 8 1867

Chúng tôi đã trông Ông già kỳ lạ ấy chết đi, mà không khỏi cảm thấy một nỗi buồn tê tái. Ông đã tự vận với một trí sáng suốt dị thường. Ông nhịn ăn luôn 15 ngày để cho thuốc độc dễ ngấm và mau tàn hoại thân thể, Ông

thu xếp mọi công việc một cách thần nhiên, đặt mua hòm, may quần áo tang cho thân nhân và gia nhân, tự định đoạt cả những chi tiết nhỏ nhất về việc cử hành tang lễ, và khuyên bảo con cháu bằng những lời đầy khôn ngoan và nhơn cách. Ông dặn các con nên ở lại với người Pháp, nhưng không được nhận một chức vụ chi của họ hết.

Ngày mùng một tháng tám, vào lúc 11 giờ, Ông uống thuốc độc trước mặt các con và những người sống quanh Ông. Lúc 2 giờ chiều, khi người ta đến báo tin cho chúng tôi, thì đã muộn quá rồi.

Còn một chi tiết nữa, mà ít ai được biết, là Cụ Phan gốc người Trung-Hoa. Ông bà trước kia là người Trung-Hoa, khi nhà Minh mất, phải sang trú ngụ ở nước ta, tại tỉnh Bình-Định. Nhưng khi Tây Sơn dấy nghiệp tại Qui - Nhơn, ông nội Cụ Phan, có vợ người Việt, dắt gia đình trốn vào Nam và lập nghiệp tại Vĩnh-Long, làng Bảo-tri, tổng Bảo-thanh, nay thuộc quận Ba-tri, tỉnh Kiến-Hòa.

Cũng cần nên nhắc là khi xưa

VUA TỰ ĐỨC

ít có người miền NAM ra thi ở Huế mà đỗ được, nhưng Cụ Phan là người NAM đầu tiên được đỗ Tiến sĩ.

Một nhân vật thứ hai mà tôi xin đề cập đến là Cụ Nguyễn-đình-Chiều tục gọi là ông Đồ-Chiều, một nhà thơ ái quốc Miền Nam.

Sanh năm 1822 tại làng Tân Khánh, huyện Bình dương, tỉnh Gia-Định, Cụ lớn lên dưới sự dạy dỗ của thân phụ là Nguyễn-đình-Huy, giữ chân thư ký tại Tòa Tổng trấn Nam-kỳ. Thân phụ của Cụ uốn nắn Cụ từ thuở nhỏ trong lò Nho-giáo, tạo cho cụ một nhân sinh quan hùng mạnh, bất khuất của người quân tử-mẫu người lý tưởng của Nho giáo.

Năm 21 tuổi Cụ đỗ tú tài, và ra Huế để đeo đuổi việc học. Đến năm 1848, thân mẫu Cụ tạ thế, khiến Cụ thôi hẳn việc công danh, và than khóc mãi đến phải mù cả đôi con mắt.

Cụ trở vào Nam mở trường dạy học và có tên Đồ-Chiều từ đó cho đến khi tạ thế (1888).

Là một nhà nho chính thống của thời đại, Cụ Nguyễn-đình-Chiều sống một cuộc đời khổ ải



Phan thanh Giản

và trong một giai đoạn lịch sử vô cùng hỗn loạn mà vẫn trung thành với Khổng-giáo và vẫn giữ được thái độ của người 'quân tử'.

Cái khí phách ấy được biểu lộ rõ ràng trong tác phẩm «Lục Vân Tiên» mà tất cả đồng bào đều

biết và một bài văn tế, ít được biết hơn.

Ấy là bài "Văn tế nghĩa sĩ CẦN-GIUỘC".

Thời ấy, bài này chẳng những chỉ được chạy cùng miền Cần-Giuộc mà còn bay khắp cả các tỉnh trong nước do Bộ Lễ ngoài Huế truyền đi.

Năm 1861, ngày 14 tháng 12 cả ba miền CẦN - GIUỘC, TÂN-AN, GÒ-CÔNG bị Bonard đánh úp. Hai hôm sau, nhơn đêm rằm, nghĩa quân ba xứ này nhứt tề ứng khởi.

Về trận này có 27 dân quân chết.

Ngoài lòng yêu nước thiết tha và mối hận thù sâu sắc đối với người xâm lăng, chúng ta còn phải công nhận bản văn-tế ấy là một áng văn kiệt tác về chữ nôm. Câu văn thường dùng những chữ thông dụng ở Miền Nam, nhưng cũng gây ra một cảm giác vô cùng bi đát, vì đây, chính là những lời thiết tha ở tận đáy lòng.

Sau đây là những đoạn chánh trong bài văn-tế ấy:

VĂN-TẾ VONG - HỒN MỘ NGHĨA

Tự-đức thập-tứ - niên thập-nhứt-ngoạt thập-ngũ-nhứt chi dạ,
Thống-quản Bùi-quang-mỗ xuất
tương nghĩa-binh tưu Cần-giuộc
phá dương - huyện, thiêu đặc
dương-di đạo-đường, đạo-quán,
thích trúng dương - quan Tri-
huyện, tỉnh Chà-và, Ma-ni đẳng,
nghĩa-binh trận-vong cai thập-
ngũ-danh, kỳ Tú-tài Nguyễn-
Đình-Chiêu phụ tế-văn:

Súng giặc đất rền,
Lòng dân trời tỏ.
Mười năm công võ ruộng, xưa ắt
còn danh nổi như phao;
Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là
mất tiếng vang như mõ.

Nhớ linh xưa:
Cui-cút làm ăn,
Riêng lo nghèo-khó.
Chưa quen cung ngựa, đưa tới
trường nhung;
Chỉ biết ruộng trâu, ở theo
làng họ.
Việc cuốc, việc cày, việc bừa,
việc cấy, tay vốn quen làm;
Tập khiên, tập súng, tập mách,
tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong-hạc pháp-phòng hơn
mười tháng, trông tin quan như
trời hạn trông mưa;
Mùi tinh-chiến vấy - vá đã ba
năm, ghét thói mọi như nhà nông
ghét cỏ.

Bữa thấy bông-bong che trắng
lớp, muốn tới ăn gan;
Ngày xem ống khói chạy đen
sì, muốn ra cắn cỏ.
Một mối xa-thơ đố-sợ, há dè ai
chém răn đuôi hươu;
Hai vùng nhứt nguyệt chổi lửa,
đầu dung lũ treo dê bán chó.
Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này
xin ra sức đoạn-kình;
Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi,
chuyển này dốc ra tay bộ-hồ.

Khá thương thay:
Vốn chẳng phải quân cơ quân
vệ, theo dòng ở lĩnh điền-binh;
Chẳng qua là dân ấp dân lân,
mến nghĩa làm quân chiêu-mộ.
Mười tám ban võ-ngệ, nào đợi
tập rèn;
Chín chục trận binh-thor, không
chờ bày-bố.
Ngoài cật có một manh áo vải,
nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi;
Trong tay cầm một ngọn tầm-
vông, chi nài sắm dao tu, nón
gỗ.

Chi học quan Quân giống trống
kỳ, trống giục đập-rào lướt tới,
coi giặc cũng như không;
Nào sợ người Tây bắn đạn nhỏ,
đạn to, xô cửa xông vào, liều

mình như chẳng có.
Kẻ dâm ngang, người chém
ngược, làm cho Mã-tà, Ma-nê
hồn kinh;
Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ
tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

Đau đớn bấy mẹ già trông con
trẻ, ngọn đèn khuya leo-lét trong
lều!
Nào nung thay vợ yếu chạy
tìm chồng, con bóng-xế dật-dờ
trước ngõ!

Ồi!
Một trận khói tan,
Ngàn năm tiết rõ.
Bình tướng nó hãy đóng sông
Bến-nghe, làm cho bốn phía mây
đen;
Ông cha ta còn ở đất Đồng-nai,
ai cứu dựng một phượng con đồ.
Thác mà trả nước non rồi nợ,
danh thơm đồn sáu tỉnh chúng
đều khen;
Thác mà ưng đình miếu đề thờ,
tiếng hay trải muôn đời ai cũng
mộ.

Sống đánh giặc, linh-hồn theo
giúp cơ-binh, muôn kiếp nguyện
được trả thù kia;
Sống thờ vua, thác cũng thờ
vua, lời dụ dạy đã đành rành,
một chữ Ám đủ đền công đó.
Nước mất anh-hùng lau chẳng
ráo, thương vì hai chữ thiên-dân;
Cây hương nghĩa-sĩ thấp thêm
thơm, cảm bởi một câu vương-
thổ.
Ô-Hô! Ai-tại!

ĐƯỜNG LOẠN

* PHƯƠNG ANH



U A vé xong, Thạch đi ngay vào cửa. Bé Minh, em trai nhỏ của Thạch — gọi anh:

— Chờ em đi với! Anh không

mua kẹo cho em à?

Thạch dừng lại, bực dọc:

— Dẫn mày theo phiên phức tao quá. Lần sau thì ở nhà! Mày muốn gì, mua đi! Tiền đây!

Bé Minh mua kẹo xong, Thạch vẫn cau-có với em:

— Lần nào đi xem chiếu bóng với mày thì không khác mang gồng cùm theo. Sao tao ghét mày quá, không biết nữa à!

Bé Minh rơm-rớm nước mắt, lẻo-đẻo theo sau, mặt mày tiu-nghỉu. Thạch cũng không vui gì, tức tối, nói mãi, trút lên đầu em không một chút thương hại:

— Tao hôm nay thật là xui-xẻo, thú vị gì. Biết trước là thế này tao có dẫn mày đi đâu.

Nhớ nhá! Sau này có đôi đi, thì đi với má hay với con Mai. Sao

má với chị ba mày, mày không thích, lại thích đi với tao. Thực là tội cho tao.

Bé Minh mũi lòng, khóc thật, nấc lên. Hai vai bé nhỏ run run:

— Anh hai ghét em, sao không thương em? Không cho em đi cùng thì em về.

Mắt Thạch hơi dịu xuống, truyền lệnh:

— Về đi! Thôi, vào xem!

Thạch nắm tay em kéo vào cửa với đôi chân ngược-ngập của Bé Minh.

Loay-hoay một lúc mới tìm

được ghế cho hai anh em ngồi, Thạch thở phào, ngã lưng dựa ra sau. Lòng vẫn bực dọc những nỗi không đầu. Đèn trong rạp còn sáng, chưa đến giờ chiếu phim. Anh nhìn lên mấy cánh quạt trần đang quay tít. Bỗng có tiếng nói rất trong, nhẹ-nhàng như hơi gió lọt vào tai anh:

— Ông... Anh, xin phép anh cho em bước sang!

Thạch ngồi nhồm dậy, thu chân vào sát ghế. Anh đưa mắt nhìn người thiếu nữ đẹp mặn mà, duyên dáng và rất trẻ lên chân đi ngang, ngồi xuống ghế kê bên. Nàng khẽ liếc Thạch, đoạn ngồi xuống thư-hải, cử chỉ hết sức dịu-dàng. Mỏ «sac» tay, nàng lấy chiếc quạt trần nhỏ, xinh-xắn ra phe-phẩy. Mùi nước hoa «Chanel» làm ngát mũi Thạch. Lòng anh gợn một nét vui nhẹ-nhẹ ở bên trong. Bao nhiêu buồn phiền tiêu tan mất, không biết chúng nó thoát đi bằng ngõ nào nữa.

Đang vui vì ý-nghĩ mới thì cánh tay trái của Thạch gác ở thành ghế vừa bị vật gì đè lên, nóng-nóng và hình như có tiếng đập của một mạch máu nào khác dội lên da thịt anh, qua làn vải. Nhìn sang, chưa nghiêng được nửa mắt, anh đã thấy cánh tay nhỏ-nhắn mềm-mại của người thiếu-nữ ấy. Mắt nàng đắm-dắm

nhìn khung vải trắng như vô tư, không để ý đến hành động đang làm.

Anh thấy ngại-ngùng, tim rung động mạnh. Các thờ thịt nở ra theo hơi nóng chuyển lên mặt. Mạch máu căng đều, nhảy càng ngày càng nhanh, quả trống múa lân. Anh nửa muốn duy-trì cảm giác ấy, nửa muốn rút tay về. Hồi-hộp, bần-khốn quá. Một cơ hội tốt đến, phim bắt đầu chiếu. Là quốc-kỳ tung bay hiện trên khung vải. Tất cả đều dừng dậy nghiêm mình.

Chào cờ xong, anh ngồi xuống, tay gác lại trên thành ghế cũ. Anh đợi chờ... lòng tiếc rẻ những phút chảy bỏng trái tim đã trôi qua. Phải, Thạch tiếc lắm, ước gì hơi hướm ấy lại về thêm. Một phút, hai phút... rồi nhiều phút nữa, chưa có gì cả. Anh thất vọng trong hồi hộp. Mắt luôn nhìn với góc 90 độ ngang về phía trái.

Những tưởng đã hết rồi thì đầu nàng hơi lay động, cánh tay ngập-ngùng, sau cùng tái diễn cảnh vừa qua. Lần này anh suy nghĩ không thôi. Trước mắt anh là những vấn-đề mới lạ nan giải chứ không phải là khung vải, hình ảnh như bao giờ.

Anh tự hỏi mình về thái độ ấy. Người con gái còn trẻ, độ 17 là cùng. Gương mặt nàng

Đúng là một nữ-sinh, còn ngầy thơ, hiện màu trinh bạch, trong sáng như tờ giấy mới. Dáng điệu ra vẻ con nhà quý phái. Ủ! Nàng đẹp thực — đẹp như người đẹp trong tranh, đẹp như một bài thơ diễm tráng tuyệt vời. Đã thế, nào là ngầy thơ, nào là trinh bạch trong trắng, nào là... nhiều, quá, nhất định đúng là nữ sinh rồi sao lại có cử chỉ quá bạo gần sỗ - sàng thế kia? Thạch không trả lời được. Hay mình có số đào hoa? Anh cũng không hiểu nổi. Nàng là hạng người gì nhỉ và thực hay mơ? Khó hiểu! Vấn đề này quá sức tưởng-tượng của anh.

Anh không ngờ những cảnh có thể có trong tiểu - thuyết, trong ciné mà có ở ngoài đời. Anh không nằm mơ. Một sự thật trăm phần trăm đang diễn ra trong hiện tại, trong lúc này đây. Nếu đưa tay anh sẽ sờ mó được kia mà! Thạch mở to mắt lên, mở to lên mãi để kiểm soát, thử mình « mơ » hay tỉnh - táo. Đúng rồi! Biết ăn nói ra sao?

Thạch thở nhẹ nhẹ, không dám nhúc-nhích sợ « người ta » hiểu lầm, sợ « người ta » hay, biết mình đang suy - nghĩ, tính toán.

Hừ! Trăm năm há để có một lần. Cơ hội đến sao mình không biết nắm lấy, nếu qua rồi thì không sao tìm lại được. Lòng tự nhủ lòng, thầm bảo:

— Này! Can - đảm lên! Mạnh

dạn lên! Không được sợ sệt, run rẩy nữa! Cơ đến tay rồi, Thạch! Phất đi!

Thạch sửa-soạn ngồi ngay dậy để tay hết run và « phất cơ », thì nằng khê uốn người, nhìn Thạch đoạn rút tay về. Nàng lấy khăn lau vòng mồ hôi dưới gáy và chậm ở trán. Anh nén một tiếng thở dài:

— Thôi! Hết rồi, mình chậm quá, có còn đâu!

Nhưng rồi anh thở dài liên-miên hai ba cái.

Thạch là một học sinh ở cái tuổi đôi mươi, vừa lớn lên còn nhút - nhát, rụt - rè với tình ái. Thạch có biết mình phải hành động thế nào để « bù đắp » lòng « chiều cổ » của giai-nhân. Anh vẫn thấy còn run, thẹn thùng nóng mặt.

Mấy phút sau, người con gái ấy lại gác tay lên lần thứ ba. Và không biết bao nhiêu lượt nữa, gác lên để xuống như thế, Thạch vẫn ngồi trơ như tượng đá, không dám nhúc - nhích, hé răng. Trong lúc ấy anh gửi hồn tận chốn xa-xăm nào. Thạch lo ngại rằng nếu mình có cử - chỉ khác thường là cô ấy sẽ khinh mình ngay. Vô lý! Người ta là con gái sao họ không sợ? Họ dám làm nghĩa là họ không sợ nữa. Thế mình còn sợ quái gì.

Thạch dự dự mãi cho đến khi... lúc ấy nhìn xuống mặt đồng hồ dạ quang đã 11 giờ 5-phút. Đêm

sâu dần. Phim chiếu sắp hết.

Anh đang chờ mong cái cử-chỉ sau cùng của thiếu nữ ngồi bên. Nàng ngồi thẳng. Mắt chăm chú lên màn ảnh. Thạch thối chí quá. Bây giờ anh « tấn công » bằng cách cho vai mình dựa lên ghế người, lấn qua khỏi « khu phi quân sự ». Thế nào thì thế, mình phải thế mới được. Cương quyết lắm. Bỗng nhiên nàng kéo vai sang, tay gác lên thành ghế cũ, buông thõng sang bên này, chạm vào vẻ Thạch. Anh suýt nhảy dựng lên như bị điện giật. Trán tỉnh lại, anh định nắm tay nàng. Chưa kịp thì hành thì cả người nàng nghiêng qua dựa lên vai Thạch. Anh thấy tối tăm mặt mũi, mất cả quân bình.

Tuy thế, Thạch còn đủ sức choàng tay sang ghế, bá vào vai nàng mà bóp mạnh. Anh hồi hộp nín thở chờ nghe phản ứng. Tiếng hò hét ồn ào trên màn ảnh không lấp được tiếng trái tim.

Nàng quay mặt sang... khẽ nói như hơi gió:

— Đau em! Anh dữ quá chừng!

Thoát nợ. Lòng Thạch nhẹ hẳn lên. Anh thấy sùng sùng, thoải-mãn không thể tả. Thạch nói ngay muốn liú cả lưỡi.

— Em cũng làm cho anh... sợ... ngưng, hồi hộp tự nảy đến giờ.

Bé Minh mãi mê xem chiếu bóng, nghe tiếng nói của Thạch quay lại, nom nòm nghiêng đầu

về phía trước để nhìn. Đôi mắt cậu mở to, ngồi lên qua ánh sáng hóm-hem trên màn ảnh.

Thế là cả hai trở nên đôi tình nhân.

Nàng thì thầm:

— Anh tên gì hở anh?

— Thạch! Còn em?

— Hồng!

— Tên đẹp và nên thơ quá.

Kịp đến lúc đèn bật sáng, phim chiếu xong. Thạch nắm tay Hồng đứng dậy đi ra. Đến cửa rạp, Thạch đưa mắt nhìn xuôi ngược. Hồng hỏi:

— Anh tìm gì? Ngại người quen phải không?

Thạch lắc đầu cười:

— Em không ngại mà anh lại ngại à! Anh tìm bé Minh, em trai anh. Không khéo không biết đường ra là đằng khác.

— À! Thế mà khi nãy anh không nói cho em biết, để em dốt nó.

Nghe Hồng nói, Thạch ngưng lấy mình về cách đối xử với em. Để che dấu Thạch cười, vui vẻ:

— Khi nãy nó sút tay anh đấy chứ. Bé Minh ngoan lắm, thực dễ thương. Anh mến nó nhất nhà đấy. À, nó kia rồi!

Bé Minh đang bị làn sóng người từ phía trong đẩy ra. Cậu mãi nhìn vào trong, muốn trở vào tìm anh, mặt mày tái xanh lo sợ.

Thạch gọi to:

— Minh ơi! Anh đây! Minh!
Minh chạy đến mừng rỡ, thoát một phen hú vía. Hồng cúi xuống bẹo má Minh, âu yếm hỏi:

— Minh, có biết chị không?
Minh nhìn anh như dò hỏi. Thạch cười, xoa đầu em:

— Trả lời chị đi! Em bảo rằng biết. Hỏi ại thì bảo chị Hồng của anh Hai nghe chưa.

Cả ba cùng cười vui vẻ. Riêng bé Minh cảm thấy sung sướng nhất vì cậu bỗng nhiên được âu yếm săn sóc một cách bất ngờ. Anh hai cậu giờ này sao thương cậu quá không như lúc mới vào, chỉ lườm lườm, gay gắt mắng đuổi cậu.

Hồng tay dắt bé Minh, tay nắm tay Thạch. Trông nàng cũng sung-sướng lắm. Thạch kẻ sát đầu vào má Hồng:

— Em! Ta đi ăn cái gì đi. Anh đói lắm.

Hồng nũng nịu, tán thưởng:

— Em cũng thấy xót ruột ghê. Em về nhà còn phải thức đọc sách, làm bài.

Thạch dẫn Hồng và Bé Minh băng qua đường định ngồi ở cái quán ăn lộ thiên, Hồng giầy-nảy:

— Không! Em không chịu đâu. Ba mà bắt gặp thì em đến chết mất.

— Thế bây giờ ăn ở đâu? khuya quá, tiệm ăn đóng cửa hết rồi. Mãi đến cuối đường mới có.

— Đi bộ một chốc đã sao! Anh mỗi chân à?

— Không!

Thạch đi bên Hồng, anh muốn hỏi rất nhiều chuyện nhưng anh ngại không biết ngay buổi ban đầu có nên hỏi hay không. Anh suy-nghĩ, cúi đầu thấp, xuống, đếm bước đi. Giây lâu anh ngẩng lên, ngập ngừng hỏi Hồng:

— Hồng có yêu anh thực không?

— Còn phải hỏi! Ghét anh lắm! Không yêu mà như thế này? Anh nghi-ngại gì em hở anh?

— Thế tại sao em yêu anh?

— Rõ là anh lần thần mất rồi. Nếu Hồng hỏi lại anh, anh liệu có trả lời được không. Anh đã quên cái câu định nghĩa: «Je l'aime parce que je l'aime» sao? Yêu, làm sao ai biết được. Yêu là yêu là... là yêu. Nguồn gốc nó ở đây tim em. Anh nhìn và sờ xem có biết được hình dáng nó không?

Thạch băn khoăn:

— Em cố tin rằng «tiếng sét ái tình» như trong sách đã viết có đúng không? Sao ta yêu nhau dễ dàng thế nhỉ? Em bảo nguồn gốc ở tim em, anh sao nhìn thấu được. Còn anh có sờ thì chỉ đụng... da thịt em thôi. Em lý-luận hay lắm!

Hồng lắc đầu cười như nắc nẻ:

— Này anh! Hồng ngờ anh sắp loạn óc hay loạn rồi cũng

nên. Anh nói gì em nghe nói lủng củng quá đi mất.

Thạch cười theo. Anh thấy mình sao ngốc và ngờ ngẩn được đến thế nhỉ. Hỏi gì không hỏi lại hỏi chuyện vu vơ, ngây ngô quá trẻ con. Anh gật gù:

— Hồng bao nhiêu tuổi?
Không! Bao nhiêu cái xuân xanh rồi?

— Mười bảy!

— Hồng học lớp mấy? Ở trường nào? Và nhà ở đâu? Hôm nào anh đến thăm em và gia-đình cho vui.

Hồng cười, không nói. Thạch hỏi mãi. Hồng nói với gương mặt không vui:

— Làm gì mà anh hỏi cung Hồng như quan tòa hỏi tội nhân vậy. Anh xem Hồng có hỏi gì về anh đâu! Anh là tất cả. Em yêu anh, em chỉ biết anh, ngoài ra có quan hệ gì đến em.

— Nếu Hồng không nói thì thôi. Thạch giận hờn.

Hồng hơi cau mi, nàng nói chậm lại:

— Quan tòa của em lại giận hờn. Tội nhân cũng khai đây. Em là một nữ sinh. Năm nay mười bảy. Tối nay đi xem chiếu bóng bị người ta bắt cóc dẫn đi ngoài công lộ. Người ta ép chế em.

— Anh có hỏi em thế đâu. Sao em không cho anh biết những điều anh muốn biết?

— Anh biết đề làm gì? Đề quyết định là yêu hay không yêu à? Nếu vậy thì... em xin từ giã anh đây. Yêu mà khổ sở thế này thì đừng yêu.

Thạch hốt hoảng làm như Hồng đã đi rồi không bằng. Anh hấp tấp kéo Hồng sát vào mình giữ chặt:

— Hồng giận anh à? Anh có làm gì để Hồng giận? Anh xin lỗi Hồng nhé!

— Em không giận nhưng buồn anh lắm. Em đã bảo em nào có hỏi gì về anh. Anh biết thân thế, địa chỉ em anh chỉ làm khổ em. Anh biết nhà, anh đến, anh đón, ba mẹ giết em ngay. Em không sống nổi đâu. Anh biết địa chỉ trường cũng không tiện. Hằng ngày đi học có xe đưa rước, anh sao gặp em được. Vội lại anh không sợ bạn em phá phách trêu chọc em đến khóc thối sao. Gia đình ở gần đây lúc nào xét thấy có thể được thì em mời anh đến chơi. Còn ta gặp nhau sau này, đề em nghĩ cách đã.

Thạch không hỏi nữa, trầm-ngâm nghĩ-ngợi về những lời Hồng nói. Trông đôi mắt và cử-chỉ Hồng, có vẻ ngoan đời lắm, khôn hơn cả anh. Tuy rằng anh đã hai mươi, Hồng kém anh ba tuổi nhưng sao anh lại có thể ngây-thơ, ngốc-nghech hơn nhỉ? Dù vậy, anh có băn-khoăn, thắc-mắc, nghi-ngờ Hồng ở nhiều điếm, anh vẫn yêu Hồng ghê-

gồm: Tiếng sét ái tình là thế này đây. Kể từ giờ phút này anh đã thuộc về Hồng, quyến luyến không muốn rời tay. Nếu Hồng bằng lòng và cha mẹ đôi bên chấp thuận anh sẽ cưới Hồng ngay ngày mai hay ngay cả bây giờ cũng được.

Nàng có vẻ qui - phái, đoan trang, nết-nếp lắm. Thạch biết rằng mình đã mê nàng. Anh say không cần rượu, say chỉ vì Hồng. Lòng nhẹ lâng - lâng lại rộn-ràng. Anh không phân tách nổi mình nữa. Cái cảm giác ngây say nó đến đột - ngột quá làm sao tự chủ và suy xét nổi.

Thạch nhắc lại việc gấp - gổ, hẹn hò, Hồng âu-yếm bảo :

— Ngày mai thứ bảy, em sẽ chờ anh vào lúc 9 giờ sáng tại tiệm kem „Phi Diệp“. Ngày mai có nhiều thì giờ, em sẽ nói hết cho anh nghe những gì em đã nghĩ và em muốn nói. Em xin anh đừng dỗi theo em. Anh hứa nhé!

Ngừng một giây, nàng tiếp :

— Đến quán ăn đây rồi, vào ăn xong anh và Bé Minh lên xe về trước đi. Em phải về sau mới được, như thế em mới yên lòng. Em cần thận, giấu - giếm anh là vì hạnh-phúc chúng ta. Gia-đình biết được thì vĩnh-biệt nhau mãi mãi. Em sợ lắm. À! Ngày mai anh có bận học không?

Thạch đáp ngay không cần suy nghĩ :

— Hề gì ! Có hai giờ toán với hai giờ Việt-văn. Chương trình trong năm anh học hết cả rồi. Đi với em cả tháng, cuối năm anh vẫn lấy cái Tú - Tái toàn phần cho xem. Em đừng lo.

Hồng liếc mắt cười, nguyệt Thạch. Lòng anh tràn ngập là hoa mộng. Vào quán ăn cả hai chỉ nhìn nhau, khúc khích cười không nói. Nếu có nói thì nói bằng mắt, bằng tay, bằng chân nhiều hơn. Bé Minh cũng được « anh, chị » săn sóc một cách chu đáo.

Đã hơn 12 giờ đêm, Hồng giục :

— Anh về nhé ! Đền em đi gọi xe.

— Chút nữa mà ! Hồng nở cười anh...?

— Khuya quá, về muộn em biết ăn nói sao với ba má. Anh muốn giết em bằng cách ấy sao ? „A demain !“ Chồng ngoan em yêu nhiều !

Thanh toán tiền ăn xong, Thạch bước ra ngoài thì đã có taxi chờ sẵn. Hồng cho Bé Minh lên xe từ trước. Thạch lên sau đóng cửa lại, nhào đầu qua cửa kính, sốt ruột :

— Đúng hẹn em nhé ! Anh sẽ đến sớm để chờ.

— Anh về ngủ ngon giấc, đừng lo. Em sẽ đúng hẹn. Em gửi anh vụn cái hôn.

Xe chạy, Thạch còn ngoáy cồ

lại nhìn. Đợi xe Thạch đi khuất Hồng mới gọi một chiếc xe taxi khác, hối chạy như bay về Cholon.

Hôm sau, Thạch nghỉ học lái xe nhà đến tiệm kem lúc 8 giờ rưỡi. Suốt đêm anh trằn-trọc, suy nghĩ vẩn-vơ, xây nhiều mộng đẹp. Anh sợ nếu không nghĩ đến Hồng, sáng nay có thể quên mất. Đã vậy, sáng còn dậy sớm hơn mọi hôm nhưng trong người sao khóe khóe, tỉnh táo lạ thường.

Đợi mãi hơn nửa giờ sau Hồng mới đến. Nàng đến với một trang sức lộng-lẫy, xa hoa, qui phái và cái đẹp say người qua nhưng lựa giữa buổi ban mai. Nàng đến, nàng mang cho Thạch một thiên đường.

Nửa giờ sau, Thạch và Hồng ra xe lái chạy về Cap xây mộng tạm vài hôm với những phút thoát trần. Đôi chim ấy đã quên đời. Lắng nghe thời gian dừng lại.

Từ đó, cô cậu yêu đương, âu yếm rất mực, quên cả thế gian, quên cả việc học hành. Mỗi tuần Thạch gặp nàng từ tối thứ sáu đến tối chúa nhật. Trong hai ngày đó, cả hai tha hồ đi chơi khắp mọi nơi, tha hồ sống vui vẻ như một đôi vợ chồng trẻ thời kỳ trăng mật.

Đôi lần Thạch bàn đến việc «cười hỏi, Hồng nũng nịu trả lời :

— Chúng ta sống như thế này

không là hạnh phúc lắm sao ? Chúng ta đã sống rất đầy đủ trong yêu đương không như một đôi vợ chồng thì là gì. Em cũng muốn chúng ta hợp thức hóa nhưng em chưa đủ tuổi, còn vị thành niên mà anh. Và lại anh còn phải học nhiều, học nhiều. Em cũng thế. Đợi vài năm có là bao.

Thế là Thạch không nói gì được nữa. Thạch không hiểu ý thực của Hồng và cuộc đời Hồng ra sao nữa. Hồng vẫn còn giấu anh.

SAU mấy ngày đi ăn giỗ với mẹ ở quê ngoại, lúc trở về Saigon, Thạch thấy nhớ Hồng ghê. Không biết mấy hôm nay Hồng có cho em trai nàng đến nhà tìm Thạch như mọi lần hay có viết thư từ gì không ? Vào nhà, Thạch hỏi người ở lắng xằng, lục lợi giấy tờ trên bàn viết của cha.

Anh thở phào :

— À ! Không có gì hết.

Thạch ôm đồ đi tắm. Tắm xong, đang lau, thay quần áo thì có tiếng mẹ gọi. Anh vừa xoắn tay vào áo vừa chạy lên. Thấy mẹ hăm hăm nổi giận, tay cầm một phong thư, Thạch tái mặt, hồi hộp chờ. Mẹ Thạch mãi suy nghĩ nên không để ý đến cử-chỉ khác thường của con. Bà dằng cái gạc đựng tàn thuốc lá xuống

bàn, mấy tách nước nhảy cồng lên như khêu vũ :

— Hết biết rồi ! Tao thực không ngờ có thể xảy ra chuyện này. Không thể tha thứ được nữa. Để rồi coi tao. Dám giấu đút qua mặt tao. Thế nào cũng chết ! Mày xem đi !

Thạch run-rần không dám bước tới chỉ nhích tới một chút rồi dừng lại. Chết rồi ! Hồng viết thơ cho mình đây sao lọt vào tay mẹ mình kia ? Mình lục-lọi, tìm cũng hết cũng không gặp. Hay có đứa nào giấu để đưa mẹ ?

Đưa mãi, mỗi tay mà Thạch chần chờ không chịu lấy, bà bực tức quát lên :

— Hừm à ! Xem đi, để rồi tao còn liệu chứ ! Mày làm cái bộ chó gi vậy ? Hừ !

Thạch sợ thất-thần, chậm chạp tiến đến lấy thư. Bức thư như chực rơi ngay xuống đất. Thạch vụng về, bối rối mở ra đọc, không dám nhìn rõ những chữ đề ngoài phong bì. Anh nghe đường có mùi nước hoa phẳng-phất.

Chị Phũ,

Mấy dòng tin chị biết. Anh Phũ đã đưa một cô gái nhảy đi Cap từ 12 giờ trưa. Không ngờ anh ấy tệ thế. Người ta cho tôi biết con ấy tên là Hương, nhân tình của anh Phũ hơn ba tháng nay. Hạnh phúc của chị, tùy chị liệu định.

Em chị,
TRANG

Vỡ lẽ ra, Thạch thở phào, nhẹ nhõm không khác gì một tên tử tù vừa được ân xá hay như vừa trút một gánh nặng sau quãng đường xa.

Thầy Thạch xem xong, bà Phũ bảo :

— Mày chửi đầu, thay quần áo lái xe đưa tao đi Cap ngay bây giờ. Tao muốn giấu nhẹm chuyện này không cho mấy đứa ở biết. Bảo «sốp-phơ» nó lái thì rùm beng ra.

Thạch dạ, lẳng-lặng, gấp rút làm theo lời mẹ. Mấy phút sau Thạch và bà Phũ đã lên xe. Anh mở máy, tổng hết ga xăng, xe vù ra khỏi cổng hướng về Gia-Định. Hai người với hai tâm trạng, hai ý-nghĩ khác nhau nên chẳng ai nói với ai lời nào. Qua khỏi Biên-Hòa, trời sắp tối. Thạch mở đèn xe, kéo cao cổ áo. Xe chạy hơn trăm cây số một giờ, vẫn chưa vừa lòng, bà Phũ giục Thạch :

— Con cho xe chạy mau hơn chút nữa đi. Má nóng ruột quá.

Thạch thêm ga xăng. Xe phóng như một mũi tên. Anh chép miệng :

— Xe chạy như thế này mà má còn cho là chậm. Lúc bình thường chưa gì má đã bảo là nhanh. Kia, má xem ! Đến suối Trị-An rồi đây.

— Bữa nay được thơ của Di con má giận quá. May là Di con cho biết sớm, nếu không.

cái ghế này rồi cũng đến mê say tan cửa nát nhà. Phải cho một trận tới-bời mới được.

Một lát sau, bà bảo thêm :

— Thường thường ông bảo «Hôtel G» sạch-sẽ, mát-mẻ nhất ở Cap. Vậy con vào Cap, ngừng xe trước «Hôtel G» cho má. Tình tự sướng quá. Nghĩ đến thiệt cảm gan.

7 giờ 5 phút. Xe vào thành phố, Thạch cho chạy vòng theo bãi biển. Cap đã lên đèn từ lâu. Gió biển lộng vào xe mát rượi, đến lạnh người. Sóng vỗ rì rào ản ản lên cát.

Đến trước «Hôtel G», Thạch trả số xe, đập mạnh thắng. Xe chúi mũi lún xuống, kéo lết bốn năm thước mới chịu ngừng hẳn. Tiếng phanh rít lên ken két làm kinh động khách bên đường.

Trước cửa vào, chiếc xe Fly-mouth màu xanh của ông Phũ đã đậu đấy từ bao giờ. Nhìn thấy bà Phũ mở cửa xe, bước xuống nói ngay :

— Đứng ở đây rồi, đôi gian phu dâm phụ có chạy đằng trời !

Thạch chưa kịp khóa «contact», thì bà Phũ đã đi xăm xăm vào khách sạn. Vài người khách và nhân viên khách sạn chăm chú nhìn, la lùng và chờ đợi. Thạch quẩy cửa kính, khóa lại chạy vội theo.

Người ấy, dáng chừng viên «quản lý tiến ra hỏi bà :

— Thưa bà, bà cần điều gì ?

Bà Phũ chỉ tay ra phía cửa :

— Có tin nhà cấp bách, tôi muốn gặp ngay người đàn ông và cô gái đã đến đây mười phòng vào lúc chiều. Ông chỉ ngay số phòng cho.

Viên quản lý bối rối. Những người đứng vây quanh kinh ngạc nhìn nhau như thăm hỏi sẽ có chuyện gì xảy ra.

Bà nói tiếp như truyền lệnh :

— Ông dẫn tôi đến phòng ấy ngay. Đừng giấu giếm vô ích. Nếu không tôi sẽ cho cảnh sát đến ngay bây giờ và có chuyện gì thì đến cả ông nghe chưa. Chiếc Flymouth nằm đây, chứng cứ đó còn dự gì nữa.

Viên quản lý nhắm mắt lại, gật gù, chép miệng, chân nắn :

— Bà theo tôi.

Đến trước cửa phòng bà hát hàm như bảo :

— Mời ông xuống thang lầu ngay.

Đoán hiểu, viên quản lý gật đầu chậm chạp bước đi, còn lại bà Phũ và Thạch. Bà đưa tay gõ cửa. Từ bên trong đang có tiếng khúc khích cười, tiếng thì thầm trò chuyện lẫn với tiếng ken két của chiếc giường lò-xo rung chuyển bỗng im bật.

Bà lại gõ cửa. Có tiếng cầu nhàu của người đàn ông vọng ra :

— Ai đấy? Có việc gì?

Không trả lời, bà vắn gổ cửa, chờ đợi. Tiếng dép đi lẩn ra cửa nghe rõ mồn một. Tiếng khua ổ khóa lẩn với tiếng giân dũ vang lên:

— Ai vô phép quá vậy? Việc gì thì nói chứ, câm sao?

Cánh cửa vừa mở ra, bà lấy chân đạp mạnh bật vào trong. Bà nhảy xổ vào như con hổ vồ mồi. Túm lấy cổ áo ông Phủ — đúng là ông Phủ rồi — bà đâm thùm-thụp vào ngực, vào lưng vào đầu túi-bụi:

— Đứa nào vô phép hả? Tinh tữ đang-điểm, giấu bà này!

Ông Phủ ngạc-nhiên, trơ mắt ra nhìn, không nói được nửa tiếng. Bơ-phờ cả tóc tai, ông rớt vai lại chịu đựng một trận mưa thoi.

Miệng bà gần như muốn sùi bọt mép, nhai nhai, nghiền răng muốn nghiền đứt cái thân người đang đứng sừng bị «trời trồng»:

— Đồ khốn nạn, đồ phản bội vợ con! Mê cái con đĩ này, có còn chối bà nữa thôi, hử? Ấu yếm, sung-sướng quá mà! Đào non vôi đào tơ. Mê cái... của con đĩ chó đó, bà xé toạc ra cho xem.

Bà buồng ông Phủ ra, hùng-hồ tiến đến giường. Nơi ấy, một người con gái trẻ, rất trẻ đang quần chân nép sát vào tường, len-lén nhìn sợ hãi đến cực độ. Nước mắt rưng rưng.

Nhảy lên giường, mắt bà long lên:

— Á! Mày lớn gan lớn mật dám quyến rũ chồng bà à? Hôm nay gặp bà khó sống lắm con ơi!

Thế là bà túm lấy tóc giật ngược ra sau. Bà dặng chân nắm mí chân kéo lên, nàng quay tròn như ống chỉ ở trên giường. Trông bà, có vẻ một tay đồ-vật thiện nghệ, hay đúng hơn là tay anh chị, một võ sĩ lâm trận, say máu áp đảo đối phương. Chấn tuột ra, nàng chỉ còn mặc bên trong bộ quần áo ngủ bằng lụa mỏng. Bà leo lên lưng ngồi dằn, dấm túi bụi. Bà xé toạc chiếc áo, ném mấy mảnh vải vụng tá toai bay như bướm. «Corset» bà cũng không từ. Chiếc quần thun cũng được bà tuột ra «cần thận»! Nàng nắm sắp, úp mặt xuống đồng chân nệm ngồn-ngang. Bà lật ngược mặt lên, xoay ngang, ý chừng bà muốn xăn cổ, nhưng không, bà giáng những cái tát liên hồi hai bên má. Đầu tóc rối như ở chuột, bành-bồng xỏa trên nệm trắng phau. Người con gái khóc nước-nở, những tiếng nấc đệm sau những cái dấm, những cái tát khỏe người. Nàng rên la, cầu xin rất hòng, bà vẫn ha «độc thủ»:

— Nè, dĩ nè! dĩ nè! Bà cho một trận, tổn tôi già, ô! quyến rũ nữa thôi! Cái quần đang điểm dĩ thỏa, bà trừ cho tuyệt

nọc. Hừ trên vào bà chỉ có chết! Thịt mềm, thịt nhão, mát tay, mảy mễ!

Đấm mãi, đau tay, mắt bà đỏ ngầu. Đường chưa hả giận, bà nắm tóc nạn nhân kéo tuột xuống giường, lẩn kèn ra sàn gạch. Nàng giẫy giụa nhưng làm sao thoát khỏi được cánh tay hộ pháp. Thân nàng bé nhỏ, yếu đuối quá kia mà.

Ông Phủ xót ruột, đau lòng nên ông khóc. Ông muốn nhảy vào can mà không dám. Ông đành đứng yên không nhúc nhích, hồi - hộp, bối rối, lo sợ nhìn vôi dôi mắt van xin.

Thạch nãy giờ đứng núp ở ngoài cửa, không dám vô sợ cha giận nhưng khi thấy mẹ hành-hung quá đời, tiếng khóc người con gái sắp tàn hơi, tiếng rên than đứt đoạn gây sự bất-nhân ở lòng anh. Anh thấy tội nghiệp người con gái ấy quá. Anh bước vào nắm lấy tay mẹ gỡ ra:

— Má ơi! Cho con xin đi má! Má không sợ gây ra án mạng sao má? Tội nghiệp người ta lắm.

Bà hét lên:

— Mày đang ra không? Tội nghiệp gì, tao xé xác nó ra mới hả! Dù sợ mẹ, Thạch cũng vẫn kéo tay mẹ đứng dậy. Không còn dấm được, bà đá vào hông nàng mấy cái. Tiếng người oằn-oại, kêu thương:

— Trời ơi! Chết mất!

Trước mắt Thạch, một người con gái lỏa thể, đồng tóc rối bù trải ra phủ mất mặt mũi. Toàn thân nàng mềm nhũn, hiện nhiều vết đỏ, tím bầm. Đắt cát bám vào người lấm-lem. Nàng nấc lên từng đoạn ngắt quãng. Tiếng

đã khản, nói không còn nghe rõ. Ông Phủ quay mặt đi, thờ dãi nghe não-nuột. Thấy thế, lòng bà sôi lên, quay lại ông Phủ:

— Đau lòng lắm hả? Tiếc lắm hả? Đồ phản bội.

Thạch thấy mẹ ngó lơ, cúi đầu người con gái dẫy. Anh rẽ tóc, vén sang hai bên tai. Một gương mặt rất đẹp, rất trẻ sung vũ trông thiếu nảo quá hiện ra.

Bồng Thạch buồng tay, há-hốc mồm thụt lui mấy bước. Anh lấp-lấp.

— Trời! Hồng! Hồng! Có thể được sao?

Anh run-rẩy lui thêm mấy bước nữa, đoạn quay mình, dầm đầu chạy ra cửa phóng xuống thang lầu.

Bà Phủ lúc ấy, vừa tóm ngực ông Phủ cũng buồng ra, ngo ngác nhìn sự thể lạ-lùng. Nhưng ông Phủ, bà Phủ càng ngạc nhiên hơn khi người con gái chỗi dậy, loạng-choạng bước tới rên-rĩ:

— Thạch ơi! Anh! Em chết mất. Chờ em với!

Thạch vẫn chạy luôn. Nàng lão-đảo chạy về phía cửa. Trên người không một mảnh vải. Đến lượt bà Phủ chết đứng, bị trời trồng lại. Hai ông bà ngạc nhiên quá đời. Câu chuyện xảy ra nhanh quá, ngoài sức tưởng-tượng của hai người.

Ông Phủ lặng người. Thực là sét đánh ngang đầu. Ông nghe như bom nguyên tử vừa nổ trong đầu, nổ trong thời nguyên tử, trong lòng thế kỷ hai mươi.

Ông từ từ ngã xuống sàn gạch trong khi có tiếng «ý chết! Trời ơi!» và một tiếng động khô-khàn từ dưới thang lầu dội lên.

THỜI SỰ VĂN HÓA QUỐC-TẾ

HỌC SINH NƯỚC ANH

được đi du - lịch khắp Thế - giới



ẢNH ghi các nơi
du-lịch do HỘI
ĐỊA - DƯ
VƯƠNG
QUỐC ở
LUÂN-ĐÔN

đã quyết-định bảo-trợ năm nay, gồm những cái tên rất kêu-gọi cho nhiệt - hứng tưởng-tượng của mọi người : Các hòn đảo Nicobar, Apolobamba, xứ Serbie và xứ Pérou. Trong 20 cuộc hành-trình du-ngọan đến các xứ này, theo chương-trình của Hội Địa-Dư Vương - quốc, có 16



cuộc để dành cho các Nam Học-Sinh các trường, và Nam-nữ sinh-viên các trường Đại-học.

Ngoài ra, riêng trường Đại-học CAMBRIDGE cho một số sinh-viên đi Thụy-sĩ (để chơi

HỌC SINH NƯỚC ANH

tuyệt) các đảo ở Ấn-độ-dương, xứ Brésil, Nam-Mỹ-châu, xứ Colombo, (Đông - Nam-Á) xứ Honduras (Trung-Mỹ-Châu) và Serbie (Trung-Âu).

Trường Đại-học OXFORD cũng vừa cho sinh-viên đi du-lịch sang xem biển hồ Tanganyika (Trung Phi-Châu) và Guyane (Nam Mỹ Châu). Các sinh-viên khác được đi đến quần - đảo Açores, xứ Na-Uy và đảo Crète.

Đó là mới kể vài ba cuộc du-lịch — còn nhiều cuộc khác — do các bạn thanh-niên nước Anh của các trường lớn tổ-chức trong năm nay.

Nhiều bạn thanh-niên học-sinh—không những ở các trường Đại-học hay Trung-học (Public Schools), mà cả ở các trường khác nữa, cũng có các hiệu-đoàn du-ngọan. Học-sinh, cả Nam Nữ, từ 13 đến 19 tuổi, đều có chun trong các câu-lạc-bộ du-ngọan, và những ngày nghỉ, tổ-chức những cuộc thăm viếng các động, các giòng suối chảy ngầm dưới đất ở phía Bắc nước Anh, hoặc trèo các núi ở miền Scotland và miền Galles. Có nhiều cơ-quan thanh-niên, hoặc Hướng-Đạo, các Hiệu-đoàn, giúp tiền cho

các bạn học-sinh ấy đi du-ngạn.

Hồi trước Chiến - tranh, ở nước Anh có một tổ-chức mệnh-danh là « Hội thám-hiểm của các trường Trung-học » (Exploration Society of Public Schools), nay đổi tên là « Hội thám-hiểm của các Học-đường Anh-quốc ». Sự đổi tên ấy tỏ rằng Hội mở rộng phạm-vi khuyến-khích và giúp-đỡ cho hết thầy các học-sinh các trường công, tư, các học-sinh đã thôi học và đang tập-sự trong các xưởng máy, được đi du-ngọan khắp nơi.

Lại có « Hội sống ngoài trời » (Outward Bound Trust) luyện tập cho các bạn trẻ cuộc sống tập thể với các môn cắm trại (camping) trèo leo, bơi thuyền (yachting), huấn-luyện đầy đủ kỷ luật về các môn ấy để sau này các bạn có đủ khả năng hoạt động mạnh mẽ và tiên tiến trên đường đời.

Các bạn trẻ được thường-xuyên thao dượt các môn này trên các hồ rộng lớn của nước Anh, ở miền Bắc tỉnh Scotland, ở tỉnh Galles và ở tỉnh Devon.

Mỗi cuộc du ngoạn và thám-hiểm đều có mục đích rèn luyện

cho mỗi thanh niên một đức tin tự chủ và can trường trên phương diện xã-hội, thể chất, và tâm lý. Không còn phân chia giai cấp, thí dụ như một chàng thanh niên làm thợ máy tập sự trong xưởng chế tạo xe hơi ở Coventry vẫn sống lẫn-lộn chung một trại với con một ông Bá tước của giòng-dòng quý-tộc ở Eton, và cả hai đều có lợi trong việc học hỏi và huấn-luyện chung.

Xin chú ý một điều là trong các đám học sinh đó, chỉ có một nửa là con nhà quyền quý mà thôi. Trong các cuộc du ngoạn và thám-hiểm các nơi xa như thế, đều có các nhà bác học đi theo để giúp học sinh học hỏi về các phương diện thảo mộc, cầm-thú, khoáng kim, thời tiết, địa chất của các xứ viếng thăm. Có Bác-sĩ đi theo để nghiên cứu về ảnh hưởng của khí hậu đối với sức chịu đựng của tuổi trẻ và chỉ bảo cả sự ăn uống thích hợp cho sức khoẻ của thanh niên.

Riêng về học sinh con trai, được tranh đua đi bộ hàng chục

cây số, lội sông, trèo đèo, cắm trại. Các bạn ấy được chỉ bảo cách sử dụng các máy radio loại Walkie — Talkie (loại phát thanh bỏ túi có thể vừa đi vừa nói chuyện) và dạy đủ các môn cấp cứu trong các tai nạn.

Nói về các tổ chức du ngoạn và thám hiểm cho thanh niên học sinh nước Anh, Quận Công Edimbourg (chồng của Hoàng Hậu Elisabeth) có nói :

«Mặc dầu trong thế giới văn-minh của chúng ta cần phải có đủ các tiện nghi của đời sống tân-tiến, chúng ta cũng không nên để cho đời sống dễ dãi ấy làm nhụt cái nhuệ khí và tinh thần của con người. Không có lý-tưởng sinh tồn nào làm tăng-cường trí não, (mà từ trước đến nay chính học đường và gia đình đã bóp chặt lại) bằng các cuộc du ngoạn, các cuộc đi thám hiểm núi sông, đem đến cho tuổi thanh niên cả một căn bản kinh nghiệm về Văn hóa và đời người !»

TOM POCKOCK

NHỮNG NÉT

Hùng Tráng

TRONG

THI CA VIỆT-NAM

★ **ĐẶNG-VĂN-NHÂM**



TRONG lâu đã i thi - ca đồ - sộ, huy-hoàng của dân tộc có biết bao trang diễm-uyết, hùng tráng như bóng thiên-sĩ mài gươm dưới nguyệt, cời ca sang sảng bao trùm cả núi sông như tiếng hét tiến quân, tiếng chiêng trống trên mặt thành, tiếng sấm dậy sóng gầm của trời cao bể cả.

Lời ca hùng-tráng ấy đã bắt nguồn từ giòng máu anh-dũng của dân Lạc-Việt, sinh-trưởng trong một vị-trí địa dư đặc-biệt. Nguyên, dân Việt phát xuất trong một khoảnh đất nhỏ, bé nghèo nàn, từ vùng trung châu

Bắc Việt xuống đến Nghệ-Tĩnh bây giờ (xưa kia là Quận Cửu-Chân) Phía trên, bị người Trung hoa to lớn, tham-lam, luôn luôn tìm mọi cách đè nén xuống. Phía dưới dân Chiêm-Thành bành-trướng lên. Phải qua hàng mấy nghìn năm dài dằng dặc, dân Việt bị ép thúc ở giữa cách khôn khổ. Đất đai nhỏ hẹp, dân cư lại đông đúc, nên sinh ra đói kém làm than.

Đứng trong hoàn-cảnh nguy-khốn ấy, nếu không phải là một giống dân anh-hùng, tất người Việt đã bị xóa mất tên trong lịch-sử nhân-loại, hay ít ra cũng đã bị đồng hóa từ lâu rồi !

Để bảo tồn sự sống, dân Việt

đã chiến đấu rất oai hùng. Một mặt chống đỡ bằng võ bị với sức xâm lăng tàn bạo trên cửa người Tàu. Một mặt tràn xuống miền Nam đánh chiếm đất đai của Chiêm Thành và sau cùng đã diệt mất gốc giống dân này.

Chính cái vị trí đặc biệt của địa dư và lịch sử ấy đã sản xuất biết bao anh tài hiển hách làm rạng rỡ núi sông. Đời nhà Trần, nhà Lý, nhà Lê, dân Việt đã làm cho quân Tàu phải nhiều phen hoảng sợ. Đồng thời, cũng chính cái vị trí đặc-biệt của địa-dư và lịch sử ấy đã un đúc nên tinh thần bất khuất, chí kiêu-hùng của người dân Việt.

Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào-khiet
(Đ.T.Đ.)

Người thanh niên Việt Nam bẩm sinh đã thụ-hưởng cái tinh-thần truyền thống ấy, nên hoạt-động ngang tàng với quan niệm sắt đá :

*Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông*

*Trong cuộc trần ai, ai dễ biết,
Rời ra mới rõ mặt anh-hùng*
(N.C.T.)

Thân nam nhi sinh ra trong trời đất quý giá vô vàn. Nếu

không đem tấm thân bầy thươc ấy mà thử thách với gian lao, nguy hiểm để lập nên công danh rạng-rỡ; thì chẳng khác nào vàng không thử lửa !

Chàng trai Việt nuôi chí lớn vẫy vùng dọc ngang trời đất, nguyện không hổ với giòng
*Không công danh thà nát với cỏ cây
Hơn nhau hai chữ anh hùng*
(N.C.T.)

Phải rồi ! Đấng tu-mi nam-tử ở đời chỉ hơn kém nhau có thể Chàng quyết tâm như vậy là vì viễn ảnh trời cao bể rộng mông mênh gợi ý giang-hồ trong tâm hồn người trai Việt như thúc giục chàng phải hoạt động theo bản-năng hào-khiet lưu-truyền của các bậc tiền nhân.

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang
đọc
Chí làm trai nam, bắc, đông, tây
Cho phi sức vẫy vùng trong bốn
bể* (N.C.T.)

Trên đường đời chiến đấu đầy chông gai, hiểm trở, nếu gặp phải cơn phong ba bão táp, chàng tuổi trẻ vẫn không hề nao núng. Trái lại, còn là dịp cho chàng ra sức trở tài hùng để thỏa chí bình sinh.

*Quyết ra tay buồm lái với cuồng
phong
Chí những toan xê núi lấp sông.
Làm nên đáng anh hùng đâu đấy
tò* (N.C.T.)

Bởi chàng tự nghĩ : chiến đấu có cam khổ thì chiến-thắng mới vẻ vang ! Chàng muốn tung-hoành và lập-nghiệp để thay đổi cả cơ trời ; chứ không như những kẻ tầm thường, gặp lúc giang-sơn nghiêng ngửa khoanh tay ngồi nhìn với thái-độ tiêu cực rồi đổ lỗi tại trời. Xưa nay « nhân định thắng thiên » lẽ thường !

*Khác thường bay nhảy mới là
trai
Chẳng chịu vắn xoay bởi ý trời ;*
(P.B.C.)

Khi ấy, với một bầu nhiệt-huyết, một tấm can - trường, chàng trai Việt oai-dung thét lên :

*Xin tống bần quì ra Đông Hải,
Để ta đeo vòng thư kiếm quyết
xây bạch ốc lại lầu đài !* (C.B.Q.)

Thế rồi :
*Ba thước gươm một cổ nhưng
vén,
Xông pha gió bão trăng ngàn*
(Đ.T.Đ.)

Hình ảnh kiêu dũng của chàng tuổi trẻ đáng kính, đáng yêu ấy hiện rõ lên trong vòng cát bụi mịt mù của chiến trường đẫm máu, khiến người ta phải cảm-động và sinh lòng mến phục.

*Quyết phen này rửa nhục báo
thù,
Một câu ai quốc reo hò* (P.B.C.)

Chàng quyết một lòng vì nước vì dân, xông pha không nề nguy hiểm.

*Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo thái-sơn nhẹ tựa hồng mao*
(Đ.T.Đ.)

Cái chết đối với kẻ trượng-phu nào có nghĩa lý gì ! Khi đã đem thân phụng sự cho chính nghĩa, cho lý tưởng cao cả mà chàng hằng nuôi nấng, tôn thờ trong lòng thì dù cho thịt nát xương tan cũng chẳng là điều đáng kể. Hơn nữa, « da ngựa bọc thây » ngoài chiến địa là một vinh dự cho những con người chiến sĩ.

Như thế :
Há một cung tên sòn chí trẻ (NB)
Phải rồi ! Chẳng có gì khiến chàng nhụt bước hiên ngang. Tin tưởng mãnh-liệt vào tiền đồ dân-tộc, vào anh-linh của tiền-

nhân, vào tương-lai xứ-sở
chàng can-đảm tiến trong vòng
lửa đạn, tung hoành khắp bốn
phương để làm tròn bốn phận
nam-nhi.

*Thân nọ vẫn còn, còn sự nghiệp
Dù bao nguy hiểm sá gì đâu*
(P.B.C)

Làm trai, nếu gặp cơn quốc
biến, gặp lúc nguy cơ mà lòng còn
dũng-cảm, chí không sờn; tất
việc lớn thế nào cũng sẽ có ngày
thành đạt. Chàng đem hết tài-
năng, trí-dùng ra hoạt-động
không phải vì tư-lợi hay danh
vọng nhỏ-nhen, mà chỉ vì dân,
vì nước. Và chàng cũng chỉ
muốn:

Làm cho rõ tu-mi nam-tử.

Rồi thì, khi:

Sài lang hăm tổ đẹp tan-tành (TĐ)

Chàng trở về, coi như nợ làm
trai đã trả xong, lòng lâng lâng
thanh thoát

*Nợ tang bồng trang trắng võ tayreo
Thành-thời thơ túi, rượu bầu*
(N.C.T.)

Lúc đó không để cho môi vinh
hoa phú-quí làm hoen-ố lòng
mình, chàng đi tìm an-nhàn siêu
thoát trong túi thơ, bầu rượu.
Hành-động ấy quả là hành-động

cao đẹp của bậc quân-tử hơn
người.

Giúp chàng thành công, nàng
thiếu nữ Việt Nam cũng tỏ ra
rất đáng khen, với những đức
tính cao quý hiếm có: nhẫn-
nại, hy sinh.

Nàng đã can đảm chịu đựng
mọi gian lao của kiếp chinh phụ,
khuyến khích chàng hăng hái ra
trận tuyến:

Anh ơi! phải lĩnh thì đi,

Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi
(C.D.)

Và còn can đảm, nhẫn nhủ
chàng hãy làm tròn trách nhiệm,
đừng bận tâm đến việc nhà mà
sao nhãng bốn phận tu mi:

Anh ơi! giữ lấy việc công,

Để em cày cấy mặc lòng em đây
(C.D.)

Lời nàng tuy thô sơ, mộc-
mạc, nhưng đượm bao tình ý
tha thiết, chân-thành. Ở nhà,
mẹ già, con thơ, gia đình, một
tay nàng chăm sóc, đảm đương
thay chàng không để thiếu sót
điều gì.

Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam,

Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ
thần

Nay một thân nuôi già, dạy trẻ
(Đ.T.Đ.)

Nàng đã ý thức được trách-
nhiệm quan trọng của chàng và
cả của mình trong cơn quốc
biến. "Giặc đến nhà đàn bà
cũng đánh"! Nàng không tham
gia trực tiếp bằng cách đánh giặc
ngoài chiến trận, thì nàng tham-
gia cách gián-tiếp mà hữu-hiệu
bằng sự khuyến-khích chàng,
lo chu tất mọi việc gia đình
để chàng yên tâm xông pha
trong vòng tên đạn, đánh đuổi
quân thù. Đó cũng là một cách
biểu dương tinh-thần ái-quốc
của phụ-nữ Việt-Nam. Như thế

trách sao chàng không phần khởi
ý-chí không hào-hùng?

Đến nay, trải mấy nghìn năm,
tinh-thần anh-dũng của những
người Việt vì quê hương vẫn
còn trong sáng như sương tuyết
khí-phách muôn đời còn rạng-
rỡ với núi sông.

*Tinh thần hai chữ phao sương tuyết
Khí phách ngàn thu rõ núi non*
(N.Đ.C.)



Tháng XII/39

TỪ-QUYÊN

ĐẶNG-VĂN-NHÂM

* LÒNG NHƠN-ĐẠO

Một ông Giáo-sư luân-lý thường hay nói đạo-đức với học trò.
Một hôm nhân bài « Ta nên giúp người nghèo đói », ông Giáo sư kể
chuyện sau đây:

— Hôm nọ tôi đến tiệm cơm tây ở đầu đường Phạm-ngũ-Lão, tôi
rất đau lòng thấy một ông ăn mày ốm yếu nằm trước cửa tiệm, thoi-thóp
thở, sắp chết. Thế mà chẳng ai có lòng nhân-đạo kêu xe đưa ông vào nhà
thương thí. Tôi vào tiệm ăn cơm. Một giờ sau, tôi ra về, vẫn thấy ông
già nằm hấp-hối trên lề đường, chẳng ai làm phước đưa ông vào
bệnh viện.

Các em thấy không, người đời nay chỉ sống ích kỷ chẳng còn ai có
lòng nhân đạo nữa.

Một học sinh đứng dậy hỏi:

— Thưa thầy, sao thầy không kêu xe đưa ông già đau khổ đó vào
nhà thương?

Thầy giáo thân nhiên đáp:

— Tôi há? Tôi muốn làm việc nhơn đức đó lắm chứ, nhưng
hôm ấy tôi mắc đưa vợ tôi đi coi ci-nê.

C.

Giải Nobel Văn - chương 1957

ALBERT CAMUS



đã chết

Ban giám-khảo quốc-tế của giải Nobel đã tuyên-dương giá-trị của quyển « *La Peste* » như sau đây :

« Một tác phẩm quan-trọng làm sáng tỏ các vấn-đề hiện đang rạo-rực trong lương-tâm loài người ». (Une œuvre importante qui met en lumière les problèmes qui se posent de nos jours à la conscience des hommes).



H À Văn sĩ Pháp, Albert Camus là một văn hào quốc-tế. Quyển tiểu-thuyết « *La Peste* » (Bệnh dịch chuột) của ông, được giải-thưởng Nobel 1957, và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, là một tiếng kêu của lương-tâm loài người chống lại những trái-ngược của xã-hội.

Sinh ngày 7 tháng 11 năm 1913 tại Algérie, Albert Camus lúc thiếu-thời khổ sở lắm. Nhà nghèo, cậu học-sinh Camus phải chịu đựng nhiều hy sinh lắm mới thi đậu bằng Tú-tài ở Alger rồi phải kiếm việc làm để có tiền mua sách và học thêm bậc Đại-học. Nhờ có chí như vậy, Camus mới thi đỗ Cử-nhân Triết-học, rồi đỗ Tiến-sĩ. Ông dự-bị thi Thạc-sĩ Triết-học thì mắc bệnh lao và đành bỏ dở

ALBERT CAMUS ĐÃ CHẾT

đang khoa-cử. Mấy năm trước Đại chiến, với một nhóm Trí-thức, ông lập ra một ban kịch nhưng vở kịch của ông có khuynh hướng cách-mạng nên bị kiểm duyệt cấm, (1938). Ông đi du-lịch các nước Ý, Áo, Tiệp khắc, rồi trở về Alger ông viết báo. Vì có tư-tưởng cách-mạng xã hội, nên ông không làm việc cho chính-phủ thuộc địa, chỉ quyết dùng văn-chương mà phổ biến tư-tưởng cách-mạng, và phục-vụ cho Công-lý Xã-hội. Ông viết cho tờ *Alger Républicain* (Alger Cộng hòa). Thời kỳ chiến-tranh, ông viết cho tờ *Combat* (chiến đấu). Những bài xã-thuyết của ông trên tờ báo này đã làm cho ông nổi tiếng trong nước, và đã gây cho ông được một uy-tín lớn đối với dân chúng, và trong đám trí-thức. Hết chiến tranh, 1945, ông thôi viết báo chính trị, để chuyên về văn-hóa. Đến năm 1956, ông bỏ hẳn nghề làm báo, chỉ lo viết sách. Ông xuất bản các tiểu-thuyết : *La peste*, *L'Etranger*, *le Mythe de Sisyphe*, *le Rebelle*, *La Chute*. Ông dịch quyển *Les Possédés* của Dostoievski, đem diễn trên sân khấu.

Tất cả các sách của ông đều

có một khuynh-hướng : mô tả những cảnh trái-ngược của xã-hội, những cảnh vô-lý (absurde) và đề cao những kẻ nghèo khổ, kêu gọi Công-lý.

Nhưng ông muốn sự Công-lý hoàn toàn của con người, Công lý trong lương-tâm loài người, cho nên ông không tán-thành chủ-trương độc-tài của Cộng-Sản, và vì vậy mà ông chống lại nhà văn Jean Paul Sartre là bạn cũ của ông, mà ông cho là để cho Cộng Sản lợi-dụng. (J. P. Sartre về sau này cũng đã rời bỏ Cộng-Sản). Hôm được tin Albert Camus chết, chính J. P. Sartre viết một bài dài để thổ-lộ cảm-tưởng của ông với người bạn vừa quá-cổ, đầy những lời khen tặng và cảm-phục hoàn-toàn.

Albert Camus chết hồi 2 giờ 30 phút chiều ngày 4 tháng 1 năm 1960, trong một tai nạn xe hơi hết sức rủi ro ở Yonne, Pháp. Chiếc xe hơi đang chạy vùn vụt trên đường trường, bỗng bánh trước bị nổ, xe đâm vào góc cây, bị bể nát tan-tành. Albert Camus ngồi cạnh người bạn lái xe, chết liền tại chỗ.

Ông mới có 47 tuổi.



Được tin Albert Camus chết báo chí quốc tế đều đăng tin và chia buồn rất cảm động. Ngoài các báo Pháp và các nhà Văn Pháp, người ta đọc những bài cảm-xúc của các nhà văn và các báo chí Thế-giới, của Thi-Sĩ Ý QUASIMODO (giải Nobel Văn - chương 1959), nhà văn MORAVIA (Ý), Thi-sĩ GIUSEPPE UNGARETTI (Ý), các nhà Văn sĩ Thi sĩ, Thụy-Điển, Na-Uy, Anh, Đức, Y-pha-Nho, Mỹ, Nhật-bổn, Triều-Tiên, v.v...

Các bạn có ngạc-nhiên chăng nếu các bạn biết rằng hai quyển tiểu thuyết *La Peste* và *L'Etranger* của Albert Camus, đã bán được 1.200.000 cuốn ở Nhật-bổn?

Một văn tài được cả Thế-giới ham chuộng như thế mà đã vội lìa bỏ cuộc đời và cả sự-nghiệp tư - tưởng, thật đáng thương thay!

Tất cả những Thanh-niên và trí-thức Việt-nam đã đọc Albert Camus, đều buồn-ngủi thương xót. Giữa thời-đại vật chất hoành hành, các giác-quan bị trụy-lạc, mà một đào chớp bóng lả lờ như Brigitte Bardot, một chàng nhảy-nhót cuồng-loạn như Elvis Presley; được các loại báo chí tôn sùng như Thần thánh của Thế-kỷ, người ta có quyền thất vọng khi một nhà Văn của thanh niên có tư-tưởng và của xã-hội loài người bị bao nhiêu bất-công đè ngập khắp cả, khi nhà văn ấy đã chết một cách đột ngột, vô-lý, *absurde* (như Albert Camus đã nói) giữa lúc tài hoa đang nảy nở!

Sau đây, chúng tôi xin trích dịch một đoạn văn của Albert Camus trong quyển *La Peste* (Nobel 1957).

(★ Xem bài «Mình ơi!»)

NGUYỄN.VỸ



★ GIÀY CAO GÓT

Đố bạn biết ai bày ra kiểu giày cao gót?

— Đó là một bà có một người tình-nhơn cứ ưa hôn trên trán.

M. H. C

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 27)

Hải-Lâm với giọng đầy nước mắt đáp:

— Nhưng mà... em không đành tâm bỏ tiêu-thư đây mà đi...

— Tại sao, chứ?

— Tại em yêu tiêu-thư!

— Thế, em không yêu anh, hay sao?

— Em cũng yêu cả anh nữa!... Nếu anh muốn em xa tiêu-thư thì, trước hết ta phải đợi cho tiêu-thư

khỏi hẳn bệnh đã... hoặc giả...

Tôi ngắt lời cô, nói như kêu lên:

— Hoặc giả, đợi cho tiêu-thư chết quách đi đã, phải không?

— Anh chớ nên nặng lời như vậy. Anh nên nhớ cho rằng, em đã yêu tiêu-thư trước khi biết anh... bây giờ yêu anh, em không nỡ lòng nào bỏ tiêu-thư, làm như vậy, cái tâm tình của em còn có

một giá-trị gì nữa ?

— Ừ, thế, anh hỏi em nhá, anh yêu em mà phải xa em, rồi đây, vì sự chia lìa đó, mà anh đau khổ, anh khô gan, héo ruột, anh ốm, anh chết, thì em bảo sao ? Không, không, Hải-Lan, em phải nghe anh, mà mau mau đi ra khỏi nơi đây. Nếu em cứ ngang ngạnh ở lại đây, em cũng đến chết mòn trong cái hoàn cảnh bi đát, sầu thảm này, chứ chẳng không ! Em thử ôn lại xem, cái cuộc sinh-hoạt ở đây nó tẻ lạnh, u-tối, đến như thế nào ?

Này nhá, gia-đình gì, mà, suốt từ sáng cho tới chiều, từ chiều cho tới tối, chẳng nghe thấy một tiếng nói, tiếng cười, chẳng có bóng người đi lại; lúc nào cũng ắng-lặng, vắng-vẽ, như chùa Bà Đanh. Cả một sở vườn hoa, to, đẹp, chẳng có lấy một người đi tản-bộ; cả một cái sân-đường to, rộng, chỉ chứa toàn những hình tượng và tranh vẽ của các tiên-tô họ Thê-tư-Lăng; cả một phòng chứa đầy những tủ sách, mà chẳng thấy ai rút ra, dở ra một cuốn nào, để đọc bao giờ; và một lũ người chúng ta, chỉ, ngày ngày, bận rộn lau chùi, quét dọn,

hết lớp bụi này, rồi lại đợi tới lớp bụi khác ! Tại sao, và để làm gì, mà chúng ta bị giam-cầm ở nơi ngục thất này ? Có phải, để đem lại sự thư-thích, sự yên - vui cho lão-gia và thái-thái và tiểu thư Thê - tư - Lăng, hay không ? Không phải, trăm lần không phải, thế, ngàn lần không phải vậy; hoặc chỉ vì cái danh - tự của cái thế-gia Thê-tư-Lăng; hoặc chỉ vì cái hư-danh của cái vọng-tộc của một lũ người đã chết từ bao đời nay ! Phải, hơn hai chục con người, với sinh-mệnh và thanh-xuân của họ, đương chết dần ở nơi đây. Họ bị chôn sống trong cái mồ nguy-nga, trắng lè, quý phái này, mà họ không hay, không biết. Giá ví thử, con cái, cháu, chắt của dòng họ Thê-tư-Lăng, chịu hy - sinh trọn sinh-mệnh và thanh-xuân, để rồi, mai ngày, sẽ có họa - tượng treo tại sân-đường, thì nó cũng cam; đằng này, chúng ta chẳng có một tí, một ly, dây mơ, rễ má gì, với dòng họ Thê-tư-Lăng cả mà sao chúng ta phải tự-hủy, tự-khi, như vậy, kia chứ ? ...

— Thôi, thôi, xin anh đừng nói nữa...

— À, thế, nghĩa là, hể mai

đây, anh dời bỏ nơi đây, em sẽ cũng đi theo anh, phải không ? Hay, em cứ cố-tình ở lại đây với tiểu-thư Thê-tư-Lăng, thì em cứ nói phút đi !

Hải-Lan lặng-thình, không đáp. Mãi một lúc sau, cô mới hỏi tôi :

— Ừ, em không hiểu, tại sao, anh lại đến đây làm gì ?

— Đó chỉ là số-mệnh ! Mà có lẽ, một phần lớn, là anh vì những cái bản cổ-thư quý giá kia, mà đến làm việc ở đây; anh có ngờ đâu, cái biệt-thự hữu danh này, lại có thể là một cái phần-mộ, anh lại cũng có ngờ đâu, trong cái phần-mộ này, lại có một vị thiên thần là em, là Hải-Lan của anh !

Hải-Lan vẫn yên lặng, suy-nghĩ. Tôi lại nói như cầu - khẩn, như van-lơn :

— Hải-Lan, em ! Em đừng trì nghi nữa, em hãy tin ở tấm lòng anh yêu em; anh quyết tâm đem hạnh-phúc lại cho em ! Hải-Lan ?

Cô thở dài một cách vô cùng náo-nuột và nói :

— Trời ơi ! anh làm khổ em, anh có biết rằng anh đang dày vò em, đến mức nào không ? Thôi, anh hãy đi xuống đi !

— Nhưng, em định thế nào,

mới được chứ ?

— Anh đi xuống đi ! Anh cứ về phòng anh đi !

— Không, anh muốn em trả lời anh đi đã, em nói đi ...

— Trời ơi ! Anh nở lòng nào bức em như vậy, anh phải để cho em suy nghĩ đã chứ.

Cô bắt đầu tấm tức khóc và cô nói trong nước mắt :

— Anh hãy cứ về phòng anh đi... Nếu anh yêu em, anh đừng làm cho em đau khổ thêm nữa, anh đi xuống đi ... Tiểu thư... Tiểu thư...

Tôi bèn trở xuống, và về phòng, ngồi chờ người ra, ở ghế sofa. Tôi có cái cảm giác đương ở trong một giấc mơ kỳ-quái, nó làm cho tôi đâm ra mê-vong thực sự, chứ chẳng không.

Do mấy tháng gần đây, tôi nhận thấy rõ, quả Bạch Tàn có đôi khác. Trong thâm tâm nàng, hình như nàng cũng muốn thoát ly cái gia đình 'cổ bảo' của nàng đấy, nhưng, chỉ vì sự hưởng thụ bao nhiêu cái tiện nghi về vật chất, mà nàng vẫn không thể nào rời khỏi nơi đây. Tuy cái nhiệt hỏa

của tuổi xuân của nàng, nó bùng bùng cháy trong người nàng, nhưng hoàn cảnh đó, trái lại, vốn lại là một thùng băng giá, nó cứ ngang nhiên, tưới tắt hết. Nàng không phải không có lý tưởng và luôn luôn, nàng tìm phương, để thực hiện, nhưng cái sức mạnh của mấy trăm năm truyền thống đã tạo nên một hoàn cảnh cố định với bao nhiêu rế cái, rế con, đã vây bó chắc lấy nàng; bởi vậy, nàng cũng khó mà biến cải được một cách dễ dàng.

Nàng đã đọc qua rất nhiều tiểu thuyết, thi ca, cho nên, đối với cái "đẹp", với "ái luyến", cùng là cái "bộ mặt thực của cuộc sống", nàng đã thấu góp được một mớ những lý tưởng khá cao thâm và phong phú. Tuy nhiên, trong cái khung cảnh hắc ám này, ngấn ấy lý tưởng và rất nhiều tình tự lãng mạn, không thể nào biểu hiện được, để làm thỏa mãn nỗi dục niệm của nàng. Nàng chỉ chứa tích nó ở trong lòng, để rồi, nó phá phách, mà làm cả cái cuộc sinh hoạt của nàng mất hẳn sự quân hoà và sự bình tĩnh. Lại còn cái tuổi của nàng, cái tuổi đương độ thanh xuân hơ hớ, nó đòi hỏi một cách gắt gao, sự yêu-

đương, trì mến. Trong khi đang khao khát một tình yêu thuần khiết, ngay đến yêu thương của nàng, cũng làm cho nàng thất vọng nốt. Cái danh từ Thê-tư-Lăng vốn là cả một sự vinh quang cho nàng, ấy thế mà, nàng hết sức dẫu diễm, nhất định không cho ai rõ danh, tính, thật, như thế, là nghĩa làm sao? Tôi nhận thấy, ở tâm não nàng, có rất nhiều sự mâu thuẫn, bởi vậy, tôi phải thận trọng đối với những lời phê bình về nàng. Còn cái phản ứng của nàng về cái màn kịch mà Hải-Lan và tôi đã đóng vừa rồi, không rõ, nó có đưa chúng tôi đến một sự bất ngờ, nào chăng? Thôi, ta hãy đợi đến sáng mai, xem bản báo cáo của Hải-Lan ra thế nào, cái đã?

Có một việc đã làm cho lòng tôi bỗng nhiên, bị chuyển động đến cực điểm. Đó là cái tài đóng kịch của Hải-Lan. Người ta vẫn thường nói: "lộng giả thành chân" quả thật không sai, đùa quá, hóa thiệt. Tôi không ngờ, cái thiên tài diễn kịch của cô, đã mê hoặc tôi, mà làm cho tôi bồi hồi, hoảng hốt, y như chính tôi, tôi đã đem hết nhiệt tâm ra để cố quyến rũ cô và định tâm

đem cô đi khỏi nơi đây, vậy. Thiệt là chết tôi rồi! Tôi đã bị xúc động tới một mức không sao chịu nổi, khi tôi nghĩ tới sự chia tay nay mai, giữa Hải-Lan và tôi. Tôi đâm bồn-chồn như người ngồi lên một đồng lửa, vậy!

Ngoài kia, trời mưa nặng hạt; cái thanh âm rì-rào đó lại càng làm cho cái hoàn-cảnh này thêm phần ảm-đạm, thê-lương. Tôi không thể nào tự lừa-dối nổi tôi nữa rồi, sự đau khổ đang xâm-lấn lấy tâm-não tôi, và giày-vò tôi. Mà, cái người gieo-rắc nỗi âu-sầu và thất-vọng vào lòng tôi, chính là Hải-Lan! Lại thay, là cái cảnh tình này. Tuy cái màn kịch kia do một tay tôi viết ra, và khi viết, quả tôi không hề có mây-may dục-niệm quyến-rũ cô

đi theo tôi, ấy vậy mà lúc nghe cô cự-tuyệt lời thỉnh cầu của tôi, bỗng, tôi thấy vô-cùng chua-xót, đau buồn, ấy cũng chỉ tại cô đã biểu-diễn rất đời là bức chân, mà lòng tôi xao-xuyến. Sự giả-đồ mà còn ảnh hưởng tai-hại nhường ấy vào nếp sống bình-thản của tôi, nên tôi tự-hỏi, rồi đây, tôi sẽ cùng cô chia tay thật, thì tôi sẽ ra sao?

Bỗng, đột-nhiên, có ánh đèn chiếu qua cửa sổ, tôi như người đương ngủ mơ, chợt tỉnh. Tôi đứng lên tức khắc, để đi ra phía cửa sổ, thì, có tiếng gõ cửa. Tôi vội quay ra, mở cửa. Hải-Lan hốt-hoảng nói ngay:

— Tiểu-thư đã một mình, đánh xe đi!

(còn tiếp)

★ ĐI HỌC TRẺ

Thầy-giáo lớp đệ thất mắng cậu học-trò sáng nào cũng đi học trễ. Trò đáp:

— Thưa thầy, ở nhà em có hai người chị lớn mà chỉ có một phòng rửa mặt. Nếu thầy ở địa vị một thằng em như em, thầy muốn đi học buổi sáng cho đúng giờ có được không?

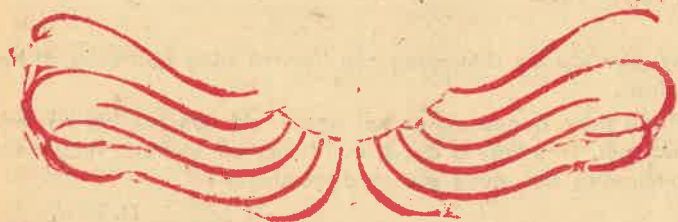
M. H. C.

Mình ơi!

MỘT ĐOẠN VĂN
TRONG QUYỀN

BỆNH DỊCH CHUỘT
(LA PESTE)

được giải Nobel 1957
của **ALBERT CAMUS**



INH ơi!



Thiệt kỳ-cục
cho hai vợ
chồng ông Tú
bà Tú nhà này
cứ « Mình ơi! »
hoài-hủy suốt
ngày! Lần này

lại chính ông Tú gọi bà đang lúc
bà cầm chổi quét vôi hột dừa
mà các bạn hữu đến chơi Tết,
ăn vứt bữa-bãi ngập cả sân nhà.

Ông Tú, một tay cầm quyền
sách, một tay nâng ly nước-đá-
cạnh lên uống, xong rồi đặt ly
xuống bàn, nói tiếp:

— Mình xem chuyện này có lạ
không: Năm mới, là năm con
Chuột, anh nhắm mắt rút đại
trong tủ sách ra một quyển đề
bói đầu năm, ai đề lại trùng
ngay quyển « La Peste », là « Bệnh
Dịch Chuột »? Thế là Mình bảo
điềm hên, hay điềm xui?

Bà Tú ngần-ngại một lúc, rồi
mỉm cười đáp:

— Nếu là người khác thì có
lẽ là xui xẻo lắm đấy, nhưng
vội Mình thì chắc chắn là hên.

Ông Tú biết bà Tú rất yêu
chồng, lúc nào cũng chỉ nói
toàn chuyện tốt cho chồng, chớ
đầu năm gặp phải quyển tiêu-
thuyết *Bệnh Dịch Chuột* mà bảo
là điềm hên là hên làm sao?
Ông lại nói:

— Lại còn thế này nữa, Mình
à: tác-giả quyển truyện « *Bệnh
Dịch Chuột* » này là Albert Camus,
nhà Văn-sĩ Pháp được

giải Văn-Chương quốc-tế của
Nobel năm 1957, lại vừa mới
chết hôm 4 Janvier, là mồng 6
tháng Chạp ta! Thế là mình
bảo điềm lành hay điềm dữ?

Bà Tú vẫn cười duyên-dáng:
— Điềm lành.

Bà Tú coi bộ ốm nhgén, mệt-
nhọc, bỏ chổi xuống, đến ngồi
bệt trên sàng gạch hoa sát cạnh
võng. Bà âu yếm nghiêng đầu
dựa lên vai chồng, khẽ bảo:

— Lành hay dữ, em ở bên
cạnh mình là em không có gì
lo ngại hết. Em chỉ thích Mình
dịch một đoạn văn của Albert
Camus cho em nghe. Văn ông
ấy hay như thế nào mà được
giải thưởng Nobel, hả mình?

Ông Tú mân-mê quyển sách:

— Sách dày 337 trang, anh
biết lựa đoạn nào hay mà dịch
cho mình nghe?

— Chớ Mình chưa đọc nó
rồi sao?

— Đọc rồi, nhưng...

— Sách xuất bản năm nào,
hả Mình?

— 1947.

— Mình đưa sách đây em, em
mở trúng trang nào thì Mình
dịch trang đó nhé.

Bà Tú lấy quyển sách rồi tìm
tìm cười, nhắm mắt lật ra trúng
trang 49:

— Nè, Mình dịch hết trang
này cho em nghe. Nội một trang
đó cũng đủ phô-diễn văn-chương
của Nhà Văn như thế nào rồi,
không cần đọc nhiều, phải

không mình ? Trước hết, Minh tóm tắt cho em hiểu cốt truyện đã, rồi Minh hãy dịch nguyên một trang để xem lối hành-văn và tư-tưởng của một nhà Văn-sĩ trú-danh được giải thưởng Văn - chương Quốc-tế. .

— Cốt truyện không có gì gai cấn. « Bệnh Dịch Chuột », không phải là quyền tiểu-thuyết. Đúng hơn, đây là một loại ký sự hồi-ký. Tác-giả tường thuật tỷ-mỷ thời-kỳ thành phố Oran, của thuộc-địa Pháp ở Bắc-phi, bị bệnh dịch chuột làm chết hại hàng ngàn vạn con chuột và con người, trong một thời-gian ngắn chỉ có thể thôi.

— Truyện như thế thì có gì hay ho đâu ?

— Anh đã bảo không có cốt truyện, vì đây là quyền hồi ký, hay là một ký-sự, thuật lại những việc đã xảy ra trong trận Dịch-Chuột truyền-nhiễm kinh-khủng ở Oran năm 1946. Nhưng lối diễn tả rất tế-nhị của tác-giả, và tư-tưởng động cơ của người thuật truyện, mượn biển cổ đó để phác-họa tâm-tinh của con người, đã làm cho câu chuyện đầy ý-nghĩa hấp-dẫn, và những nhận xét về tâm - lý xã hội, tâm-ly mỗi hạng người trong xã-hội. Đây mình nghe nhé. Anh cố gắng dịch theo đúng nguyên văn của Albert Camus, trang 49 :

« Tai họa là một việc rất thường, nhưng đến lúc nó đổ xuống đầu, người ta vẫn chưa tin là có tai-họa. Từ xưa trên thế-giới đã có bao nhiêu lần chiến tranh, là bấy nhiêu lần bị Bệnh Dịch-Chuột. Vậy mà khi chiến-tranh bùng nổ cũng như khi Dịch-Chuột xảy ra, thì ai nấy cũng chỉ ngo-ngác, nhưng không có vẻ quan-tâm lắm.

Bác-sĩ Rieux (nhân vật trong truyện) cũng ngo-ngác, như tất cả nhân-dân trong thành-phố, cho nên chúng ta mới thấy ông hơi băn-khoăn, lo ngại thôi. Khi một chiến-tranh xảy ra, dân chúng thường bảo nhau : « Chắc không lâu đâu. Chém giết nhau đâu phải chuyện hay ho gì ! » Vâng, chiến-tranh có hay ho gì đâu, nhưng không phải vì vậy mà nó không dai-dẳng năm này qua năm nọ.

Bởi vì trong dân chúng, ai cũng chỉ nghĩ đến riêng mình, không ai tin rằng mình vô tội thế này, mình làm ăn lương-thiện thế này, chả lẽ bỗng dưng mình bị tai-họa hay sao ? Không ai tin rằng có tai họa, cho nên ai cũng nghĩ rằng tai họa là chuyện không thể có thật, chỉ là một ác-mộng, nó sẽ qua khỏi.

Nhưng tai họa không qua khỏi và từ ác mộng này đến ác mộng khác, loài người cứ chết dần, và chính những kẻ càng tin nơi mình, bởi không đề phòng, nên càng chết mau lẹ.

Họ cứ tiếp tục lo buôn bán sinh-hoạt, họ dự-bị đi du-lịch chỗ này chỗ kia, họ thảo-luận về các vấn đề này nọ. Như thế bảo họ nghĩ đến Bệnh Dịch làm sao được ? Có lẽ nào bỗng dưng Bệnh Dịch nổ bùng ra để chấm dứt các cuộc hoạt động buôn bán, các cuộc dự bị du lịch, các cuộc nhóm họp tranh luận của họ hay sao ? Ai cũng tưởng mình đang sống tự-do, chớ không có ai lo nghĩ rằng sẽ có tai họa và sẽ chẳng có ai được sống tự-do cả !

Chính Bác sĩ Rieux đã thấy chín mươi người bị bệnh Dịch-Chuột lần lượt ra chết, vậy mà ông cũng cứ cho rằng chưa phải thật là Bệnh Dịch Chuột. Đành rằng ông vẫn lo sợ. Ông cố nhớ lại trong lịch sử loài người đã có trên ba chục trận Dịch Chuột kinh-khủng làm chết hàng trên trăm triệu người. Nhưng con số một vài trăm triệu người chết, có nghĩa lý gì đâu. Ai đã đi

đánh giặc, đều biết cái giá trị của một xác chết, không đáng đếm xỉa. Vậy thì một vài trăm triệu người chết nằm rải rác trong Lịch sử chỉ là một làn khói mờ trong trí tưởng-tượng mà thôi.

Bác sĩ nhớ lại trận Dịch Chuột ở Constantinople đã làm cho mười ngàn người chết trong một ngày, theo lời Văn-sĩ Procope. Nhưng mười ngàn người thì cũng như năm lần đám người đi coi chớp bóng ở một rạp xi-nê lớn thế thôi. Thí dụ người ta lừa hết đám khán-giả của năm rạp chớp bóng lớn, đến một công trường trong thành phố để rồi người ta bắn cho chết hết. Ta hãy thử tưởng tượng đồng xác người đó thì mới thấy rõ số mười ngàn người chết...

Nhưng Bác sĩ Rieux cứ nghĩ rằng chín mươi người chết vì bệnh Dịch Chuột chưa hẳn là đã có bệnh Dịch Chuột thật sự. Chỉ nên đề phòng mà thôi. Bác-sĩ đứng nhìn ra cửa sổ. Ngoài trời thì mùa Xuân tươi đẹp, trong phòng của ông thì vắng-vắng ba tiếng : Bệnh Dịch Chuột... Nhưng dân-chúng vẫn sinh hoạt yên tĩnh. Tiếng còi tàu điện vẫn rú lên ngoài đường. Tiếng của máy cưa xướng gỗ bên cạnh vẫn

hầu xạc xạc... đều đều. Bao nhiêu tiếng khác của thành phố vẫn vang động như mọi ngày. Ai mà tin rằng tai-họa lớn-lao, Bệnh Dịch Chuột, hay chiến tranh, đang ngăm ngăm chuẩn bị để tiêu diệt cả cuộc sống từng bừng náo nhiệt ấy !... »

Ông Tú bỏ sách xuống, ngoà bà Tú :

— Mình có thấy trong một trang sách đó, có cái gì lạ không ?

Bà Tú cười :

— Có bệnh dịch-chuột !

— Mình thấy rằng tác-giả chép một quyển ký-sự hồi ký, mà đây chỉ là một trang ở chương mở đầu. Nhưng tác-giả đã gọi được cho chúng ta tưởng - tượng một tai họa lớn-lao, khủng - khiếp, đang bắt đầu xảy ra, và sắp tiêu diệt cả ba phần tư thành phố.

Chưa tả ra sự khủng-khiếp ấy như thế nào, tác-giả đã cho ta hồi-hộp lo-sợ trước, lo-sợ giữa cảnh náo-nhiệt từng-bừng hăng ngày của một dân-chúng cầm đầu cầm cổ lo công việc nuôi sống mình mà không ngờ rằng cuộc sống ấy sắp-sửa bị tiêu-tan một cách vô cùng-tàn-ác. Tai họa ghê gớm đang rình đó,

chính là bệnh dịch chuột, nói riêng ở thành-phố Oran, nhưng cũng chính là tai-họa chiến-tranh nói chung cho cả loài người ! Mình thấy không ?

— Vâng, em hiểu.

— Một trang sách đó đã gây cho chúng ta hồi-hộp lo sợ như thế, huống hồ đọc hết cả quyển « La Peste » (Bệnh Dịch Chuột) dày 337 trang (Nhà xuất bản Gallimard 1947) thì ta sẽ phân-vân thương-xót biết bao ! Thương xót cho số phận của con người sống trong Thời-dại này, thương-xót cho cả nhân-loại, thương-xót cho riêng mình : tất cả là nạn-nhân của một tai-họa nào đó, vô cùng kinh-dởm, đang rình-rập ta, mà ta không dè, không hay, không biết, không đề-phòng ! Chỉ lo sống, lo sống hăng ngày, lo đi tìm kiếm những hạnh-phúc vụn-vặt cá-nhân, để rồi sẽ lăn nhào hết vào đồng xác chết kia ! Đó, ý-nghĩa quyển La Peste, (Bệnh Dịch Chuột) của Albert Camus được giải thưởng Văn-chương Quốc-tế của Nobel năm 1957. Mình hiểu chưa ?

— Em hiểu. Hôm nào rồi, Mình giải-giải thêm nhiều nữa về triết-lý trong quyển sách ấy cho em nghe nhé. Hình như Mình nói chưa hết phải không ?

— Vâng, chưa hết. Anh có thể tóm tắt cả quyển La Peste với hai danh-từ bằng Pháp-ngữ :

Humanisme và Absurdité, cô-động trong hầu hết các sách của Albert Camus, như L'Etranger, la Chute, le Malentendu, l'Envers et l'Endroit, v.v...

— Hai danh-từ kia nghĩa là gì, hả Minh ?

— 1) Humanisme, có thể dịch ra tiếng ta là nhân-văn chủ-nghĩa một chủ-trương triết-học, bài-bác cái huyền-vi của tạo-hóa, và lấy nhân-loại làm đối-tượng để nghiên-cứu và nghị-luận. Chủ-trương theo cổ-học Hy-Lạp như nhóm Văn-sĩ Pháp hồi thời Văn-nghệ Phục-hưng (Renaissance), thế-kỷ XV. Học-thuyết này lấy CON NGƯỜI làm yếu-tố căn-bản để nhận-định mọi hành-vi, hoạt - động, tư - tưởng. Con người là tất cả, là chủ-động. Albert Camus chống lại thuyết ấy, cho là không phải. Loài người theo tư-tưởng của Camus chỉ là cỏ rác, khói bụi, đối với Thiên-nhiên.

2) Absurdité, có thể dịch ra Việt-ngữ, là sự phi-lý, phi-nghĩa, khó mà quan-niệm được. Camus cho rằng con người luôn luôn là nạn - nhân của thiên-nhiên (cả cái thiên - nhiên của con người) và đó là một điều phi-lý, con người khó mà hiểu được. Chính cái phi-lý ấy lại là cái chân-lý của con người.

(Cette absurdité est la vérité même de l'Homme). Mình hiểu không, hả Minh ?

— Em hiểu lắm.

— Quyển La Peste, cũng như sách khác của Camus, diễn-tả cái triết-lý giản-dị ấy, thế thôi. Và sau một trận Dịch-Chuột kinh-khủng, cũng như sau một cuộc chiến tranh tàn phá nhân-loại, chúng ta thấy rõ chân-lý ấy, cái chân-lý phi-lý của con người bị thiên-nhiên chi phối bởi Thiên-nhiên trường-cửu mãi (L'absurdité de l'Homme toujours aux prises avec la Nature qui, elle, ne périt pas). Mình hiểu chứ, Minh ?

— Vâng, em hiểu... Cũng như nói sự bất-lực của con người trước Thiên-nhiên vậy đó !

Bà Tú hoàn - toàn thỏa-mãn. Vì ông Tú đã trình-bày cho bà hiểu rõ Văn-sĩ Albert Camus là ai, quyển truyện Bệnh Dịch Chuột (la Peste) nói những gì, tại sao quyển ấy được giải thưởng Nobel, tại sao quyển ấy được dịch ra nhiều thứ tiếng, và được thế - giới hoan-nghe, và bà hiểu thêm một hai học thuyết trong Lịch sử tư-tưởng.

Bà Tú nũng - nịu kẻ khuôn mặt trái xoan lên mặt chồng, âu yếm nhìn vào đôi mắt của ông :

— Mình !

Ông Tú trầm-ngâm suy-nghĩ bên cạnh quyển sách « Bệnh Dịch Chuột »...



(Tiếp theo P. T. 25)

THẾ là Anh Tứ tập-tên bước vào làng Điện-Ảnh, với một tánh tình hiền-hậu, hồn nhiên chất phát, một nghị-lực sắt-đá. Ngay từ buổi đầu, anh đã tỏ thiện-chí của mình bằng cách phụ giúp tất cả mọi người. Anh có vẻ mến nghề và không so-đo hay tiếc rẽ thì giờ.

Đề cho anh có dịp làm quen với chiếc camera. Đạo-diễn đã giao phó cho anh một vai phụ không « oai » một tí nào : vai một tên tù binh. Anh vui vẻ nhận lời, không có một sự miễn-cường nào hiện ra bên khoe mắt hoặc trong lời nói hay cử-chỉ sau lưng Đạo-diễn. Các « tài tử non », khác thì đã kiêu có từ chối, viện lẽ này hay lẽ khác. Tôi biết AT muốn đi từ từ và quan-niệm điện-ảnh như một nghệ sĩ vậy.

★ THÁI-THÚC-ĐIỂN

Sau vai tù-binh tóc-tai lộn-xộn anh được giao thêm vai một tên Cai ngục. Vai này đáng lẽ phải là một chú Pháp chánh hiệu đóng. Nhưng căn cứ vào vóc-dạt vạm-vỡ, sống mũi cao thẳng của AT, Đạo-diễn tin chắc rằng AT sẽ đóng một cách tương tự và tận tình. Hóa-trang xong nghĩa là trông một bộ râu quai nón, mặc bộ treillis loang-lổ v.v. AT có vẻ Tây ra phết!

Rồi từ chú lính quèn đi gát tù-binh, AT lên chức « Đại - Ủy xi-nê », cố nhiên là khỏi cần ra trận lần nào cả. Ông Đại-Ủy này còn trẻ, mới bị phục-kích độ vài ba lần nên mặt mày chưa có sẹo. A.T. hiền-lành trong bộ nhung-phục, tiếng nói của anh ta ôn-tòn dễ truyền-cảm, ăn micro, động-tác đúng-mức đã

TÔI LÀM PHIM

chứng tỏ « nghệ-thuật diễn-xuất » của anh ta tiến-triển khá nhiều....

Tuy nhiên từ chỗ vai phụ đến vai chánh còn có nhiều đoạn trường. Đạo-diễn rất thận trọng và đôi lần tên A.T. cũng được nhắc đến nhưng họ còn nghi-ngờ... tài-nghệ của A.T. Vả đây là một cuốn phim 35 ly đầu tay của hãng nên cuộc tuyển-lựa tài-tử có phần khe-khắc. Đạo-diễn và Giám-Đốc sản-xuất lo-âu, mời hầu hết cả « tài-tử » có thành-tích đến phim-trường đóng thử, A.T. vẫn nhẫn-nại chờ đợi... phụ-giúp vào công - cuộc tuyển-chọn một cách sốt-sắng : hóa trang, y phục, nhắc vai v.v.

Những buổi tuyển-lựa ấy rất sóng gió, sôi nổi. Rốt cuộc Giám-Đốc sản xuất năn-chỉ lắc-đầu. Những « tài tử » hoặc vì diễn xuất quá « kịch », hay không thích hợp không làm cho ông ta thoải-mái tí-nào. Tên AT một lần được nêu ra và A.T. đóng thử. Có lẽ anh rút kinh-nghiem ở những cái thất-bại của đồng-nghiep, nên anh đóng rất xuất-sắc thật không ngờ ! Anh liền được giao-phó vai Hùng. Vai này cần phải hiểu biết một đôi tý võ thuật (như môn Judo chẳng hạn). Và nhất là một sức bền dẻo gần như là một chiến-sĩ, vì có trình-bày một cảnh ở trận-tiền, mà vai Hùng phải xông-xáo, bò lăn, chạy, nhảy, v.v..

A.T. được nhắc chừng trước và từ đó AT tập dượt rất kỹ-càng công-phu như các lực-sĩ trước ngày Vận-Động-Hội.

Tôi còn nhớ bàn tay của A.T. hơi run run khi cầm lấy tập đối thoại. Nét mặt hân hoan mà anh ta làm cho tôi cảm-động. Tôi đặt tay lên vai A.T. nói :

— Cố gắng đi A.T. ! Cần giữ thân-hình cân-đối và trau dồi diễn-xuất.

Và A.T. đã leo lên nấc thang thứ nhất đưa A.T. đến các cuốn phim khác như Ràng Buộc, Bích cầu, v. v... Tuy nhiên A.T. vẫn trầm mặc không tỏ vẻ tự cao tự đại như bao « tài-tử » khác...

Một đêm tôi vừa ráp xong một đoạn phim, lúc đó vào độ 2 giờ sáng. Tôi bước ra sân nghĩ thử một chốc. Tôi thoáng thấy ở góc sân một cái bóng đen đang loay hoay trong tối. Ngỡ là một tên đạo chích đang bê đồ, tôi lặng-lẽ đi lấy đèn bấm, đột-nhiên soi ngay vào chỗ ấy. Thi...

Tôi nhận ra là Anh-Tứ đánh trần trùng-trục đang lui-húi trợn cát, xi-măng, đá sỏi bên cạnh hai chiếc vòng sắt đặt cẩn-thận lên hai tờ giấy lớn.

— Làm gì đó A.T. ? Bộ muốn học làm thợ hồ hả ?

— Đúc « poa » ! bác ạ ! A.T. vừa trả lời vừa cười...

Tôi nhìn anh đồ xi-măng vào khuôn một cách chậm rãi và thoáng có ý-niệm là A.T. đang xây một tương-lai vững-chắc.

Tôi cảm-mến A.T. vô cùng! Cách sau đó vài hôm A.T. và Chú Còn tập cả đêm...

Một dạo, A.T. cứ chiều nào cũng vắng mặt từ 4 giờ trở đi. Ai cũng đề chừng anh ta lại bèn mùi, hẹn-hò với một cô nương nào rồi! Tôi cứ «phốt» đề xem A.T. làm cái trò gì đây! Vài tháng sau, lúc lên Dalat đề quay một đoạn chót của cuốn HTCD, trong một màn «dựng» tại sườn đồi, A.T. đến gần tôi nhỏ-nhe bảo với một vẻ e thẹn:

— Nếu màn này, bác cho A.T. cỡi ngựa phóng từ dưới đồi chạy lên thì có lẽ hay lắm!

— Thôi! cậu cứ đặt bày! Cậu biết cỡi hồi nào đâu, rủi què giò rồi ai đóng thế cho cậu đây? A.T. mỉm cười bí-mật.

Đến giờ phút nghỉ-ngoi. A.T. rào bước xuống đồi thay vì đến giải khát, bước nhanh vào một bụi rậm. Tôi uể-oải nằm dài trên cỏ không đề ý. Thì bỗng có tiếng ngựa từ xa vọng lại. Tôi hất cái mũ trên mặt nhìn ngoái lại thì thấy A.T. đang nằm rạp trên lưng một con ngựa phóng về phía tôi, rất nhanh.

T.V. vai đào chánh ngồi nhồm dậy hét lên:

— Chơi gì kỳ vậy, coi chừng ngựa đạp vớ chén bát hết cả!

A.T. dừng ngay con ngựa xúi bọt mép bên đoàn quay, nhảy xuống yên lẹ-làng như chớp, y như trong phim cao-bồi... làm

cho chúng tôi bật cười... hoan-hô hết mình!

— Tập hồi nào mà coi khá quá ta?

— Lúc A.T. còn ở Saigon kia lặn! Chiều nào...

Tôi chợt nhớ lại, té ra A.T. chiều nào cũng đi thuê ngựa đề tập cỡi. Thế mà ai cũng nghi oan cho anh ta vắng mặt đề đi o...

— Thế mà ai cũng bảo anh đi mùi-mắm... đâu có biết anh mùi-mắm với ngựa!

Cả làng cùng cười, T.V. cười nhiều nhất!

A.T. cũng cười, và nói:

— Bác xem cỡi vậy đã được, chưa bác?

— Tài dách rồi, nhưng đề ý coi chừng nó sa-liền nguy hiểm lắm ngheo!

T.V. nói:

— Thế nào cũng quay phim lịch-sử có cỡi ngựa, đánh kiếm... đề cho A.T. trở tài...

A.T. cũng như mọi thanh-niên khác có một vài cô bạn gái. Nhưng trong các cuộc gặp-gỡ «tâm-tinh» A.T. không đùa bỡn như các «tài-tử» khác, anh ta vẫn trầm-lặng, nói-năng y như một ông cụ già, thuyết luận-lý cho các cô. Anh ta thường cứ cho ra những châm ngôn mà các bà mẹ già dùng đề khuyên con. Do đó, tôi cảm thấy A.T. đã hấp-thụ một nền mẫu-giao sâu-sắc. Và lẽ cố-nhiên A.T. là một đứa con chi-hiếu.

Trong một cảnh phim HTCD.

có đoạn trình bày đưa con đi kháng-chiến lâu ngày trở về quê thăm mẹ. Đoạn ấy A.T. đóng khá xuất-sắc, nhất là khi bên cạnh bà mẹ đang quần-quại trên giường bệnh... A.T. đã có những động-tác tự-nhiên. Khi dăng đèn tắt, máy ngừng đề nghỉ trong chốc lát, anh em giải lao thì A.T. biến mất. Chúng tôi đợi mãi vẫn không thấy A.T. đến, liền chạy lên phòng tìm, thì bắt gặp A.T. đang nằm úp mặt lên gối khóc muối.

— Tại sao khóc A.T.?

— Nhớ mẹ già cô - quạnh! Đoạn phim này khiến cho tôi quá cảm-động ngăn không được nước mắt...

Hôm đó, ngay sau khi quay hết màn, A.T. xuống ra xe đồ về quê...

Tôi còn nhớ mãi cái đêm giao-thừa mà tiếng pháo vang dậy trên khắp đô-thành, tôi A.T. và Còn, một bác thợ Ráp tận-tụy, đang mãi-mê ráp nối nốt đoạn phim vừa quay xong tối qua...

A.T. nghe tiếng pháo sức nhớ đến cái gì xa-xôi bao giờ cũng, chỉ thể-hiện trong tâm-tư, ngồi thừ ra một lúc. Tôi hỏi:

— Nhớ nhà hả? Sáng mai về xông đất. Tôi cùng đi cho vui!

— Bác nói đúng. Chốc nữa chúng mình đốt nốt vài phong pháo... mừng Giao-Thừa! Bác! Còn vui về nói!

A.T. trầm trầm:

— Tiếng pháo làm cho A.T. nhớ đến một dạo xa xưa mà tiếng súng đã thay tiếng pháo vang trên khắp xóm làng và ngày đó là ngày Ba A.T. vĩnh biệt cuộc đời...

Trong sự im-lặng của không-gian sau phút huy-hoàng của buổi Giao-Thừa, nơi căn-phòng ráp nối tại phim-trường trong tiếng máy sơ: phim rè-rè vang lên như tiếng quay to, A.T. kể lại cuộc đời của A.T. chìm nổi trong đó tình mẹ là thứ tình độc-nhất mà A.T. đã may-mắn được thụ-hưởng.

Tôi mơ xứ dừa, bến đò Rạch Miễu, những bức ruộng chín vàng, thanh bình của tỉnh Trú Giang, khoảnh đất tin... rồi mơ đến cả vẻ đẹp thâm-kín của miền Nam phi-nhiêu, hiền dịu...

Giao-Thừa năm đó, chúng tôi lấy phim hồng đốt lên thay pháo bông. Nhìn các đoạn phim cháy, tôi lại sức nhớ đến những mẫu đời đã lui vào dĩ-vãng. Đoạn phim ấy đã gọi lên những hình dáng đã qua, những tâm hồn đã quần-quại, đã lo-âu những tiếng vui cười nay đã tắt hẳn, những mộng đẹp đã thâu rồi...

A.T. vừa khước phim, vừa hoa lên như muốn đánh tan cái không-khí nặng-nề đầy dĩ-vãng ấy...

— Đây là đuốc hoa... Đây là tất cả những cái đối-trá... bề ngoài...

Đây là những cái giả được xem như có thật... Ba Còn cười bảo :

— Tôi chỉ thấy đây là plan, đây là mờ dần, đây là mờ qua, đây là GP, GP, CU... Đây là MC ăm KC ra biên... và đây là Đạo diễn Quái Kiệt!

A.T. bỗng ngừng tay hỏi một câu làm cho tôi chưng-hửng :

— Không biết đời mình có như những mảnh phim này không bác? Chỉ chằm một chút lửa là tan ra tro bụi!

Ba Còn vẫn vui-vẻ đọc trại một câu Cung-oán :

Trăm plan còn có gì đâu?

Chẳng qua một nhóm tro màu tóc tang...

Câu thơ pha-trò của Còn quá bi-đát không làm vui cả « cử-tọa ».

Tôi nói :

— A.T. ạ! Trời cho ta cái trí nhớ! Chính trí-nhớ đã làm cho chúng ta khi thì rất sướng khi thì rất khổ.

A.T. suy nghĩ hồi lâu rồi nói nửa đùa nửa thật :

— A.T. thích làm sao mau quên, làm sao có thể quên một cách dễ-dàng. Ước gì trí-óc của mình như những đoạn phim này muốn giữ lại thì bỏ vô hộp cất cho vô phòng lạnh, và khi không cần, đem ra chằm lửa...

— Tôi đoán chắc AT đã bắt đầu yêu ai rồi đấy!

— Không, những hình ảnh đẹp chỉ thoáng qua rồi biến đi mau lẹ, không để một vết hằn nào lên tâm hồn AT cả. Nhưng đêm giao-thừa này sao AT thấy bàng-khuâng quá!

— Có gì... nói đi cho anh em thông cảm và chia sẻ...

A.T. nói tiếp :

— Thật vậy, A.T. thấy thích có một chuyện gì thật là đặc-biệt xảy ra trong đời A.T. A.T. thấy khao-khắc lạ... Phải có một cái gì đặc-biệt rồi có chết đi cũng ngẫm cười...

— Chỉ nói bậy, bỏ những ý-tưởng đen tối ấy đi. A.T. đang đi lên. A.T. phải cố gắng hơn nữa. Đừng bắt chước cái «mốt» của các bạn «ái xi-nê» khi hòa theo Yul, khi hòa theo James Dean... chớ không có một bản-sắc riêng biệt... Tại sao lại không thể trở nên một Anh-Tử của điện-ảnh độc-đáo với một lối diễn-xuất kỳ-lạ nhất... Mượn gì bắt-chước ai?... A.T. có lẽ bao giờ cũng nhớ câu Có chỉ thì nên

Bỗng một tiếng nổ chát chúa từ trong đồng tro hồng vang lại làm cho A.T. và tôi bỏ càng. Xa xa Ba Còn cười khúc-khích vừa vỗ tay vừa la lớn :

— Hép-pi, niu dia! (Happy new year!)

— Cóong-Hỉ, Phát-Xôoi!

— Cung chúc Tân-Xuân... Nhưng bỏ cái gì vô mà nổ lớn vậy?

— Cát-bia! Đá đốt đèn — Ba Còn nói — Chúng ta phải «CÓT» (Cut) cái năm cũ rích đi... như chúng ta vừa đốt những mẫu dĩ-vãng.

A.T. lâm bầm :

— Ước gì mà cót được dĩ-vãng như Ba Còn cắt phim thì hay biết mấy!

(Còn nữa)

Thơ

LÊN RUỘT

★ ĐIỀU HUYỀN ★

Làm việc mau lẹ

Một buổi sáng, gần Tết, Điều-Huyền có việc cần đến một sở nọ, thấy dán trên tường tấm khẩu-hiệu « Làm việc mau lẹ », Điều-Huyền đợi 2 tiếng đồng-hồ, công việc chưa xong, trong lúc ngồi ngáp có thảo lẹ mấy vần thơ sau đây cho đỡ buồn.

Lệnh truyền làm việc mau - mau - mau...
Và ba cô khác liếc - liếc - liếc...

«Thì giờ vàng bạc» thuộc lâu.
lâu. Các cụ làm việc nhanh-nhanh.

Công việc hành chánh rụp - rụp - rụp,
rụp, Chạy qua chạy lại loanh quanh-quanh...

Lãng-xăng lít-xít ào-ào-ào...
Quạt máy trên trần vút-vút-vút,

Một thầy cầm cổ viết-viết-viết...
Khối thuốc mịt-mù xanh-xanh-xanh.

Một cô đánh máy miết-miết-miết
Còn ba thầy khác ngồi cười-cười,

THƠ LÊN RUỘT

Một cô lấy-le hách-hách-hách,
Ngồi cắt móng tay tách-tách-
tách...

Thấy ông Giám-đốc đi lù-lù,
Vội-vàng đánh máy cách-cách-
cách.

Đầu đầu cũng thấy nhao-nhao-
nhao.

Chạy ra chạy vô ào-ào-ào...
Cười cười nói nói nhộn-nhộn-
nhộn,

Gặp mấy người quen chào-chào-
chào...

Công việc chạy nhanh rút-rút-
rút...

Giấy tờ chất cao ngút-ngút-
ngút...

Điện-thoại reng-reng-reng-reng-
reng...

Những câu tâm sự trút-trút-
trút...

Giây-thép phát thơ siêng-siêng-
siêng,

Kho-bạc trả tiền liền-liền-liền,
Xin giấy thông-hành lẹ-lẹ-lẹ.

Mấy thầy Công-an biên-biên-
biên...

Đơn từ xem xét, tốc-tốc-tốc,
Đương-sự trăm người đứng
nhóc-nhóc,

Ai có chuyện gì thưa-thưa-
thưa?
Chịu khó ngồi chờ chốc-chốc-
chốc!

Có kẻ kêu nài « ông! ông! ông! »
Ông còn chạy quanh vòng-vòng-
vòng.

Giấy tờ qua lại vụt-vụt-vụt,
Một tháng là xong, xong-xong-
xong!

Và tôi, Diệu-Huyền, cũng-cũng-
cũng

Làm thơ tốc-ký lũng-cũng-cũng,
Để còn về nhà nhanh-nhanh-
nhanh.

Vá áo sơ-mi lũng-lũng-lũng!

Diệu Huyền



Truyện dài của cô VẠN-NGA
(Tiếp theo P.T. số 27)

THANH ân cần cảm ơn
anh Tám. Anh Tám liền
nói :

— Tôi chỉ làm bốn phần của
một người biết suy nghĩ. Tôi đã
từng nghe danh tiếng phước đức
của ông bà bác sĩ và hiểu nỗi
hàm oan của chị Năm nên mới
giúp đỡ. Cậu đừng nên nhắc đến
ân nghĩa gì cả.

Anh Tám sợ có điều tỵ hiềm,
ở riêng dưới ghe cắm sào bên bến
nhà tôi. Ban ngày anh lên nói
chuyện chơi Thanh, thăm nom
bệnh chị Năm và dùng cơm chung
với chúng tôi, đến tối anh lại

xuống ghe ngủ. Tôi lo thang
thuốc và cơm cháo cho chị Năm
ít bữa, chị được bình phục.

Ban đầu, chị rất áy náy :

— Chị có thể đi xuống dưới
nhà được, khỏi phải bận lòng em
bưng dọn tận chỗ...

— Chị nói vậy em buồn lắm.
Đó là bốn phần em phải hầu hạ
chị trong khi ốm đau. Nếu chị
còn ngại, ắt em phải tủi thân!

— Đã đến nương nhờ mà còn
phiền em như thế sao đành?

— Chị đừng nên phân biệt.

Nhà em cũng như nhà chị vậy,
người ngoài còn ở được, huống
gì chị là chị ruột của anh Chín
em.

Chị Năm nói riêng với Thanh :

— Hồi nào tới giờ, mình đâu
có ở đồng quê, tưởng con gái nhà
quê không biết gì hết, chứ có dè
đâu « còn » giới giãn và thông
minh nào khác gái thị thành.

— Chị bằng lòng nó là em
đâu không?

— Chị rất sung sướng và hạnh
diện cho em đã tìm được một
người vợ như vậy.

Thanh tỏ ý bằng khuôn mặt :

— Nhưng còn ý kiến của ba,
má thì sao? Biết có tán thành
cuộc hôn nhân của chúng em
không?

— Chị sẽ trình bày việc ấy lại
cho ba, má. Chắc không có gì

ngăn trở đầu. Má thương con đầu đảm, quyết sẽ ưng bụng về còn lắm.

Chị Năm ưa dùng những tiếng gọi trông như côn và thẳng mà chị thấy người nhà quê gọi nghe rất hay hay. Bắt đầu hôm chị Năm đến, họ hàng nhà tôi cùng các người lối xóm đã gọi Thanh không bằng cái tên của chàng nữa :

— Chồng con Vân đi đâu đó?... Chồng con Vân có nghe tin tức gì lạ không?

Cũng như xưa kia, người ta ít gọi đến tên tôi mà chỉ kêu là : em thẳng Khanh, hay là con gái ông gì, bà gì đó mà thôi. Các bạn của Thanh cũng bắt chước cách xưng hô ấy để trêu ghẹo tôi mỗi khi Thanh và tôi ở bên nhau :

— “Chồng con Vân” tính chừng nào đi đây.

Tôi diêm mặt mấy anh và bảo đùa :

— Chết ghen ! đừng có nói cái giọng trịch thượng đó đa !

Rồi chúng tôi cùng cười phá lên. Anh Ca-Vang, ông mai nón của cuộc tình duyên của chúng tôi, bàn rằng :

— Trước khi Thanh lên đường phải có một sự cam kết gần bó

cùng Vân để cho kẻ đi, người đợi cùng một lòng chung thủy với nhau mà phần đầu lại với những thử thách của đời. Tôi đề nghị như thế này : Thanh, Vân nên nên làm một đám cưới nho nhỏ, trong vòng bạn bè, chứng nhận cho nhau, để sau này dù xa cách mỗi người cũng có bồn phận đối với nhau.

Các bạn Thanh tán-đồng ý-kiến ấy. Ca-Vang, Thúc, Cua, Hậu liền bàn chuyện với anh Tám Càng, nhờ anh đốc thêm vào với chị Năm. Đến hôm mồng bảy, chị Năm đã thiết幔, má tôi liền đưa chị lên thăm bà nội tôi để thay mặt gia-đình mà hỏi tôi cho Thanh. Các anh nhơn cơ hội ấy, thực hiện luôn điều đã dự định.

Chị Năm đề cập đến chuyện hôn nhân của tôi, với bà tôi. Bà tôi bảo rằng :

— Thời buổi bây giờ lộn-xộn, tôi sống chết không biết ngày nào, vậy con Vân đã lớn khôn rồi, má nó muốn tính sao thời cứ tính, khỏi phải trình cùng tôi.

Gặp dịp cúng tất, Thanh lại ra bàn thờ y như một người cháu rể thiết thọ. Chuyển về, Thanh cùng tôi đi băng tất đường đồng cho gần. Chiều vàng nắng dịu, gió thổi

hây hây. Tôi vừa ăn chơi một miếng trầu, má ửng đỏ hồng hồng như say rượu. Chúng tôi khoát tay nhau đi trong đồng vắng vừa qua mùa gặt còn lờm-chờm những gốc rạ khô. Thỉnh thoảng, tôi chỉ cho Thanh một gốc rạ bẻ cò mà tôi nghi có chim cúc chun vào làm tổ bên trong, rồi hai đứa chạy lại ví hai bên để bắt. Thường thì không có gì hết hay là bắt hụt, và chúng tôi kéo tay chạy đuổi theo chim, vướng víu nhau ngã quay lơ. Chàng và tôi cất tiếng cười vang thích thú.

— Chim cúc lụi mau lắm, mà anh thì chậm rì như rùa, làm sao bắt được.

— Không bắt chim được thì anh... bắt em !

Chàng đuổi theo cù tôi. Tôi chạy trốn quanh một cây rơm gần đấy. Chàng không tóm được tôi, nằm dựa vào gốc rơm, gác tay lên đầu, nhắm mắt vờ ngủ. Tôi rón rén đến gần, lấy cọng rơm khều chân chàng. Chàng thản-nhiên làm lầy. Tôi lấy rơm ngoáy lỗ tai chàng. Chàng thình lình vùng dậy tóm được tôi, cù cho đến khi nào tôi van xin mới thôi.

Chúng tôi lại đi, lại trũng giỡn, lại đuổi bắt... Tiếng cười hồn-nhiên, trong trẻo vang dài trong

gió.

Chạy đuổi mãi trong đồng khô, đất nẻ, tôi thấy đau thốn nơi gót chân liền bảo Thanh :

— Thôi, không giỡn nữa đâu. Em mệt lắm rồi và đau chân quá.

Chàng kéo tôi ngồi xuống và đưa tay xoa bóp ở bắp chuối :

— Đỡ đau không ?

— Không phải đau ở đó, ở gót chân kia.

Thanh kéo tay tôi lên, xoa nhẹ gót và thỉnh thoảng khều nhột nơi lòng bàn chân khiến tôi lại cười rử ra :

— Nửa ! đã nói không giỡn mà !

— Có giỡn đâu ?

— Nhưng anh cứ chọc cho em cười mãi !

— Nếu tiếng cười của những kẻ yêu nhau không còn nữa, thì đời sống trên thế gian này nào đáng kể gì ? Ngày hôm nay là ngày vui của tội mình. Đồng trống của tội mình. Trời đẹp, mây hương, gió mát cũng dành riêng cho tội mình nữa. Tội mình tha hồ tận hưởng những nguồn hoan lạc triền miên chỉ đến có một thuở, để rồi sau này dù tái hợp lại cũng không sao tìm được những giờ phút quý báu như hôm

nay.

Một lát sau, tôi đỡ đau chân, Thanh liền bảo tôi :

— Em ở nhà quê mà thiếu kinh nghiệm, hèn gì chẳng bị đau chân...

— Thiếu ở chỗ nào ?

— Đi chân không trên đất khô như vậy làm sao khỏi bị mấy hòn đá rần lỏi trong lòng bàn chân ? Phải dẫm đạp lên gốc mạ mà đi, dùng nó làm vật lót chân thì không còn thấy đau nữa.

Chàng và tôi dắt tay nhau, nhẩy dẫm lên từng gốc mạ mà đi.

— Thế nào ? có êm không ?

— Ờ.. Ờ.. cũng êm !..

Bỗng tôi kêu oái lên một tiếng, buông tay chàng, ngã khụy xuống và ôm chân, rên. Chàng vội chạy đến một bên, đỡ tôi và hỏi :

— Sao vậy ? cái gì vậy ?

— Gốc mạ cứng sóc vô chân em nè...

— Đau ?

— Rướm máu nữa nè, thấy không ? Tại anh làm tài khôn, xúi dại. Mới ở đồng quê có mấy bữa, cứ làm lạnh hơn người ta hoài !

Vết trầy nhẹ, nhưng khó đi.

Thanh dìu tôi đến một cái nương sâu có nước chảy và khoát nước rửa chân cho tôi rồi xem chỗ bị đau.

— Ồ, nhẹ hều ! Không sao hết.

— Nhưng em đi không được.

Hồng biết đâu, bắt thường anh đó.

— Ừ, thường thì thường...

— Bộ thường miệng vậy hả ?

— Không, thường thiệt chứ.

Anh sẽ bông em về tới nhà...

— Bậy nà ! Thiên hạ thấy cười chết...

— Có ma thấy chứ ai mà thấy.

Đồng trống vắng vẻ như vậy, ngày Tết nhứt ai ra đây làm gì...

Thanh bế tôi lên. Đôi tay khoẻ mạnh của chàng có một cái gì làm cho tôi tin cậy và vững dạ ở tương lai. Nhưng tôi cũng bảo chàng :

— Bỏ em xuống. Làm vậy kỳ quá ! Em hồng chịu đâu.

— Cô không chịu thì mặc cô.

Còn vợ tôi, tôi cung. Tôi có cung ai lạ mà cô rầy ?

— Quỷ nà, Vái cho có ai đi tới, thử coi có xấu hổ không thì biết...

— Đồ ngu ! — Chàng mắng yêu tôi — Xấu hổ phải riêng gì ai đâu ? Nhưng em không biết : người Âu Châu có cái tục lệ cũng

hay hay... Trong đêm tân hôn, chú rề tể cô dâu vào tân phòng... Ước gì anh cũng được bế em như vậy...

Tôi choàng tay ôm cổ chàng và từ từ ngã đầu vào ngực chàng. Hơi thở của chàng làm nóng mặt tôi và tôi có một cảm giác say sưa ngây ngất. Chưa có bao giờ chúng tôi thân mật đến thế. Trong những khi ngồi gần bên tôi, chàng giữ gìn cử chỉ ân ái, không vượt quá mức một ái tình cao thượng. Cũng có lần lúc cái đà thân mật sắp đi đến chỗ nguy hiểm, chàng liền rời tay tôi ra, đi lấy thuốc vắn hút rồi mới trở lại chuyện trò...

Chàng thường bảo cùng tôi :

— Trai, gái gần nhau rơm rề lửa, khó tránh khỏi những sự yếu lòng. Nếu chúng ta không khéo giữ cho nhau, sau này sẽ ân hận. Yêu nhau chúng ta đem lại sự tốt đẹp cho nhau hơn là nhắm mắt

làm liều sau này lại đổ tội, trách cứ nhau.

— Em sẽ không trách gì anh cả...

— Phải, đó là em định ninh tin tưởng rằng anh là chồng em và em giao phó trọn cuộc đời em cho anh. Làm một thằng chồng, anh không giờ muốn xem em như một ả nhân tình, và không đòi nào em chịu như vậy. Đã yêu thì phải tham lam, anh muốn em có đủ hết những gì mà một người con gái ngây thơ phải có. Và biết đâu, ta chỉ thí dụ thôi, cuộc hôn nhân của chúng ta không thành ? Nếu chúng ta sa ngã trước, sau này chúng ta có thể khinh khi nhau lắm. Em sẽ khinh anh đã lợi dụng sự ngây thơ của em, cũng như anh sẽ khinh em vì em quá dễ dãi với anh. Tình yêu sẽ chết, nếu có lòng khinh rẻ len vào.

(Còn nữa)

DÍNH CHÍNH

Vì có sự sơ suất của ấn công nên trong Phổ Thông số này trang 18 cột nhứt dòng 16 chữ Anvus xin đọc là Anvers, trang 23 dòng đầu chữ một công than xin đọc một công thần, trang 24, danh ngôn của Albert Camus : chữ những điều đáng kính, xin đọc là những điều đáng khinh, trang 37, lời giới thiệu ở dòng 4 chữ trình bầu xin đọc là trình bày.

Mong các bạn vui lòng miễn lỗi cho. Chúng tôi xin chân thành cảm tạ.

P. T.

Tuyết Xuân

Hoa Tuyết đêm nay nở thật nhiều.
 Một trời mơ Tuyết ngát hương yêu.
 Tuyết dâng chuỗi ngọc cùng non-nước.
 Tuyết phủ màn trinh lớp nắng chiều.
 Tuyết ngập tình thơ vương ý nhạc,
 Tuyết hòa tơ lệ khúc xuân-tiêu.
 Tim ta cũng ủ đầy hoa Tuyết,
 Như nằm mơ hoang giữa tịch-liêu.

Ng. 24

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

- ★ **Những kẻ khốn nạn** — Dịch giả — **Hồng-Trung**.
 (Nhà xuất bản *Sống Mới* — Sài Gòn).
 Phỏng dịch theo bộ truyện *Les Misérables* của *Victor Hugo*.
 Quyền thứ I giá 36\$.
 Quyền thứ II giá 40\$.
 Tất cả hai quyền dày 478 trang.
- ★ **Đất Mẹ** — của Bà **Thu-Vân**.
 (Do Tác giả xuất bản).
 Một văn phẩm gồm có thơ, chuyện ngắn, tùy bút v.v... Bìa in đẹp. Dày 50 trang — 36\$
- ★ **Văn Hữu số 3** — Giám-đốc **Nguyễn-duy-Miền**.
 (Tòa soạn : 15, Lê-Lợi — Sài Gòn)
 Đặc san Văn Hữu do Văn hóa vụ Bộ thông tin ấn hành. Với sự cộng tác của các bạn : *Nguyễn-Phụng, Phạm-Duy, Thái văn Kiểm, Phan-Du, Hoàng trọng Miền, Duy-Anh, Vũ Bằng, Phan Khoáng, Lê Hương* v.v... Dày 132 trang — 15\$.
- ★ **Thi ca Bách Tuyền Văn Nghệ Tinh Hoa** — Chủ trương biên tập **Nguyễn Ngọc Cầm**.
 (Giám đốc xuất bản *Lê minh Tâm*)
 Một trăm bài thơ gồm các thể tài mới, cũ, của hai mươi tám tác giả. Dày 100 trang — 32\$
- ★ **Gái thời loạn**, của **Phạm Hải Hồ**.
 Tập chuyện ngắn gồm 6 bài. Bìa do họa sĩ *Tú Duyên* trình bày. Truyện ngắn được giải thưởng văn chương 1956 của Bộ Xã Hội. Dày 105 trang — 25\$.
- ★ **Hoa cưỡi (thơ)** — **Lăng-Ba**.
 Tập thơ khổ nhỏ gồm 69 bài thơ Đường luật. Dày 72 trang 12đ.
 Muốn mua đề tên ông Phan văn Bộ — Lục sự tòa án Cần thơ.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU HUYỀN
và BẠCH-YẾN

★ **Bạn Hoàng hồng Diên-Bến-Ngự —Huế.**

- 1) Đúng như lời bạn đoán.
- 2) Mặc-Thu là một nhà Văn.
- 3) Ông Nguyễn khắc Thiệu, viết trong *Phổ-thông*, là giáo sư trường Bồ Đề Huế.

★ **Bạn Trần đình Ngộ — Qui nhơn.**

1) Người ta thường gọi «khách thập phương», là theo trong sách Phật nói «mười phương chư Phật».

2) **HỎI:** «Theo kinh nghiệm, các ông, bà lão nói rằng cây cau, cây dừa... lần đầu ra quả mà để cho con trai, con gái (nhất là con gái) hái trước thì sau này mỗi lần kết quả thế nào quả cũng bị nứt hết. Phải để cho ông già, bà lão hoặc người lớn tuổi hái trước mới được. Thưa cô, thế có đúng không?»

ĐÁP: Theo thiên ý của chúng tôi, thì vỏ trái dừa hay trái cau bị nứt làm nứt là một sự-kiện dĩ-nhiên, chứ không thể vì lý do nào khác. Riêng về trái cau, bởi theo cổ tích của nó (mà ai cũng biết), nên các ông già bà lão thời xưa cho rằng những gái chưa có chồng, trai chưa có vợ, hái nó lần đầu tiên, tức là phạm vào «trinh-tiết» của nó, thì nó sẽ nứt, hoặc sẽ thui (thường gọi là cau diếc), Nhưng đó là một dị-đoan.

3.— Trong Lịch-sử các Văn-minh thượng-cổ, không thấy có nói đến « một ngọn đèn thấp cháy luôn từ mấy thế kỷ ở dưới một cái mả ». Có lẽ đó là một câu chuyện cổ-tích bịa-đặt. Vì nếu ngọn đèn cháy được như thế thì phải có dưỡng-khí, mà ở dưới ngôi mộ chắc là không có dưỡng-khí.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

4.— Câu « ca dao » bạn hỏi đó, có lẽ là của Việt-Minh đặt ra. Trong Lịch-sử kháng-chiến V.N. chúng tôi không thấy có tên Lê - Bá - Cự.

★ **Cậu Văn-Lệ, Việt Anh, Đalat.**

Chúng tôi rất tiếc không đồng-ý về các lời lẽ trong thư cậu.

★ **Cô Trần Thị Thanh, giáo-viên. Saigon.**

Hỏi: « Em vừa nhận được một tờ giấy đánh máy, nhan đề là « **Thiên-Linh Chuỗi NadaJ Aljard** », do một người nào gửi đến mà em không biết. Em rất thắc-mắc, lo ngại, xin gửi đến chị xem, và nhờ chị giảng-giải hộ cho em và bạn đọc *Phổ-Thông*, vì em đoán chắc rằng có lẽ có nhiều người khác cũng nhận được tờ giấy bí mật này như em:

« **THIÊN LINH CHUỖI NADAJ ALJARD** »

Thiên Linh Chuỗi NadaJ Aljard sinh từ Bắc Tây Tạng và du lịch khắp thế giới.

Bạn hãy chép nguyên văn *Thiên Linh Chuỗi* này 13 bản, bạn sẽ thấy một ân đãi hết sức cho bạn.

1) Hai Thủy thủ Hồng Mao đã thoát chết một cách bất ngờ trong một thiết giáp trùng Thủy lôi tại Thái bình dương vì họ đã gửi *Thiên Linh Chuỗi* cho 13 người bạn.

2) Anh Lê-phước-Bật một nông dân ở làng Hòa-Bình đứng lì, đã trúng số 1 triệu đồng.

3) Madeleine Bontier không tin đã xé *Thiên Linh Chuỗi*, trong vài ngày sau chồng bà bị chết.

4) Thầy Nuôi Si sau khi nhận được *Thiên Linh Chuỗi* đã nhứt định nhét sau bàn thờ, không chịu chuyển giao, nên đã bỏ mình vì đau sắng do chính tay vợ thầy đang tâm hãm hại trong lúc thầy đang mơ màng giấc điệp.

5) Cô thợ may ở Mayer làm đúng lời dặn nên đã được một kỳ nghệ gia cầu hôn, và lẽ dĩ nhiên đã sống trong nhung lụa.

Bạn hãy đặt hết tin tưởng vào *Thiên linh chuỗi* rồi bạn thấy một biến chuyển bất ngờ và tốt đẹp đến ngay cho bạn.

Trái lại, nếu bạn không tin thì một sự không ngờ sẽ đưa đến cho bạn một cách bất ngờ không may và thậm chí một sáng một chiều. Thiên linh chuỗi hãy ứng cho tôi làm đúng lời dặn ».

ĐÁP : Từ hồi còn đi học, chúng tôi cũng đã hai lần nhận được 2 tờ giấy « bí mật » ấy tuy lời nói có khác nhưng đại để cũng một cách-thức như tờ giấy trên. Người Âu-Châu gọi loại truyền - đơn luân-chuyển này là « Chaîne d'amour » (Chuỗi Tình Thương), hoặc là « Chaîne Miraculeuse » (Chuỗi Linh-thiên) tùy theo lời nói trong truyền đơn. Nguyên - do của « chuỗi » này là mê tín, và thường xảy ra từ nơi các Đền, Chùa, nhất là ở Ấn-Độ, Miến - Điện, Tây-Tạng, và Tàu. Một ngôi đền nào đó lâu ngày không có ai đem hoa quả và lễ vật đến cúng dường, các ông Tu-sĩ ở đền bèn truyền ra những lời « sấm » vừa quyến-rũ, vừa hăm dọa, như trên đề lời kéo tín-đồ. Tính-cách nguyên-thủy của các truyền-dơn kia chỉ có tác-dụng địa-phương mà thôi, nhưng các người mê-tín ở địa-phương cứ theo đó mà chép ra nhiều bản gửi cho các người thân thuộc ở xa, rồi cứ thế mà luân chuyển khắp nơi. Kết quả, như tờ « Thiên linh chuỗi », trên đây, nguyên từ ngôi đền Nadaj thờ một vị Thần Bà-la-môn ở phía Nam Tây-Tạng, lần hồi truyền sang Việt nam; lọt vào tay cô bạn Trần-Thị-Thanh, một Nữ giáo-viên ở Quận III, Sài Gòn, rồi rớt vào tòa soạn Phở - Thông ! Loại Chuỗi truyền đơn này, thường khi luân - chuyển khắp các xứ trên địa-cầu, do lòng lo sợ của những người mê-tín bản - khoả trước một lời sấm bí mật mà họ sẵn sàng tuân theo, và chép ra 13 bản gửi đi khắp chân trời mặt biển, để họ được an tâm. Theo kinh-nghiệm riêng của chúng tôi, có một lần chúng tôi làm theo đúng lời dặn trong « Chuỗi Linh », và tự tay chép ra 13 bản gửi đi cho 13 người ở xa, nhưng rốt cuộc không được một phần thưởng nào cả. Trái lại, lần sau nhận được một tờ khác của một nơi khác gửi tới, chúng tôi xé bỏ vào sọt rác thì cũng không thấy bị tai-hại mấy-may nào. Người ta đã điều-tra ra rằng có đôi nhà buôn, và đôi người làm « áp-phe » bắt chước lối « Chuỗi » ấy để cò động tiêu thụ cho một món hàng nào đó bị ế-âm, hoặc mới ra đời. Như năm 1925, ở Việt nam, có một hãng làm giấy bồi ở Chợ Lớn bày ra một « Chuỗi Thiên-Linh », chép lời một vị « Nam-Phương Thánh Mẫu » nào đó, bắt mỗi người phải chép ra 13 bản trên giấy bồi. Nhờ kiểu đó mà hãng giấy Hoa-kiều kia tiêu-thụ trong một tháng một số giấy bồi quan trọng.

Cũng có khi, một sở Bưu Điện ở một xứ nào đó, có một số tem ế quá nhiều, liền bày ra « Chuỗi ái tình », hoặc « chuỗi Thiên Linh », để tiêu thụ số tem ế ăm, mà chính người mua tem không ngờ, (vì mỗi người phải mua 13 con tem để gởi 13 tờ Chuỗi thiên linh cho 13 người quen ở xa !) ở Hà nội, năm 1930, một nhà thuốc Cao-Đơn hoàn tán Huê kiều có một số « thuốc trừ bệnh dịch tả » bán không chạy, ế mấy ngàn ve. Y bèn đánh máy 13 tờ « Chuỗi Thần-Linh » của « Na Y Thánh Mẫu » gởi cho 13 người Việt Nam mà y quen biết. Trong tờ Chuỗi ấy, bà Na Y thánh mẫu nào đó báo cho dân gian biết rằng trong một tháng nữa ở Việt Nam sẽ có bệnh dịch tả, vì Ngọc Hoàng muốn hành phạt những kẻ có tội lỗi v.v... Ai nhận được giấy này, nên tự mình mua thuốc trừ dịch tả để phòng bị trong nhà và chép 13 bản nguyên văn tờ « Chuỗi thần linh » để gởi làm phước cho 13 người bà con. Nếu không thì sẽ bị tai họa, kết quả là trong tháng đó số thuốc ế của nhà Hoa Kiều đã được tiêu-thụ hết.

Hôm nay, chúng tôi nhận được « Chuỗi Thiên Linh Nadaj Rajard » do cô giáo Trần-Thị-Thanh gửi đến. Chúng tôi xin vui lòng đăng lên Phở-Thông, tức là gửi cho hai chục ngàn bạn đọc, (chớ không phải 13 người như trong Chuỗi dặn !) Như vậy chắc là chúng tôi sắp sửa trúng số độc-đắc 1 triệu đồng, và cô giáo Thanh cũng sẽ trúng số 500.000đ ! Bạn nào muốn trúng nữa, cứ việc chép gởi đi. Nhưng đừng gởi lại cho chúng tôi nữa nhé !

✧ **Cô TN, trường Gia Long - Sài Gòn.**

Cô nên trả lời tất cả những lời vu cáo và dèm pha ganh-tỵ bằng sự im-lặng. Đọc thư cô, chúng tôi rất cảm-động, và chúng tôi hiểu nỗi đau khổ của cô, bị kẻ tiểu nhơn ganh-ghét, tìm cách xúc phạm đến phẩm-giá của cô. Nhưng không cần « bực mình », vô ích. Cô nên tỏ thái-độ cao-thượng, dẫm dươi chân tất cả các âm-muru bỉ-đi ấy. Không cần « đối-phó » bằng một cách gì. Chỉ im-lặng là cao hơn hết. Im-lặng là vĩ-dại hơn cả. Xin nhắc cô một câu thơ của Alfred de Vigny :

« Seul le Silence est grand, tout le reste est faiblesse.
(Chỉ Im lặng là thanh cao, chỉ Im lặng là không hèn).

✧ **Ô. Trần-h-Cường - Bồng-Sơn.**

1) Điền-tích hai chữ « KẾT CỎ » : Ngụy-Hùng, đời nhà Tấn, rất yêu người vợ hầu, lúc sắp chết dặn con là Ngụy-Khỏa phải chôn sống người vợ hầu cùng huyết với ông. Ngụy-Khỏa cho như thế là

vô nhân-đạo, nên không chôn người sống vô tội. Sau Ngụy-Khảo đánh giặc Đổ-Hồi, bị Đổ-Hồi đuổi gần kịp sắp giết chàng thì bỗng đứng ngựa của Đổ-Hồi bị cở quẩn chặt vào churen, chạy không được nữa. Ngụy-Khảo thừa thế quây lại giết được giặc. Tới Ngụy-Khảo nằm chiêm-bao, thấy có ông già hiện về báo : « Tôi là cha nàng hầu của Linh-tôn. Chính tôi kết cở quẩn chân ngựa Đổ-Hồi, để cho ông giết nó. Vậy là tôi muốn trả ơn ông đã cứu sống con gái tôi ».

2) Điền-tích hai chữ « NGÂM VÀNH » : Dương-Bảo, đời Hán, hồi 7 tuổi đi chơi gặp con chim se-sẻ bị con Diều Hâu mổ, rớt xuống đất kiến bu đầy mình. Dương-Bảo thấy vậy động lòng thương, liền lượm chim se, phỉu sạch kiến, và đem về xức thuốc, nuôi cho lành mạnh, rồi thả chim bay. Chim bèn hóa ra chàng thanh-niên mặc áo xanh, cầm bốn vành trắng đến tặng Dương-Bảo để tạ ơn, và nói : « Sau ông sẽ được bốn đời học đỗ thành tài ».

Lại còn có sự tích khác : Có người dâng lên Vua Thái-Mậu đời Thương một con chim se-sẻ. Nhưng thấy chim buồn-bã, ủ-rủ, không ăn uống gì, Vua thương xót mở lòng phóng-thích chim. Sau chim trở lại, ngâm một vành bằng ngọc kim-cương tới đền ơn Vua.

3) Hai chữ « CÔNG-GIÁO », được đặt ra trong thời Pháp-thuộc Vi Gia-tô-giáo là công-giáo của nước Pháp.

4) VIỆN BÁC-CỒ VIỄN-ĐÔNG, là « Ecole Française d'Extrême-Orient », do người Pháp lập ra ở Hà-nội, hiện nay hình như có một phần đã được dời vô Sài-gòn.

5) LỤC-QUÂN, tức là bộ-binh. Lục, là trên đất : Lục-địa, Lục-lộ, v. v..

★ **Bạn Hoàng -Thanh (Blao).**

1) Bạn nên tự mình đến bác sĩ chuyên môn về bệnh thần kinh, để nhờ khám bệnh và cho thuốc thích hợp hơn.

2) Chúng tôi tưởng viết LƯU BÚT thì không cần phân biệt bạn trai hay gái, miễn là bạn học cùng lớp hoặc cùng trường, và đứng đắn là được.

3) Không ai cấm bạn đi du lịch bằng xe đạp trong toàn cõi Việt Nam tự-do.

★ **Bạn Vũ Huyền Dư K.B.C. 6077.**

1) Ông N.V. «trước làm trưởng ty tiểu học vụ Quảng Ngãi» không phải là ông N.V. giám đốc tạp chí Phổ Thông.

2) Người sau này chính là tác giả các bài thơ ông kể đó.

3) Lệ-Chi là tên một người bạn gái đã qua đời, và N.V. lấy tên ấy làm bút hiệu, hồi tiền chiến.

4) Nhon vật «Lệ Chi» trong quyển «Hai Thiêng Liêng» chính là người bạn gái ấy.

5) Chữ NOËL do chữ latin *Natalis*, (Larousse du XX^e Siècle) chứ không phải do chữ Emmanuel.

★ **Cô Nữ-sinh Trường Ngô-dinh-Khôi, Kontum.**

— Trong những chữ Noël, Pâque, e và i, có hai chấm, để đọc như hai chữ e, hai chữ i (Nô-en, Pa-gai-ie). Trong những chữ *apparaître, Pâques*, i và â có dấu ^ phải đọc dài ra,

— Chữ « xuya », là theo chữ Pháp « Sûr », là chắc-chắn.

★ **Bạn Tuyết Trinh — Phạm ngũ Lão, Saigon.**

2 câu thơ của Nguyễn Du :

Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ thủy nhân khấp Tố-Như.

xin dịch ra thơ thất-ngôn :

Ba trăm năm lẻ sau này nữa,

Thiên-hạ ai người khóc Tố-Như.

hoặc thơ lục bát :

Ba trăm năm nữa sau này,

Cõi trần nào biết có ai khóc mình?

★ **Ông Phiêu Linh Tử, Tòa Đại biểu Chính phủ, Đalat.**

Thưa ông, tôi xin phép nhắc lại một câu chuyện trong sách Tàu hồi xưa : Một hôm, thầy Trang-Tử ngồi bờ ao coi một bầy cá lội. Thấy Mặc-Tử chột đến chơi. Mặc-Tử hỏi :

— Bác làm gì đó ?

— Tôi coi cá bơi vui quá.

Mặc-Tử cười to :

— Bác không phải cá, sao bác biết là cá vui ?

Trang-Tử liền cười to hơn :

— Bác không phải tôi, sao bác biết là tôi không biết ?

Thưa ông, tôi vừa đọc bức thư ông gửi cho tôi, trong đó ông hỏi tôi : « Tôi chắc rằng cô Diệu-Huyền không phải là cô Diệu-Huyền, mà là ông N.V., có phải không, thưa cô Diệu-Huyền ? »

Tôi xin mượn câu của thầy Trang-Tử hỏi thầy Mặc-Tử mà xin hỏi lại ông :

— Ông không phải tôi, sao ông biết là tôi không phải tôi ?

✱ Ô. K.T.C. Đại-học Saigon.

Chữ U.S.O.M. (Viện-trợ Kinh-Tế Mỹ) là viết tắt của bốn chữ United States Operation Mission,

✱ Cô Đặng Đỗ Thủy-Tiên — Vũng Tàu.

Thành thực cảm ơn thư cô. Nếu có bài, cô gửi đến cho chúng tôi xem. Theo thể lệ của nhà báo, chúng tôi không trả lại bản thảo khi bài không được đăng.

✱ Ông Vương-đức-Hà — Kế An.

Xin ông cho chúng tôi biết tên thật và địa chỉ rõ ràng để liên lạc. Một bưu-phieu của nhà Báo gửi đến ông đã bị nhà Bưu-điện Ba-xuyen trả lại.

BẠN ĐỌC VIẾT

✱ T.T. KH.

(Của Bạn Phạm trọng Tuy — Cao Lãnh)

« ... Trong bài « Thâm-Tâm muốn đi theo con đường lãng mạn của Arvers ? » đăng trên tạp-chí « Giáo-dục Phổ-Thông » số 49 ngày 1-11-59 ông Lê công Tâm cho biết T.T.KH chính là thi-sĩ Thâm-Tâm, người đã dàn cảnh một thiếu-phụ bị ép duyên khóc tình dang-dờ bằng những bài « Hai sắc hoa ti-gôn », « Bài thơ thứ nhất ». Tôi lại vừa được xem bài « trả lại cho đời cánh hoa tim » của T.T.KH. làm sau cái chết của Thâm-Tâm. do Tân-Đạt-Dân giới-thiệu và cho đăng trên báo « Chuông mai » khiến tôi càng thêm thắc mắc.

Vậy muốn sáng-tỏ vấn-đề xin ông vui lòng cho biết 5-kiến... »

Đáp : Chúng tôi không rõ T.T.KH. là ai. Chúng tôi có quen biết khá nhiều với ông Thâm Tâm lúc còn ở Hà-nội, ông ở Chợ Hôm, nhưng chưa bao giờ chúng tôi nghe Thâm-Tâm nói đến T.T. KH. Theo chỗ chúng tôi nghe vài bạn chơi thân trong làng văn thời bấy giờ nói lại, thì T.T.KH. là tên tác của một thiếu phụ còn

trẻ tuổi, đã có chồng rồi, rất lãng-mạn, làm bài thơ « Hai sắc hoa ti-gôn » sau khi đọc say mê một chuyện ngắn của nhà văn THANH-CHÂU đăng trong « Tiểu thuyết thứ Bảy ». Nếu Thâm-Tâm biết rằng người ta gán cái tên T.T.KH. cho anh ta. có lẽ anh ta sẽ là người ngạc nhiên đầu tiên chăng ?

✱ SỐ KIẾN-THIỆT. 54 LÔ AN-ỦI, HAY 55 ?

(Của bạn Hàng Diệu Quang — Quận Tuy Phong).

Tôi có một điểm thắc mắc như dưới đây mong nhà Kiến-Thiết giải đáp cho, rất cảm ơn.

Trong các kỳ xổ số kiến thiết quốc gia có 12.326 lô trúng, trên vé số ghi có 55 lô an ủi, nhưng tôi tính mãi chỉ có 54 lô thôi. Vậy còn thiếu 1 lô, mong nhà kiến thiết chỉ cho tại sao ?

Xin thành thật cảm ơn.

✱ CON CUỐC-CUỐC VÀ CON QUỐC-QUỐC

(Của bạn Huỳnh Hoan — k.b.e. 6.085)

... — « Trong bài « Qua đèo Ngang » của bà Huyện-Thanh-

Quan có 2 câu : Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia ».

Quốc là con chim Quốc và gia là con chim Gia, có nơi gọi là con chim Đa-Đa.

Trong bài vịnh Cổ-loa bằng chữ Hán của Chu Mạnh Trinh có 2 câu :

« Tịch mịch tiền triều cung ngoại miếu

Đổ quyền đề đoạn nguyệt âm âm !

mà Thi sĩ Tân-Đà dịch nôm là :

— « Cung miếu triều xưa nay vắng ngắt,

Trăng mờ khuất-khoảnh cuộc kêu thâu.

vậy xin hỏi :

— ĐỒ-QUYÊN có phải là con CUỐC không ? và « QUỐC-

QUỐC » trong bài *qua đèo Ngang*, cũng có phải là con ĐỒ. QUYÊN không?

Theo em, thì con CUỐC là một loại giống con gà. Đuôi ngắn và chạy rất nhanh. Trưa hè, nó hay kêu « Cuốc ! Cuốc ! », Tiếng kêu nào-nùng xa vắng, khiến người nghe chạnh nhớ nhung những kỷ-niệm xa xưa. Con cuốc này chạy lùi-lũi, ít bay. Nên ở quê, thường ví những đứa trẻ mập mạp, đen đui, khoẻ khoắn là « thằng ấy mập như con Cuốc ! »

— Còn con chim « QUỐC » là một giống chim có nghĩa vợ chồng. Thường kêu ban đêm, nhất là về mùa lạnh. Giống quốc này to hơn con sáo, trạc bằng con gà chân cao mà vàng. Giọng kêu cũng nào nuột, kêu từng tiếng đôi và thường hay ở những bụi ô-rô, bụi lũng ven sông, ruộng. Người ta cũng thường làm lồng bẫy để nhử Quốc.

Nếu ta bắt được con chim Quốc cái, hay chim Quốc đực, thì con chim còn lại, nhịn ăn, nhịn uống, kêu than suốt ngày đêm, đến khi gần chết, bèn treo chân lên cây mà chết khô cho vẹn nghĩa tào-khương. Nếu ai gặp được con quốc chết như vậy thì lấy ngay về, mổ ra lấy cục huyết nơi cổ mà làm ngải nhân tịnh thì rất hiệu-nghiệm.

Vì chỗ phủ thê chung thủy như vậy, mà nhà quê ta, thường truyền khẩu nhau câu hát :

— « Quốc là đĩ, quốc ngồi ủ rũ,
Người lạc người, khổ lắm người ơi ! »

Tóm lại, con ĐỒ-Quyên, hay hờn Thục-đế, hay con chim quốc thì viết bằng QUỐC. Còn con chim cuốc, thì viết bằng CUỐC. Thưa chị, có phải thế không ạ ? Nhưng theo ngụ ý của em, thì nếu đem giống chim vào Văn chương để diễn bình cho mối tình cảm dù nhớ nước, thương nhà, dù nhớ tình nhân bạc bẽo, chẳng hạn, thì nên đem chim Quốc « chim màu đen » Có như vậy mới ăn nhập với những bài thơ trên và đúng ý với câu thơ của Tản-Đà thi-sĩ :

— « Ấy hờn Thục-đế thác bao giờ,
Năm canh máu chảy đêm hè vắng
Sầu khác, hờn tan bóng nguyệt mờ
Có phải tiếc Xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn còn trơ ?

Còn chim CUỐC, (màu xám), mùi hôi, thì không nên đem vào văn chương. Tuy nó chỉ gọi cho người đa sầu đa cảm những oi bức của mùa hè, những nhớ nhung xa vắng. Hoặc báo hiệu cho mùa phượng vĩ đổ cánh trên vĩa hè v.v.,

Vậy, kính thưa chị, Các văn nhân thi-sĩ trên đã dùng vào văn thơ họ con chim Quốc, mà ẩn công đã sắp nhầm là chim Cuốc ? Hay có nơi thi sĩ dùng chim QUỐC, có nơi lại dùng chim CUỐC ?



TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ Cô Nguyễn thị Lợi — Phong Dinh

Ngày 11-6-34 dương lịch nhằm ngày 30 tháng 4 âm lịch năm Giáp Tuất, tháng Kỷ Ty, ngày Quý Sửu.

★ Bạn Nhật lệ Giang.

Ngày 29 tháng Giêng âm lịch năm Kỷ Mão nhằm ngày Bính dần, tháng Kỷ Mão năm ấy.

★ Bạn Phan minh Tân — Khánh Hòa

Ngày 2-8-1937 là ngày 26-6 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Đinh Vị, ngày Tân Dậu.

★ Ông Phan thái Bình — Mỹ Tho.

Ngày 23-5 âm lịch năm Mậu Dần = Lundi 20-6-1938

Ngày 23-6 — = Mercredi 20-7-1938

★ N.T.L.A — Trường Quốc Gia — Phạm — Sài Gòn

— Ngày 26-10-42 D.L = nhằm ngày 26-10 âm lịch năm Nhâm Ngọ, tháng Canh Tuất, ngày Nhâm Tý.

— Ngày 8-1-41 nhằm ngày 11-12 âm lịch năm Canh Thìn, tháng Kỷ Sửu, ngày Bính Ngọ.

★ Ông Trần Mạnh Sang — Qui Nhơn.

Ngày 27-6-31 D.L là ngày 12-5 âm lịch năm Tân Vị, tháng Giáp Ngọ, ngày Quý Sửu.

★ Ông Trương văn Thái — Nha trang.

Ngày 21-8 âm lịch năm Kỷ Mão nhằm ngày Thứ Ba 3-10-1939

★ Một độc giả ở Vĩnh Long

Ngày 18 tháng 8 năm Ất Hợi là ngày Chúa Nhật 15-9-1935 D.L.

★ Bạn Lâm hùng Dũng Giáo-Viên — Vĩnh lợi — Ba xuyên

D.L. : 1-9-1938 tức âm lịch 8 tháng 7 nhuận năm Mậu dần (ngày Mậu Tuất, tháng canh thân) ;

★ Bạn Lê chí Kính B.P. 33 Huế :

1) 1-11 Đinh vị tức dl Thứ năm 5-12-1907.

2) 24-5 Quý dậu — Chúa nhật 16-7-1933.

3) 3-3 Bính tý — Thứ tư 25-3-1936.

4) 16-2 Canh thìn — Chúa nhật 24-3-1940.

5) 14-6 Giáp-thân — Thứ tư 2-8-1944

6) 11-5 Canh-dần — Chúa nhật 25-6-1950 %.

★ Ông H. T. Trừ — Quới Sơn.

— Ngày 15-3 âm lịch năm Nhâm Thân = Mercredi 20-4-1932

— Ngày 28-8 âm lịch năm Bính Tý = Mardi 13-10-1936.

★ Ông Cao Xuân — Nha trang

Ngày 1-5-1940 nhằm ngày 24-3 âm lịch năm Canh Thìn tháng canhThìn ngày Giáp Thìn.



XÒ SỐ KIẾN THIẾT

LOẠI ĐẶC BIỆT - VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

LOẠI I	mở ngày	16/2/1960
— II	—	8/3/1960
— III	—	30/3/1960
— IV	—	12/4/1960

GIÁ MỖI VÉ 10\$00

1 Lô Độc Đắc	1.000.000\$00
5 Lô	100.000\$00

và nhiều lô trúng khác như loại vé
Kiến thiết thường



- Một dịp làm giàu mau chóng
- Một cách giúp phần xây dựng
văn hóa Việt-Nam.

XÒ SỐ KIẾN THIẾT

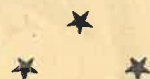
LOẠI ĐẶC BIỆT - VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

LOẠI I	mở ngày	16/2/1960
— II	—	8/3/1960
— III	—	30/3/1960
— IV	—	12/4/1960

GIÁ MỖI VÉ 10\$00

1 Lô Độc Đắc	1.000.000\$00
5 Lô	100.000\$00

và nhiều lô trúng khác như loại vé
Kiến thiết thường



- Một dịp làm giàu mau chóng
- Một cách giúp phần xây dựng
văn hóa Việt-Nam.